

Tổng quan
Báo cáo Phát triển con người
năm 2015



Việc làm vì phát triển con người





Trang bìa phản ánh thông điệp cơ bản rằng việc làm là động lực chính thúc đẩy phát triển con người. Hình nền đằng sau thể hiện hình 2.2 trong Báo cáo, theo đó cho thấy, dựa trên danh sách 156 quốc gia chiếm 98% dân số thế giới, trong vòng 25 năm qua đã có nhiều quốc gia và nhiều người thoát ra khỏi nhóm phát triển con người thấp hơn giai đoạn trước (từ 62 quốc gia với 3 tỷ người năm 1990 xuống còn 43 quốc gia với hơn một tỷ người năm 2014) và đồng thời đã có nhiều quốc gia và nhiều người tiến lên nhóm phát triển con người cao và rất cao (từ 47 quốc gia với 1,2 tỷ người năm 1990 tăng lên 84 quốc gia với hơn 3,6 tỷ người năm 2014). Trong hình nền đằng sau, dải màu xanh dương nhạt ở dưới cùng đại diện cho xu hướng thứ nhất, và dải màu xanh lá cây ở trên đỉnh đại diện cho xu hướng thứ hai. Trong hình nền đằng trước, vòng tròn số liệu lao động thuộc nhiều hoạt động khác nhau, bao gồm cả công việc mang tính sáng tạo và công việc tình nguyện, không chỉ nhắc nhở rằng công việc của họ đóng góp vào thành tựu phát triển con người như mô tả trong hình nền đằng sau, mà còn phản ánh thuyết động lực việc làm và quan hệ tương hỗ giữa các loại hình việc làm khác nhau.

Bản quyền © 2015
Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc
1 UN Plaza, New York, NY 10017, USA

Bản quyền được bảo hộ. Không được sao chép, lưu trữ trong hệ thống tìm kiếm thông tin hoặc chuyển tải bất kỳ phần nào của ấn phẩm này dưới bất kỳ hình thức nào hoặc bằng bất kỳ phương tiện nào như điện tử, in ấn, sao chụp, ghi âm, hoặc các hình thức khác khi chưa được sự đồng ý.

Bản ghi danh mục tài liệu này có thể xem tại Thư viện Quốc gia Anh quốc (British Library) và Thư viện Quốc hội Hoa Kỳ (Library of Congress).

Biên tập và xuất bản: Communications Development Incorporated, Washington DC, USA
Thiết kế trang bìa, thiết kế thông tin và đồ họa dữ liệu: Quinn Information Design, Phoenix Design Aid and Accurat s.r.l.

Tổng quan

Báo cáo Phát triển con người năm 2015

Việc làm vì phát triển con người



Xuất bản cho
Chương trình
Phát triển LHQ
(UNDP)

*Empowered lives.
Resilient nations.*



Ban soạn thảo Báo cáo phát triển con người 2015

Giám đốc văn phòng HDRO và chủ biên

Selim Jahan

Phó trưởng ban

Eva Jespersen

Nghiên cứu và số liệu

Shantanu Mukherjee (Trưởng nhóm), Milorad Kovacevic (Trưởng nhóm Thống kê số liệu), AstraBonini, Cecilia Calderon, Christelle Cazabat, Yu-Chieh Hsu, Christina Lengfelder, Sasa Lucic, Tanni Mukhopadhyay, Shivani Nayyar, Thomas Roca, Heriberto Tapia, Katerina Teksoz và Simona Zampino

Truyền thông và xuất bản

Botagoz Abdreyeva, Eleonore Fournier-Tombs, Jon Hall, Admir Jahic, Jennifer Oldfield, Anna Ortubia và Michael Redante

Điều phối và hành chính

Sarantuya Mend (Quản lý hoạt động), Mamaye Gebretsadik, FeJuarez Shanahan và May Wint Than

Lời nói đầu

Hai mươi lăm năm trước, Báo cáo phát triển con người đầu tiên năm 1990 ra đời với một quan niệm giản đơn: phát triển chính là mở rộng những lựa chọn của con người—tập trung chủ yếu vào sự thịnh vượng của đời sống con người thay vì đơn thuần là sự thịnh vượng của các nền kinh tế. Việc làm là nền tảng cơ bản cho sự thịnh vượng của các nền kinh tế cũng như sự thịnh vượng của đời sống con người nhưng thường bị đóng khung trong các thuật ngữ kinh tế hơn là các thuật ngữ về phát triển con người. Báo cáo phát triển con người năm 2015 vượt ra khỏi quy ước đó bằng cách kết nối trực tiếp vấn đề việc làm với sự thịnh vượng của đời sống con người.

Báo cáo này mở đầu bằng một câu hỏi cơ bản — việc làm thúc đẩy phát triển con người như thế nào? Báo cáo đưa ra một cách nhìn rộng về vấn đề việc làm, vượt ra ngoài phạm vi các công việc làm thuê và xem xét đến cả những hoạt động như chăm sóc không được trả lương, hoạt động tình nguyện và hoạt động mang tính sáng tạo —tất cả đều đóng góp vào sự thịnh vượng của đời sống con người.

Báo cáo nhấn mạnh tiến bộ phát triển con người đầy ấn tượng trong một phần tư thế kỷ vừa qua. Ngày nay, con người sống lâu hơn, nhiều trẻ em được đến trường và nhiều người được tiếp cận với nước sạch và các điều kiện vệ sinh cơ bản hơn. Thu nhập bình quân đầu người trên thế giới tăng lên, và tỷ lệ nghèo giảm xuống, kết quả là mức sống của rất nhiều người được nâng cao. Cách mạng kỹ thuật số kết nối con người giữa các quốc gia và các xã hội với nhau. Việc làm đóng góp vào tiến bộ này thông qua xây dựng năng lực của con người. Việc làm bền vững đem lại cho con người cảm nhận về phẩm giá và cơ hội tham gia đầy đủ vào đời sống xã hội.

Vẫn còn đó những thách thức không nhỏ, từ tình trạng đói nghèo dai dẳng và bất bình đẳng nghiêm trọng đến biến đổi khí hậu và bền vững môi trường nói chung, đến tình trạng xung đột và bất ổn. Tất cả đều cản trở con người có được công ăn việc làm đầy đủ, và hệ quả là quá nhiều tiềm năng của con người vẫn chưa được khai thác. Đây là mối quan ngại đặc biệt đối với thanh niên, phụ nữ, người khuyết tật và những người bị đẩy

ra ngoài lề xã hội. Báo cáo lập luận rằng nếu tiềm năng của tất cả mọi người được khai thác thông qua những chiến lược và chính sách phù hợp thì có thể đẩy nhanh tiến bộ về phát triển con người và giảm thiểu các bất cập về phát triển con người.

Báo cáo nhắc nhở chúng ta rằng mối liên kết giữa việc làm và phát triển con người không phải là mặc nhiên hay tất yếu. Chất lượng việc làm là một khía cạnh quan trọng để đảm bảo rằng việc làm sẽ thúc đẩy phát triển con người. Tuy nhiên, các vấn đề như phân biệt đối xử và bạo lực là rào cản để có được những mối liên kết tích cực giữa việc làm và phát triển con người. Một số loại hình công việc gây tổn hại nghiêm trọng đến phát triển con người, như lao động trẻ em, lao động cưỡng ép và lao động bị buôn bán này đều vi phạm nghiêm trọng các quyền con người. Trong nhiều trường hợp người lao động làm việc trong những điều kiện nguy hiểm độc hại phải đối mặt với nguy cơ bị xâm hại nghiêm trọng, mất an toàn cũng như mất tự do và tự chủ.

Tất cả những vấn đề này càng cần phải giải quyết một cách cấp bách vì trong bối cảnh toàn cầu hóa và cách mạng khoa học kỹ thuật, thế giới việc làm đang trải qua những thay đổi nhanh chóng. Toàn cầu hóa đã đem lại lợi ích cho một số người và tổn thất cho những người khác. Cách mạng kỹ thuật số đã tạo ra những cơ hội mới, nhưng đồng thời cũng làm gia tăng những thách thức mới, như việc phân bố không cân xứng hình thức hợp đồng lao động thời vụ và việc làm ngắn hạn giữa người lao động có kỹ năng cao và không có kỹ năng.

Báo cáo đưa ra lập luận xác đáng rằng phụ nữ là đối tượng chịu thiệt thòi trong thế giới việc làm — cả việc làm có thu nhập và không có thu nhập. Trong lĩnh vực việc làm có thu nhập, phụ nữ tham gia vào lực lượng lao động ít hơn nam giới, thu nhập thấp hơn, công việc của họ thường có nhiều rủi ro hơn và họ không được tham gia đúng mức vào những vị trí quản lý cấp cao và có quyền ra quyết định. Với việc làm không có thu nhập, phụ nữ phải gánh vác phần lớn việc nhà và chăm sóc gia đình.

Báo cáo xác định rằng việc làm bền vững, với tác dụng thúc đẩy phát triển con người đồng thời giảm thiểu và loại bỏ các tác động phụ tiêu cực cũng như những hệ quả không đáng có, chính là trụ cột chính của phát triển bền vững. Việc làm bền vững sẽ mở rộng cơ hội của thế hệ hiện tại nhưng không làm giảm cơ hội của thế hệ tương lai.

Báo cáo lập luận rằng thúc đẩy phát triển con người thông qua việc làm đòi hỏi các chính sách và chiến lược ở ba lĩnh vực lớn—đó là tạo ra cơ hội việc làm, đảm bảo phúc lợi cho người lao động và xây dựng hành động hướng đến mục tiêu đã đề ra. Lĩnh vực đầu tiên tập trung vào các chiến lược việc làm quốc gia và nắm bắt những cơ hội trong thế giới việc làm đang thay đổi từng ngày, trong khi lĩnh vực thứ hai bao quát các vấn đề quan trọng như đảm bảo quyền và lợi ích của người lao động, mở rộng hệ thống bảo trợ xã hội và giải quyết tình trạng bất bình đẳng. Những hành động mục tiêu cần tập trung vào vấn đề việc làm bền vững, giải quyết sự mất cân bằng giữa việc làm có thu nhập và không có thu nhập và các biện pháp can thiệp cho những nhóm đối tượng cụ thể - ví dụ, thanh niên và người khuyết tật. Trên hết, cần có một chương trình hành động nhằm đạt được một Khế ước xã hội mới, một Thỏa thuận toàn cầu, và một Chương trình nghị sự về việc làm bền vững.

Báo cáo năm nay ra đời rất đúng thời điểm, ngay sau Hội nghị thượng đỉnh LHQ

về phát triển bền vững, nơi mà các Mục tiêu phát triển bền vững mới được thông qua, trong đó Mục tiêu số 8 nhấn mạnh một cách rõ ràng vào vấn đề việc làm: Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế ổn định, toàn diện và bền vững, tạo việc làm đầy đủ, hiệu quả và thỏa đáng cho tất cả mọi người.

Trong bối cảnh này chúng ta cần thảo luận nghiêm túc về các thách thức do những thay đổi đang diễn ra trong thế giới việc làm đem lại. Cần tận dụng cơ hội để củng cố mối liên kết giữa việc làm và phát triển con người. Trong suốt 25 năm qua, khái niệm phát triển con người, các báo cáo và bộ chỉ số liên quan đã tạo ra nhiều cuộc tranh luận, đối thoại và thảo luận trên khắp thế giới về những thách thức phát triển và những vấn đề chính sách. Tôi hy vọng năm nay không phải là ngoại lệ và báo cáo này sẽ mở ra những cuộc đối thoại và tranh luận xoay quanh khái niệm phát triển con người cũng như các chiến lược để thúc đẩy phát triển con người.



Helen Clark

Tổng giám đốc

Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc

Lời cảm ơn

Báo cáo Phát triển con người năm 2015 là sản phẩm của Văn phòng báo cáo phát triển con người (HDRO) thuộc Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP).

Các kết quả, phân tích và khuyến nghị chính sách trong Báo cáo là của riêng HDRO và không liên quan đến UNDP hay Ban điều hành của UNDP. Đại hội đồng LHQ đã chính thức công nhận Báo cáo Phát triển con người là “một hoạt động trí tuệ độc lập” và đã trở thành “một công cụ quan trọng để nâng cao nhận thức về phát triển con người trên toàn thế giới.”

Báo cáo có sự đóng góp của rất nhiều cá nhân và tổ chức quan trọng. Đặc biệt xin cảm ơn những đóng góp của ông Benigno S. Aquino III (Tổng thống Philippines), Leymah Gbowee (Giải Nobel Hòa bình năm 2011), bà Roza Otunbayeva (cựu Tổng thống Kyrgyzstan), Nohra Padilla (Giải thưởng Môi trường Goldman năm 2013), Orhan Pamuk (Giải Nobel Văn học năm 2005), Robert Reich (cựu Bộ trưởng Lao động Hoa Kỳ), Kailash Satyarthi (Giải Nobel Hòa bình năm 2014) và ông Maithripala Sirisena (Tổng thống Sri Lanka).

Tôi cũng xin cảm ơn những đóng góp trong công việc của các tác giả sau: Antonio Andreoni, Marizio Atzeni, Fred Block, David Bloom, Jacques Charmes, Martha Chen, Diane Coyle, Christopher Cramer, Peter Evans, Nancy Folbre, Marina Gorbis, Kenneth Harttgen, Rolph Eric van der Hoeven, Rizwanul Islam, Patrick Kabanda, Claudio Montenegro, Nameera Nuzhat, Dani Rodrik, Jill Rubery, Malcolm Sawyer, Frances Stewart, Miguel Szekely và Lanying Zhang.

Các cuộc thảo luận với những chuyên gia trong nhiều lĩnh vực cũng không kém cần thiết và có giá trị với việc xây dựng Báo cáo, bắt đầu từ vòng thăm dò ý kiến không chính thức, tiếp đó là các cuộc tham vấn với hội đồng tư vấn được chỉ định cho Báo cáo 2015. Chúng tôi đánh giá cao đóng góp về thời gian, những ý kiến và nhận xét của các cá nhân sau đây: Amartya Sen, Sudhir Anand, Amy Armenia, Martha Chen, Mignon Duffý, Peter Evans, Nancy Folbre, Gary Gereffi, Enrico Giovannini, Marina Gorbis, James Heintz, Jens Lerche, José Antonio Ocampo, Samir Radwan, Akihiko

Tanaka, Lester Salamon, Frances Stewart và Ruan Zongze.

Hội đồng cố vấn thống kê đóng vai trò quan trọng trong việc đưa ra các ý kiến chuyên gia về phương pháp luận và lựa chọn số liệu liên quan đến việc tính toán các chỉ số của Báo cáo. Các thành viên của hội đồng bao gồm Wasmalia Bivar, Martine Durand, Haishan Fu, Pascual Gerstenfeld, Ifeyinwa Isiekwe, Yemi Kale, Rafael Diez de Medina, Fiona Robertson và Michaela Saisana. Các chỉ số tổng hợp và các nguồn dữ liệu thống kê khác trong Báo cáo cũng được xây dựng dựa trên kiến thức chuyên môn của những nhà cung cấp dữ liệu quốc tế hàng đầu trong các lĩnh vực đặc thù của họ. Để đảm bảo tính chính xác và rõ ràng, công tác phân tích thống kê cũng được hưởng lợi từ những cuộc thảo luận về các vấn đề thống kê với Gisela Robles Aguilar, Sabina Alkire, Jacques Charmes, Kenneth Harttgen, Claudio Montenegro và Yang yang Shen. Tôi rất trân trọng những đóng góp của họ.

Báo cáo cũng được hưởng lợi từ các cuộc đối thoại với đại diện các cơ quan thống kê quốc gia để tinh chỉnh thêm và cập nhật dữ liệu nguồn được sử dụng trong việc biên soạn các chỉ số quốc tế.

Những cuộc tham vấn được tổ chức trong quá trình xây dựng Báo cáo nhờ vào sự trợ giúp nhiệt tình của rất nhiều tổ chức và cá nhân tôi không thể kể hết ra ở đây. Các sự kiện và buổi tham vấn đã được tổ chức tại Accra, Boston, Geneva và Singapore (danh sách thành phần tham dự và các đối tác được liệt kê tại: <http://hdr.undp.org/en/2015-report/consultations>).

Một Báo cáo về vấn đề việc làm không thể thực hiện được nếu thiếu sự tham vấn chuyên sâu và đóng góp nhiệt tình về thời gian của đồng đảo đồng nghiệp tại Tổ chức Lao động quốc tế ở cả Geneva và New York. Các đồng nghiệp tại Tổ chức Nông lương Liên hợp quốc, Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc và Tổ chức Phụ nữ Liên hợp quốc cũng đưa ra nhiều bình luận và nhận xét hữu ích. Báo cáo đã nhận được những đóng góp tài chính có giá trị từ Chính phủ Pháp và Đức.

Những sự đóng góp, ủng hộ và trợ giúp từ các văn phòng khu vực, trung tâm dịch vụ khu vực, các trung tâm chính sách toàn cầu và các văn phòng quốc gia của UNDP rất đáng trân trọng. Đặc biệt cảm ơn các đồng nghiệp ở UNDP đã tham gia vào Nhóm đọc rà soát Báo cáo: Nathalie Bouche, Douglas Broderick, Pedro Conceição, George Ronald Gray, Sheila Marnie, Ayodele Odusola, Romulo Paes de Sousa, Thangavel Palanivel và Claudia Vinay. Việc đọc rà soát về mặt chính trị được thực hiện bởi Ruby Sandhu-Rojon, Mourad Wahba và Kanni Wignaraja và xin chân thành cảm ơn những ý kiến đóng góp của họ. Tôi rất biết ơn Randi Davis, Mandeep Dhaliwal, Karen Dukess, Alberic Kacou, Patrick Keuleers, Brian Lutz, Abdoulaye Mar Dieye và Heather Simpson về những nhận xét, đề xuất và hướng dẫn cho Báo cáo.

Những cống hiến và đóng góp của các thực tập sinh tại HDRO gồm Geneva Damayanti, Qiansheng Hou, Yiyang Sana Riaz, Elizabeth Scheib và Elle Wang xứng đáng được công nhận.

Nhóm sản xuất và biên tập với tinh thần chuyên nghiệp cao tại công ty Communications Development Incorporated, đứng đầu là Bruce Ross-Larson, cùng với Joe Caponio, Christopher Trott và Elaine Wilson - —và các nhà thiết kế gồm Gerry Quinn, Accurat Design và Phoenix Design Aid góp phần quan trọng trong việc cho ra đời một báo cáo vừa hấp dẫn vừa dễ đọc cho mọi người.

Trên hết, tôi muốn gửi lời cảm ơn đến Tổng giám đốc UNDP, bà Helen Clark vì sự lãnh đạo và tầm nhìn cũng như những ý kiến đóng góp, chỉ đạo, và ủng hộ của bà, và cảm ơn đến toàn bộ nhóm soạn thảo của HDRO vì sự cống hiến và tận tâm của họ cho sự ra đời một báo cáo nhằm phấn đấu thúc đẩy hơn nữa các tiến bộ về phát triển con người.



Selim Jahan

Giám đốc

Văn phòng báo cáo phát triển con người

Nội dung Báo cáo Phát triển con người năm 2015

Lời nói đầu

Lời cảm ơn

Tổng quan

CHƯƠNG 1

Việc làm và phát triển con người - các liên kết phân tích

Khái niệm việc làm rộng hơn công việc làm thuê

Việc làm trong các giai đoạn khác nhau của vòng đời

Việc làm thúc đẩy phát triển con người

Liên kết giữa việc làm và phát triển con người không phải là mặc nhiên hay tất yếu

Việc làm gây tổn hại đến phát triển con người

Những lao động có nguy cơ

Kết luận

CHƯƠNG 2

Phát triển con người và việc làm: tiến bộ và thách thức

Mức độ con người và những đóng góp của việc làm

Các thiếu hụt nghiêm trọng của con người, nhiều tiềm năng con người chưa được sử dụng

Các thách thức phát triển con người khác

Phát triển con người-nhìn về tương lai

CHƯƠNG 3

Thế giới việc làm đang thay đổi

Thay đổi cấu trúc việc làm

Cách mạng khoa học kỹ thuật

Toàn cầu hóa việc làm

Việc làm trong thời đại kỹ thuật số

Các lĩnh vực việc làm mới

Lực lượng lao động hiện đại

Các cam kết chưa được thực hiện

Liên hệ đến phát triển con người

Kết luận

CHƯƠNG 4

Mất cân đối giữa việc làm có và không có thu nhập

Bất bình đẳng trong thế giới việc làm có thu nhập

Mất cân đối về việc làm không có thu nhập

Các thách thức mới nổi - thiếu hụt dịch vụ chăm sóc, các cú sốc y tế và biến đổi khí hậu

Hướng đến trạng thái cân bằng - mở rộng lựa chọn, trao quyền cho con người

Kết luận

CHƯƠNG 5

Tiến tới việc làm bền vững

Xác lập bối cảnh: các mục tiêu phát triển bền vững

Tính bền vững của khung phát triển con người

Việc làm và phát triển bền vững

Nhìn nhận lại các Mục tiêu phát triển bền vững - liên hệ đến vấn đề việc làm

Kết luận

CHƯƠNG 6

Thúc đẩy phát triển con người thông qua việc làm

Các chiến lược tạo cơ hội việc làm

Các chiến lược đảm bảo phúc lợi của người lao động

Các chiến lược hành động mục tiêu

Chương trình hành động - ba trụ cột

Kết luận

Chú thích

Tài liệu tham khảo

PHỤ LỤC SỐ LIỆU

Hướng dẫn đọc giả

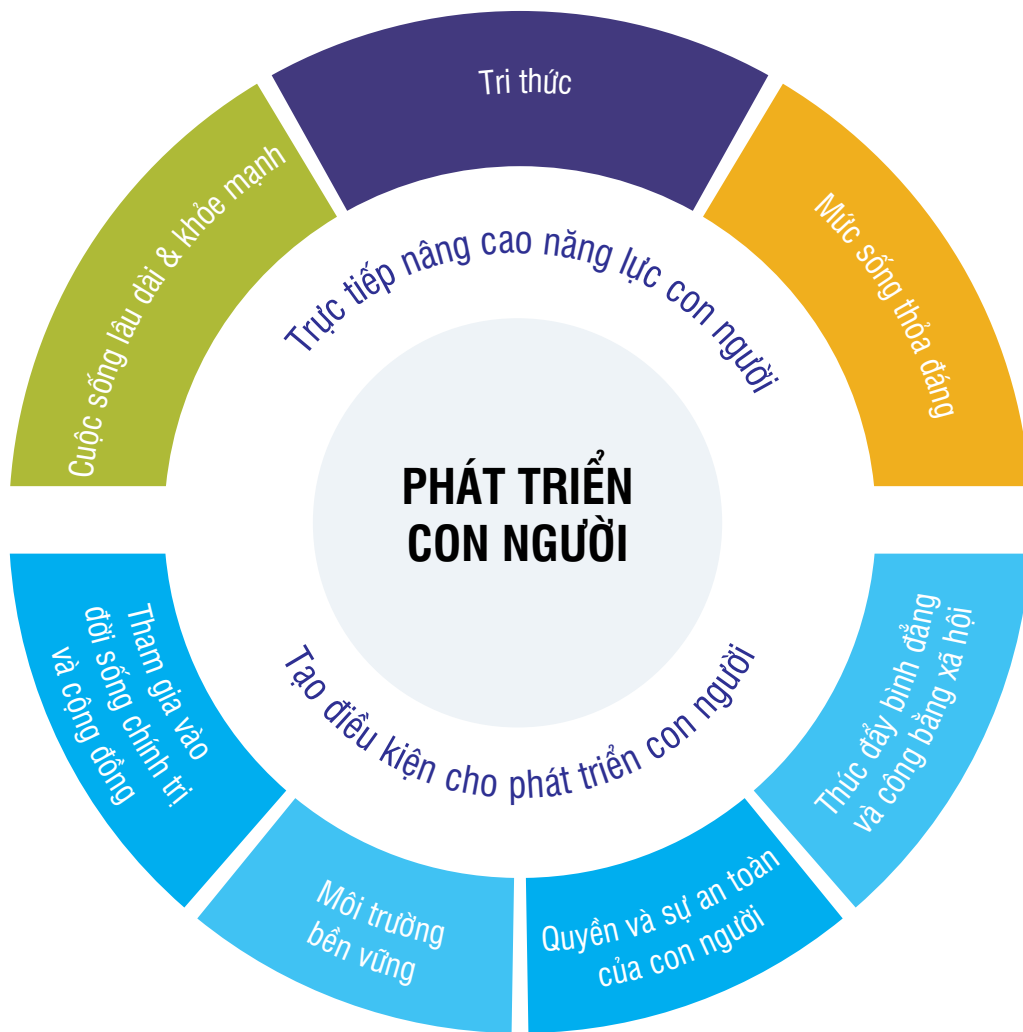
Các bảng số liệu thống kê

1. Chỉ số Phát triển con người và các hợp phần
2. Các xu hướng Chỉ số Phát triển con người, 1990 - 2014
3. Chỉ số Phát triển con người điều chỉnh theo bất bình đẳng
4. Chỉ số Phát triển giới
5. Chỉ số Bất bình đẳng giới
6. Chỉ số Nghèo đa chiều: các quốc gia đang phát triển
7. Chỉ số Nghèo đa chiều: những thay đổi theo thời gian
8. Các xu hướng dân số
9. Các kết quả y tế
10. Các thành tựu giáo dục
11. Thu nhập quốc dân và cơ cấu các nguồn lực
12. Môi trường bền vững
13. Việc làm và tuyển dụng lao động
14. An ninh con người
15. Hội nhập quốc tế
16. Các chỉ số bổ sung: nhận thức về sự thịnh vượng

Các khu vực

Tài liệu tham khảo thống kê

Đồ họa: Các khía cạnh của phát triển con người



Tổng quan

Việc làm vì phát triển con người



Phát triển con người chính là mở rộng quyền lựa chọn của con người — tập trung vào sự thịnh vượng của đời sống con người thay vì chỉ bó hẹp trong sự thịnh vượng của các nền kinh tế (xem đồ họa). Mấu chốt của quá trình này là việc làm, qua đó con người trên toàn thế giới tham gia dưới nhiều hình thức khác nhau và là một phần quan trọng trong cuộc sống của họ. Trong số 7,3 tỷ người trên thế giới, 3,2 tỷ người đang làm việc có thu nhập, và những người khác tham gia vào các công việc chăm sóc, sáng tạo và tình nguyện hay những dạng công việc khác, hoặc đang chuẩn bị trở thành người lao động trong tương lai. Một số công việc đóng góp vào phát triển con người, và một số khác thì không. Một số công việc thậm chí còn gây tổn hại đến phát triển con người (hình 1).

Việc làm giúp mọi người kiếm sống và được đảm bảo về mặt kinh tế. Đây là vấn đề có ý nghĩa quyết định đối với tăng trưởng kinh tế công bằng, giảm nghèo và bình đẳng giới. Việc làm cũng cho phép mọi người được tham gia đầy đủ vào đời sống xã hội đồng thời đem lại cho họ ý thức về phẩm giá và giá trị. Việc làm có thể đóng góp vào hàng hóa dịch vụ công ích, và các công việc liên quan đến chăm sóc người khác giúp xây dựng sự gắn bó và liên kết trong gia đình và trong cộng đồng.

Việc làm cũng củng cố xã hội. Khi con người làm việc cùng nhau thì không chỉ làm gia tăng phúc lợi vật chất mà họ còn tích lũy được khối lượng tri thức rộng lớn làm cơ sở cho các nền văn hóa và văn minh. Và khi việc làm thân thiện với môi trường thì những lợi ích mà nó đem lại sẽ trải dài qua nhiều thế hệ. Sau cùng, việc làm giải phóng tiềm năng, sức sáng tạo và tinh thần của con người.

Báo cáo Phát triển con người năm nay tìm hiểu xem việc làm có thể thúc đẩy phát triển con người bằng cách nào, trong bối cảnh thế giới việc làm đang thay đổi nhanh chóng và nhiều thách thức lớn đối với phát triển con người vẫn còn tồn tại. Báo cáo đưa ra một quan điểm rộng về vấn đề việc làm, trong đó bao gồm cả hoạt động tình nguyện và sáng tạo, tức là vượt ra khỏi khái niệm công việc làm thuê. Đồng thời báo cáo xem xét mối liên kết giữa việc làm và phát triển con người, tập trung vào hoạt động chăm sóc cũng như các công việc có thu nhập và thảo luận về việc làm bền vững.

Báo cáo cũng nêu quan điểm rằng mối liên hệ giữa việc làm và phát triển con người không phải là một mối quan hệ tất yếu, và rằng một số loại công việc, như hình thức lao động cưỡng bức, có thể gây tổn hại đến sự

phát triển của con người do vi phạm quyền con người, hủy hoại nhân cách, và con người phải hy sinh tự do và tự chủ của mình. Nếu không có các chính sách phù hợp, bất bình đẳng về cơ hội và lợi ích từ việc làm có thể trở thành những bất bình đẳng cơ bản đe dọa xã hội.

Báo cáo kết luận rằng việc làm có thể thúc đẩy phát triển con người khi các chính sách giúp mở rộng cơ hội việc làm có hiệu quả, thu nhập phù hợp và thỏa đáng, nâng cao tay nghề và tiềm năng của người lao động và đảm bảo quyền lợi, an toàn và phúc lợi cho họ. Báo cáo cũng đặt mục tiêu đạt được một chương trình hành động dựa trên một Khế ước xã hội mới, một Thỏa thuận toàn cầu và Chương trình nghị sự về việc làm bền vững.

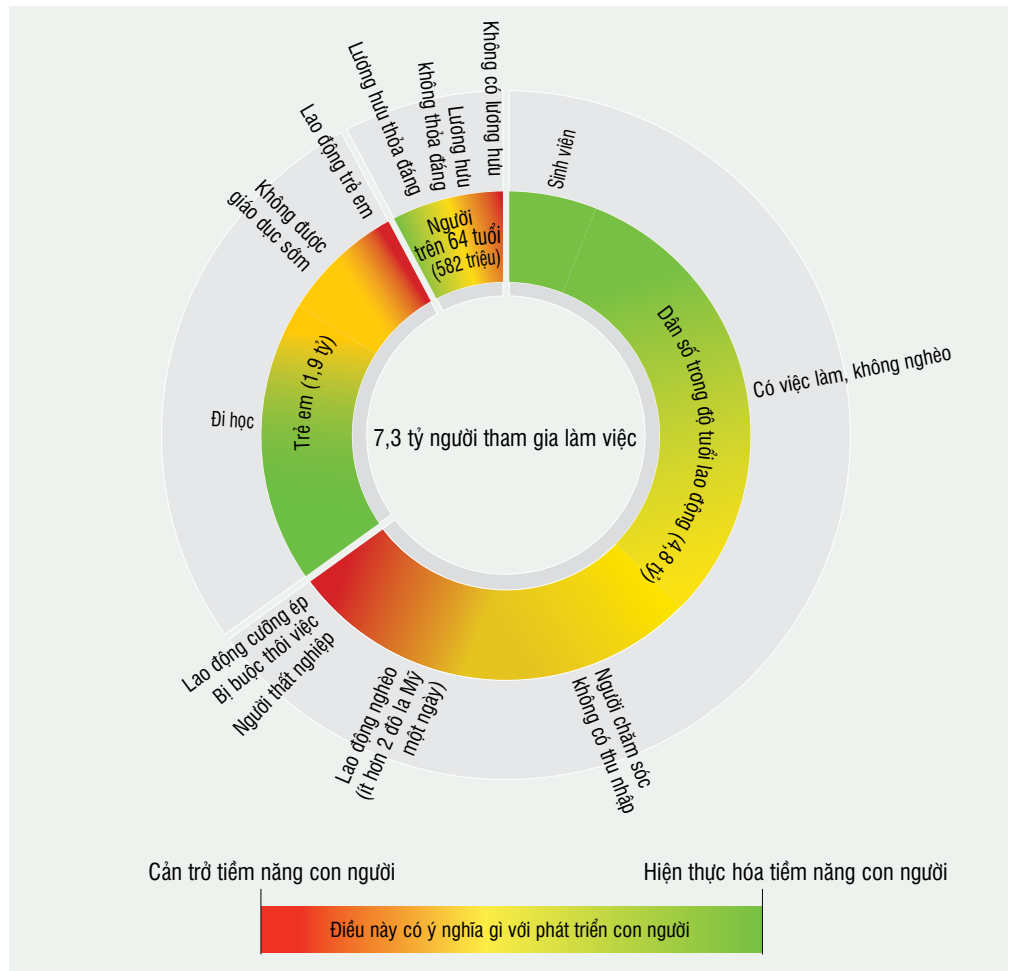
Con người là tài sản thực sự của các quốc gia, và phát triển con người tập trung mở rộng những lựa chọn của con người

Hai mươi lăm năm trước Báo cáo Phát triển con người đầu tiên đã đưa ra khái niệm phát triển con người, một quan niệm giản đơn ẩn chứa nhiều ý nghĩa sâu xa. Trong một thời gian dài, thế giới đã từng tập trung mối quan tâm vào sự giàu có về vật chất và ít để ý đến vấn đề con người. Khuôn khổ của khái niệm phát triển con người, dựa trên phương pháp tiếp cận lấy con người làm trọng tâm, đã làm thay đổi lăng kính đánh giá những nhu cầu phát triển, đặt cuộc sống của con người lên hàng đầu.

Phát triển con người tập trung vào sự thịnh vượng của đời sống con người

HÌNH 1

Việc làm gắn kết mọi người trên thế giới tham gia vào nhiều hình thức khác nhau



Việc làm giúp giải phóng tiềm năng, sức sáng tạo và tinh thần của con người

Nguồn: Văn phòng báo cáo phát triển con người

HỘP 1

Phát triển con người - một phương pháp tiếp cận toàn diện

Phát triển con người là quá trình mở rộng những lựa chọn của con người - qua đó con người thu nhận thêm nhiều năng lực hơn và có thêm nhiều cơ hội để sử dụng những năng lực đó. Nhưng phát triển con người cũng chính là mục đích, như vậy đây vừa là quá trình vừa là kết quả đầu ra. Phát triển con người ngụ ý rằng con người phải tác động vào quá trình định hình nên cuộc sống của họ. Trong suốt quá trình này, tăng trưởng kinh tế là một phương tiện quan trọng

đối với phát triển con người, nhưng không phải là mục tiêu.

Phát triển con người là sự phát triển thông qua việc xây dựng năng lực, vì con người bằng cách cải thiện cuộc sống của họ và do con người thông qua sự tham gia chủ động vào các quá trình định hình nên cuộc sống của họ. Phát triển con người rộng hơn các phương pháp tiếp cận khác, như cách tiếp cận nguồn nhân lực, cách tiếp cận nhu cầu cơ bản và cách tiếp cận phúc lợi con người.

Nguồn: Văn phòng báo cáo phát triển con người

Đo lường mức độ phát triển con người

Chỉ số Phát triển con người (HDI) là một chỉ số tổng hợp tập trung vào ba khía cạnh cơ bản của phát triển con người: có được một cuộc sống dài lâu và khỏe mạnh, đo lường bằng tuổi thọ kỳ vọng; khả năng tiếp nhận tri thức, đo lường bằng số năm đi học bình quân và số năm đi học kỳ vọng; và khả năng đạt được mức sống thỏa đáng, đo lường bằng tổng thu nhập quốc dân bình quân đầu người. Chỉ số HDI có giá trị giới hạn cao nhất là 1.

Để đo lường mức độ phát triển con người một cách toàn diện hơn, Báo cáo Phát triển con người cũng đưa ra bốn chỉ số tổng hợp khác. Chỉ số HDI điều chỉnh theo bất bình đẳng giảm trừ HDI dựa trên mức độ bất bình đẳng. Chỉ số Phát triển giới so sánh giá trị HDI giữa nam và nữ. Chỉ số Bất bình đẳng giới nhấn mạnh việc trao quyền cho phụ nữ. Và Chỉ số Nghèo đa chiều đo lường các khía cạnh phi thu nhập của nghèo đói.

Nguồn: Văn phòng báo cáo phát triển con người

Khung phát triển con người nhấn mạnh rằng mục đích thực sự của phát triển không chỉ nhằm đẩy mạnh thu nhập, mà còn nhằm tối đa hóa những lựa chọn của con người — bằng cách thúc đẩy quyền, sự tự do, năng lực và cơ hội của con người và bằng cách giúp con người có được một cuộc sống dài lâu, mạnh khỏe và sáng tạo (Hộp 1).

Khái niệm phát triển con người được bổ sung bằng một thước đo — đó là Chỉ số Phát triển con người (HDI), nhằm đánh giá sự thịnh vượng của con người dưới một góc nhìn rộng lớn, vượt ra ngoài yếu tố thu nhập (Hộp 2).

Với quan niệm đơn giản nhưng đầy sức mạnh về vấn đề phát triển lấy con người làm trọng tâm, hơn hai mươi Báo cáo toàn cầu về phát triển con người và hơn 700 Báo cáo quốc gia về phát triển con người đã được xuất bản trong 25 năm qua. Các báo cáo này đã đóng góp vào quá trình thảo luận về phát triển, đánh giá các kết quả phát triển đạt được, khuyến khích nghiên cứu và tư duy đổi mới cũng như khuyến nghị các lựa chọn chính sách.

Việc làm, không chỉ công việc làm thuê, đóng góp vào tiến bộ nhân loại và thúc đẩy phát triển con người

Dưới góc độ phát triển con người, quan niệm về việc làm rộng và sâu hơn so với quan niệm về công việc làm thuê hay công ăn việc làm đơn thuần. Công việc làm thuê đem lại thu nhập và nâng đỡ phẩm giá con người, giúp con người tham gia vào đời sống xã hội và đảm bảo an toàn về mặt kinh tế. Nhưng khái niệm công việc làm thuê không phản ánh nhiều loại hình việc làm có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển con người — như các công việc chăm sóc, tình nguyện và công việc mang tính sáng tạo như viết lách hay vẽ tranh.

Mối liên hệ giữa việc làm và phát triển con người mang tính tương hỗ. Việc làm thúc đẩy phát triển con người qua quá trình tạo thu nhập và sinh kế, giảm nghèo và đảm bảo tăng trưởng công bằng. Phát triển con người, bằng cách nâng cao sức khỏe, tri thức, kỹ năng và nhận thức giúp tăng cường vốn con người và mở rộng các cơ hội và lựa chọn của con người (hình 2).

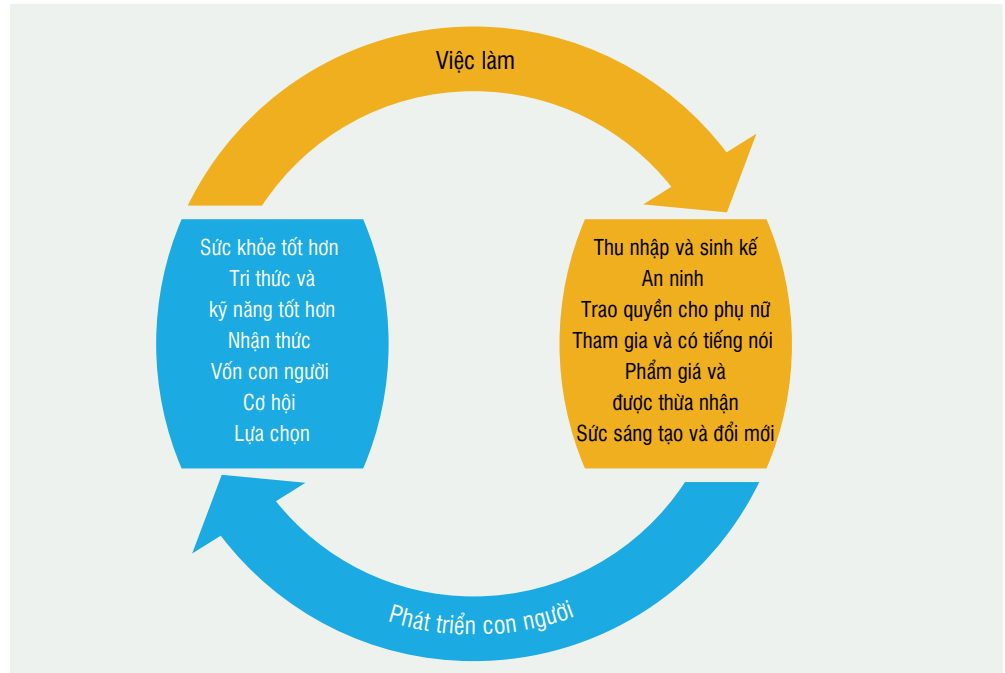
Kể từ năm 1990, thế giới đã đạt được những bước tiến dài về phát triển con người. Chỉ số HDI toàn cầu đã tăng hơn một phần tư giá trị. Chỉ số này ở các nước chậm phát triển nhất đã tăng hơn một nửa. Tiến bộ này tương đối đồng đều theo thời gian và giữa các khu vực. Số người sống trong những khu vực có mức độ phát triển con người thấp giảm từ 3 tỷ năm 1990 xuống còn hơn 1 tỷ năm 2014 (xem bảng 8 phần *Phụ lục thống kê*).

Ngày nay, con người sống lâu hơn, nhiều trẻ em được đến trường và nhiều người được tiếp cận với nước sạch và các điều kiện vệ sinh cơ bản hơn. Tiến bộ này song hành cùng sự gia tăng thu nhập, tạo ra mức sống cao nhất từ trước tới nay trong lịch sử nhân loại. Cuộc cách mạng kỹ thuật số đang kết nối con người giữa các xã hội và các quốc gia với nhau. Cũng quan trọng không kém, các tiến bộ về chính trị cho phép nhiều người được sống dưới các chế độ dân chủ hơn bao giờ hết. Đây đều là những khía cạnh quan trọng của phát triển con người.

Trong giai đoạn từ 1990 đến 2015, tỷ lệ nghèo thu nhập ở các quốc gia đang phát triển đã giảm hơn hai phần ba. Số người nghèo cùng cực trên toàn thế giới giảm từ 1,9 tỷ xuống còn 836 triệu người. Tỷ lệ tử vong trẻ em giảm hơn một nửa, và số ca tử vong ở

Quan niệm về việc làm rộng và sâu hơn quan niệm về công việc làm thuê

Việc làm và phát triển con người có mối liên hệ tương hỗ



Nguồn: Văn phòng báo cáo phát triển con người

Số người sống trong những khu vực có mức độ phát triển con người thấp đã giảm gần 2 tỷ

trẻ dưới năm tuổi giảm từ 12,7 triệu xuống còn 6 triệu. Hơn 2,6 tỷ người được tiếp cận với nguồn nước sinh hoạt cải thiện, và 2,1 tỷ người được tiếp cận với các công trình vệ sinh hợp vệ sinh, mặc dù dân số thế giới tăng từ 5,3 tỷ lên 7,3 tỷ người.¹

Việc làm dưới nhiều hình thức của 7,3 tỷ người đã đóng góp vào tiến bộ này. Gần một tỷ người hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp và hơn 500 triệu trang trại gia đình sản xuất ra hơn 80% lương thực toàn cầu, giúp cải thiện vấn đề dinh dưỡng và sức khỏe.² Trên toàn thế giới, 80 triệu người lao động trong lĩnh vực y tế và giáo dục giúp nâng cao năng lực con người.³ Hơn một tỷ người làm việc trong lĩnh vực dịch vụ cũng đóng góp vào tiến bộ nhân loại. Tại Trung Quốc và Ấn Độ, 23 triệu việc làm trong lĩnh vực năng lượng sạch giúp tăng cường sự bền vững môi trường.⁴

Việc làm có giá trị xã hội vượt ra ngoài lợi ích của các cá nhân người lao động. Hơn 450 triệu doanh nhân đang đóng góp vào sức sáng tạo và đổi mới của nhân loại.⁵ Khoảng 53 triệu lao động giúp việc gia đình đang góp phần giải quyết nhu cầu chăm sóc của con người.⁶ Công việc chăm sóc trẻ em chính là để chuẩn bị hành trang tương lai cho các em. Công việc liên quan đến chăm sóc người già

và người khuyết tật giúp họ duy trì năng lực của mình. Công việc của các nghệ sỹ, nhạc sỹ và nhà văn đang làm phong phú thêm đời sống con người. Hơn 970 triệu người tham gia vào hoạt động tình nguyện mỗi năm, giúp đỡ các gia đình và cộng đồng, xây dựng mạng lưới xã hội và củng cố gắn kết xã hội.⁷

Tuy nhiên tiến bộ con người còn chưa đồng đều, tình trạng thiếu hụt của con người vẫn còn phổ biến và nhiều tiềm năng của con người chưa được tận dụng

Phát triển con người chưa đồng đều giữa các khu vực, giữa các quốc gia và trong phạm vi từng quốc gia. Năm 2014, giá trị HDI của khu vực châu Mỹ Latinh và Caribe là 0,748, so với mức 0,686 của các quốc gia Ả-rập. Và tỷ lệ tử vong ở bà mẹ chỉ là 21 trên 100.000 ca tại khu vực các nước thuộc Tổ chức Hợp tác và phát triển kinh tế (OECD), so với mức 183 ca ở khu vực Nam Á (xem bảng 5 phần Phụ lục thống kê).

Thu nhập của phụ nữ toàn cầu thấp hơn nam giới 24% và phụ nữ chỉ chiếm 25% trong số những vị trí quản lý và điều hành ở lĩnh vực kinh doanh — trong khi 32%

doanh nghiệp thậm chí không có vị trí quản lý cấp cao nào thuộc về phụ nữ.⁸ Phụ nữ vẫn chỉ chiếm 22% tổng số ghế trong quốc hội hoặc hạ viện.

Tại Malaysia, 10% dân số giàu nhất chiếm 32% thu nhập quốc dân năm 2012, trong khi 10% dân số nghèo nhất chỉ chiếm 2%.⁹ Tại Moldova, 69% cư dân thành thị được tiếp cận nước sinh hoạt an toàn, so với tỷ lệ chỉ là 23% của cư dân nông thôn.¹⁰

Sự không đồng đều về các thành tựu phát triển con người càng trầm trọng hơn bởi tình trạng thiếu hụt của con người vẫn còn phổ biến. Trên toàn cầu, 795 triệu người đang phải gánh chịu nạn đói triền miên, mỗi phút có 11 trẻ dưới 5 tuổi và mỗi giờ có 33 sản phụ tử vong. Khoảng 37 triệu người đang sống với HIV và 11 triệu người mắc bệnh lao.¹¹

Hơn 660 triệu người đang sử dụng nguồn nước sinh hoạt chưa hợp vệ sinh, 2,4 tỷ người đang sử dụng các công trình vệ sinh chưa hợp vệ sinh và gần một tỷ người vẫn còn vệ sinh bừa bãi.¹²

Trên toàn thế giới 780 triệu người trưởng thành và 103 triệu thanh niên (từ 15-24 tuổi) mù chữ. Tại các quốc gia phát triển có 160 triệu người mù chữ thực tế. Trên toàn cầu 250 triệu trẻ em chưa được học các kỹ năng cơ bản — mặc dù 130 triệu trong số đó đã được đi học ít nhất 4 năm.¹³

Một trong những thiếu hụt nghiêm trọng của con người là không được sử dụng, sử dụng sai cách hoặc sử dụng không triệt để tiềm năng của họ để phục vụ cho phát triển con người — tăng cường việc làm. Năm 2015, 204 triệu người không có việc làm, trong đó 74 triệu là thanh niên — dựa trên số liệu thất nghiệp chính thức. Khoảng 830 triệu người trên thế giới là người lao động nghèo — chỉ sống ở mức dưới 2 đô la Mỹ một ngày và hơn 1,5 tỷ người có việc làm ở tình trạng dễ tổn thương, thường là thiếu các điều kiện làm việc thỏa đáng, thiếu tiếng nói và các cơ chế bảo trợ xã hội phù hợp.¹⁴

Việc khai mở tiềm năng con người càng trở nên quan trọng nếu xem xét đến những thách thức phát triển con người đang nổi lên.

Tình trạng bất bình đẳng ngày càng lớn về thu nhập, tài sản và cơ hội. Ngày nay 80% dân số thế giới chỉ chiếm 6% tổng tài sản toàn cầu. Dự kiến 1% dân số giàu nhất sẽ chiếm hơn 50% tổng tài sản vào năm 2016. Trong thế giới việc làm, mức

lương nhận được thường đến sau năng suất lao động, và phần mà người lao động được hưởng trong tổng thu nhập đã và đang có xu hướng giảm.¹⁵

Tăng trưởng dân số, chủ yếu ở khu vực Nam Á và đang ngày càng tăng ở khu vực châu Phi cận Sahara, sẽ có những ảnh hưởng lớn đến phát triển con người — đến cơ hội việc làm, khoảng cách giữa nhu cầu chăm sóc và nguồn cung nhân viên chăm sóc cũng như nguồn bảo trợ xã hội. Các số liệu ước tính gần đây cho thấy hiện đang thiếu hụt 13,6 triệu nhân viên chăm sóc trên toàn cầu, dẫn đến tình trạng thiếu hụt trầm trọng các dịch vụ chăm sóc người già trên 65 tuổi trong dài hạn.¹⁶ Tuổi thọ cao hơn, tình trạng già hóa, bùng nổ dân số trẻ và tỷ lệ dân số phụ thuộc đều gây ảnh hưởng. Năm 2050, ước tính có hơn hai phần ba dân số thế giới — khoảng 6,2 tỷ người sống ở khu vực thành thị, gây áp lực lên năng lực thích ứng của các đô thị.¹⁷

An ninh con người đang bị đe dọa từ rất nhiều nguồn. Đến cuối năm 2014, 60 triệu người bị mất việc làm trên toàn cầu.¹⁸ Trong giai đoạn từ năm 2000 đến 2013 tổng số người tử vong do chủ nghĩa bạo lực cực đoan ở cả mức quốc tế và quốc gia đã tăng hơn 5 lần, từ 3.361 lên 17.958 người.¹⁹ Bạo hành phụ nữ là một trong những mối đe dọa tàn bạo nhất đối với phát triển con người. Cứ ba phụ nữ thì có một người là đối tượng của bạo hành thể chất hay bạo hành tình dục.²⁰

Phát triển con người đang bị hủy hoại bởi nhiều cú sốc, nguy cơ và rủi ro bởi dịch bệnh, các rủi ro sức khỏe đang nổi lên, bởi các cuộc khủng hoảng kinh tế và tài chính và bởi tình trạng mất an ninh lương thực và năng lượng. Chẳng hạn, các bệnh không truyền nhiễm (bệnh mãn tính) hiện đang là một hiểm họa sức khỏe toàn cầu, làm 38 triệu người chết mỗi năm, gần ba phần tư trong số đó (28 triệu người) thuộc các nước thu nhập thấp và trung bình.²¹ Gần 30% dân số thế giới (2,1 tỷ người) mắc bệnh béo phì, hơn ba phần năm trong số đó ở các nước đang phát triển.²²

Trên khắp thế giới, các cộng đồng dân cư ngày càng dễ bị tổn thương hơn trước những tác động của biến đổi khí hậu, trong đó có sự suy giảm đa dạng sinh học — nguồn sống của rất nhiều cộng đồng nghèo. Khoảng 1,3 tỷ người đang sống trên những vùng đất dễ bị tổn thương.²³ Hàng triệu người đang chịu ảnh hưởng bởi thiên tai.

Trên thế giới, mỗi phút có 11 trẻ em dưới 5 tuổi và mỗi giờ có 33 sản phụ tử vong

Việc làm có thể thúc đẩy phát triển con người, nhưng một số công việc lại có thể gây tổn hại — mối liên kết giữa hai khái niệm này không phải là mặc nhiên hay tất yếu

Mối liên kết giữa việc làm và phát triển con người không phải là mặc nhiên hay tất yếu. Nó phụ thuộc vào chất lượng việc làm, điều kiện làm việc, giá trị xã hội của việc làm và hơn thế nữa. Việc con người có việc làm hay không là quan trọng, nhưng những vấn đề khác cũng quan trọng không kém. Chẳng hạn: việc làm có an toàn không? Việc làm có làm con người cảm thấy thỏa mãn và hài lòng không? Có cơ hội để phát triển không? Việc làm có góp phần cân bằng cuộc sống — công việc một cách linh hoạt không? Phụ nữ và nam giới có bình đẳng về cơ hội việc làm không?

Chất lượng việc làm cũng bao gồm cả việc công việc đó có đem lại phẩm giá và cảm giác tự hào hay có tạo điều kiện để con người tham gia vào đời sống xã hội và tương tác với cộng đồng hay không. Để củng cố mối liên kết với phát triển con người, việc làm cũng phải thúc đẩy môi trường bền vững. Việc làm tăng cường mối liên kết với

phát triển con người khi nó vượt ra ngoài các lợi ích cá nhân để đóng góp vào những mục tiêu chung của xã hội, như giảm nghèo và bất bình đẳng, củng cố gắn kết xã hội, văn hóa và văn minh.

Ngược lại, giá trị việc làm bị mất đi và mối liên kết với phát triển con người suy yếu khi tồn tại tình trạng phân biệt đối xử và bạo hành tại nơi làm việc. Sự phân biệt đối xử dễ nhận thấy nhất là trong mối quan hệ giới — về vị trí công tác, thu nhập và đối xử. Tại Hoa Kỳ, lương của các chuyên gia tài chính là nữ chỉ bằng 66% so với các đồng nghiệp nam.²⁴ Tuy nhiên tình trạng phân biệt đối xử cũng xảy ra liên quan tới yếu tố về chủng tộc, sắc tộc, khuyết tật và khuynh hướng tình dục.

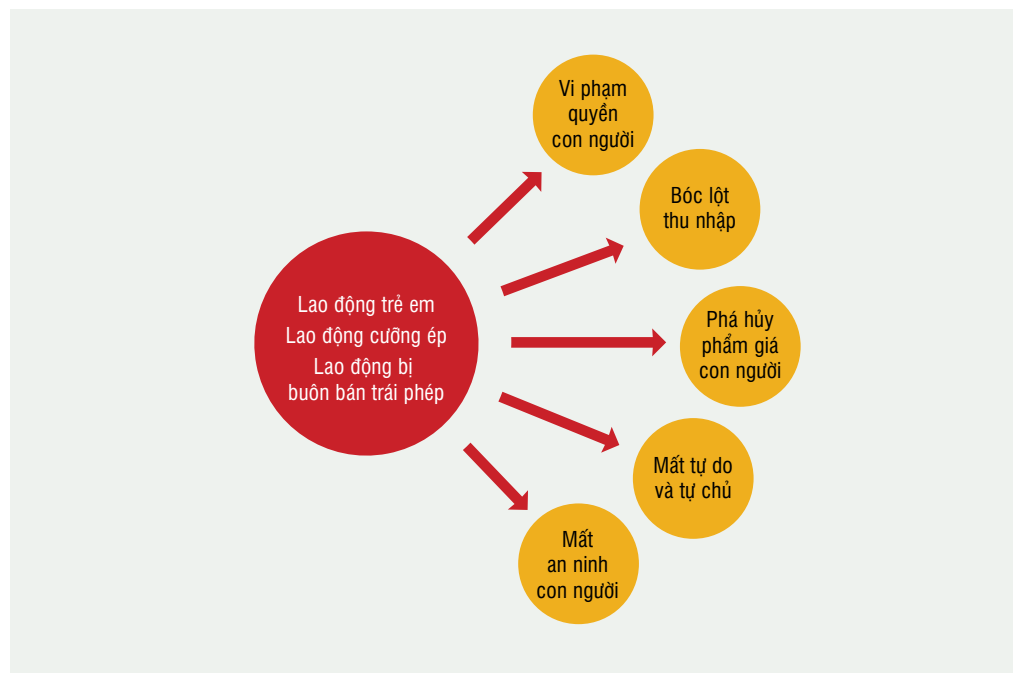
Tại Mỹ Latinh khoảng cách lương giữa các nhóm thiểu số bản địa và các nhóm còn lại ước tính là 38%.²⁵

Bạo hành nghề nghiệp hay bạo hành tại nơi làm việc — dưới dạng đe dọa và xâm hại thể chất hay bằng ngôn từ cũng làm suy yếu mối liên kết giữa việc làm với phát triển con người. Năm 2009 khoảng 30 triệu người lao động thuộc Liên minh châu Âu phải gánh chịu tình trạng bạo hành liên quan đến công việc, như quấy rối, hăm dọa, ức hiếp hay bạo hành thể chất, gồm —10 triệu tại nơi làm việc và 20 triệu bên ngoài nơi làm việc.²⁶

Mối liên kết giữa việc làm và phát triển con người không phải là mặc nhiên hay tất yếu

HÌNH 3

Việc làm mang tính hủy hoại và bóc lột đang phá hủy tiến trình phát triển con người



Nguồn: Văn phòng báo cáo phát triển con người.

Mối liên kết này cũng bị suy yếu trong những tình huống xung đột và hậu xung đột. Việc làm trong những điều kiện như vậy không phải lúc nào cũng được định nghĩa rõ ràng, và phát triển con người có thể chỉ nhằm đảm bảo sự tồn tại đơn giản.

Một số công việc ở một số điều kiện nhất định gây tổn hại đến phát triển con người. Rất nhiều người đang làm những công việc hạn chế sự lựa chọn của họ trong cuộc sống. Hàng triệu việc làm trong những điều kiện xâm hại và bóc lột đang vi phạm các quyền con người cơ bản và hủy hoại phẩm giá con người, như lao động trẻ em, lao động cưỡng ép hay lao động bị buôn bán (hình 3). Và hàng triệu lao động trong nước, nhập cư, lao động trong ngành công nghiệp tình dục và lao động mạo hiểm đang đối mặt với nhiều rủi ro.

Thế giới hiện có khoảng 168 triệu lao động trẻ em, chiếm hơn 11% tổng số trẻ em, trong đó khoảng 100 triệu là trẻ em trai và 68 triệu là trẻ em gái. Hơn một nửa số đó đang tham gia vào các công việc độc hại nguy hiểm.²⁷

Năm 2012 khoảng 21 triệu người trên thế giới bị cưỡng ép lao động, bị buôn bán trái phép vì mục đích lao động và bóc lột tình dục hoặc bị giam giữ trong những điều kiện như nô lệ—14 triệu người bị bóc lột lao động và 4,5 triệu người bị bóc lột tình dục. Phụ nữ và trẻ em gái chiếm tỷ lệ lớn hơn so với nam giới và trẻ em trai. Lao động cưỡng ép được cho là tạo ra 150 tỷ đô la Mỹ lợi nhuận phi pháp mỗi năm.²⁸

Sau buôn lậu vũ khí và ma túy thì buôn bán người đang là hoạt động kinh doanh bất hợp pháp sinh lời nhất trên thế giới.

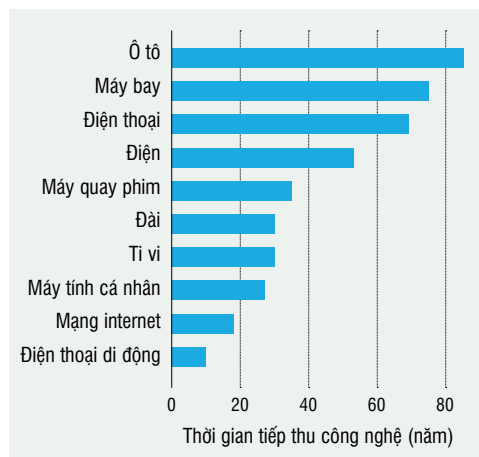
Trong giai đoạn từ năm 2007 đến năm 2010 đã phát hiện nạn nhân bị buôn bán thuộc 136 quốc tịch khác nhau tại 118 quốc gia, 50-60% trong số đó là phụ nữ.²⁹

Gần đây, nạn buôn bán người nhập cư đang gia tăng. Mạng lưới những kẻ buôn người thu tiền của những người nhập cư tuyệt vọng cố gắng vượt biển và xâm nhập bất hợp pháp vào các quốc gia khác. Năm 2014 khoảng 3.500 người, có thể còn nhiều hơn, đã mất mạng trên biển Địa Trung Hải khi những con thuyền buôn lậu người trên đường tiến vào châu Âu, chủ yếu là từ Libya, bị lật hoặc đắm trên biển.³⁰

Việc làm thuê giúp việc gia đình là một phương tiện sinh kế quan trọng đối với hàng triệu người lao động, phần lớn là phụ nữ. Với các cơ chế bảo vệ phù hợp, công việc giúp việc gia đình có thể tăng cường nguồn

HÌNH 4

Tốc độ tiếp thu công nghệ mới ở Hoa Kỳ



Chú thích: tốc độ tiếp thu ở đây được hiểu là thời gian để công nghệ thâm thấu vào 50% dân số
 Nguồn: Donay 2014

lực cho con người và giúp gia đình họ thoát nghèo. Nhưng tình trạng lạm dụng vẫn còn phổ biến trong các công việc giúp việc gia đình có trả công, đặc biệt là đối với lao động nữ nhập cư. Đôi khi nếu khung pháp lý không đầy đủ hoặc không có hiệu lực, chủ sử dụng lao động có thể sử dụng các biện pháp đe dọa hoặc ép buộc để trả lương thấp hoặc thậm chí không trả lương. Họ có thể bắt người lao động giúp việc gia đình làm việc nhiều giờ liền, lên đến 18 tiếng một ngày mà không có ngày nghỉ. Điều kiện làm việc thường nghèo nàn, ăn uống thiếu thốn và không được chăm sóc y tế. Người lao động giúp việc gia đình cũng có nguy cơ bị xâm hại thể chất hoặc tình dục.³¹

Khai mỏ là một trong những nghề nghiệp nguy hiểm nhất tại nhiều quốc gia. Công việc này chỉ chiếm 1% tổng lực lượng lao động toàn cầu (30 triệu người) nhưng lại là nguyên nhân của 8% các vụ tai nạn lao động gây chết người cũng như nhiều vụ thương tích và các căn bệnh gây tàn phế như bệnh bụi phổi (bệnh đen phổi).³²

Thế giới có khoảng 168 triệu lao động trẻ em và 21 triệu người bị cưỡng ép lao động

Toàn cầu hóa và cách mạng khoa học kỹ thuật đang thay đổi nhanh chóng cách thức làm việc và loại hình việc làm của chúng ta

Bối cảnh việc làm đang thay đổi, ẩn chứa nhiều ý nghĩa đối với tiến trình phát triển con người. Dẫn đường cho sự chuyển mình của việc làm chính là xu thế toàn cầu hóa và các cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật, đặc biệt là cách mạng kỹ thuật số. Toàn cầu hóa thúc đẩy sự phụ thuộc lẫn nhau, tác động chủ chốt đến xu hướng thương mại, đầu tư, tăng trưởng, quá trình tạo dựng và phá hủy việc làm, cũng như đến mạng lưới việc làm tình nguyện và việc làm sáng tạo. Đường như chúng ta đang sống trong thời đại của các cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật mới và mau lẹ.

Trong vòng 10 năm qua, hoạt động thương mại toàn cầu về hàng hóa và dịch vụ đã tăng gần gấp đôi, đạt gần 24 nghìn tỷ đô la Mỹ năm 2014, từ mức 13 nghìn tỷ năm 2005. Hợp phần kỹ thuật số của những dòng chảy này cũng đang gia tăng.³³

Tốc độ tiếp thu và thấm thấu công nghệ kỹ thuật số rất đáng kinh ngạc. Tại Hoa Kỳ, chỉ mất 50 năm để một nửa dân số có điện thoại. Với điện thoại di động thì chỉ mất 10 năm (hình 4). Đến cuối năm 2015 sẽ có khoảng hơn 7 tỷ thuê bao điện thoại di động và hơn 3 tỷ người dùng internet trên toàn cầu.³⁴

Việc tiếp cận với cách mạng số không đồng đều giữa các vùng miền, giới tính, nhóm tuổi và giữa khu vực thành thị-nông thôn. Năm 2015, 81% hộ gia đình tại các quốc gia phát triển được tiếp cận với internet, so với chỉ 34% ở những khu vực đang phát triển và 7% tại các nước kém phát triển nhất.³⁵

Toàn cầu hóa đưa người lao động và doanh nghiệp xích lại gần với nhau trong những mạng lưới toàn cầu thông qua các dịch vụ thuê ngoài và các chuỗi giá trị toàn cầu. Các công ty chuyển giao hoặc khoán thầu (hoặc kết hợp cả hai hình thức) một số chức năng hoặc các hoạt động không phải trọng tâm của mình sang các quốc gia khác nơi có chi phí rẻ hơn. Ví dụ, Apple chỉ tuyển dụng 63.000 trong tổng số hơn 750.000 lao động trên toàn thế giới tham gia thiết kế, bán hàng, gia công và lắp ráp các sản phẩm của Apple.³⁶

Hiện nay rất nhiều hoạt động kinh tế được hợp nhất vào các chuỗi giá trị toàn cầu trải rộng trên nhiều quốc gia, đôi khi là nhiều châu lục. Sự hợp nhất này bao gồm từ

nguyên liệu thô và linh kiện đến tiếp cận thị trường và các dịch vụ sau bán hàng. Hoạt động sản xuất chủ yếu tập trung vào các hàng hóa và dịch vụ trung gian được tổ chức thành các quy trình sản xuất theo phân đoạn và rải khắp toàn cầu, được điều phối bởi các công ty đa quốc gia và xuyên suốt nhiều ngành nghề kinh doanh.

Trong những năm gần đây tri thức đã trở thành trọng tâm của quá trình sản xuất. Ngay cả trong hoạt động gia công, hàm lượng tri thức trong giá trị thành phẩm cũng ngày càng gia tăng. Năm 2012 giá trị thương mại của hàng hóa, dịch vụ và sản phẩm tài chính có hàm lượng tri thức cao đạt gần 13 nghìn tỷ đô la Mỹ—tăng với tốc độ nhanh hơn 1,3 lần so với giá trị thương mại các hàng hóa có hàm lượng lao động cao, và chiếm tỷ trọng lớn hơn trong tổng giá trị thương mại hàng hóa và dịch vụ.³⁷

Cách mạng kỹ thuật số đã tạo ra nhiều lĩnh vực việc làm mới như mô hình kinh tế chia sẻ (GrabTaxi), thuê ngoài quy trình kinh doanh (UpWork), chia sẻ công việc (crowdworking) (Mechanical Turk) và làm việc linh hoạt. Cách mạng kỹ thuật số cũng góp phần tạo sự thay đổi lớn lao trong công việc mang tính sáng tạo và trao quyền nhiều hơn cho những nhà sản xuất và thợ thủ công nhỏ.

Các tiến bộ khoa học kỹ thuật không chỉ thay đổi việc làm; mà còn là động lực cho sự ra đời của các loại hình sáng tạo và cải tiến. Các nhóm cộng tác viên và những người có tầm nhìn xa đã biến ý tưởng thành hàng hóa và dịch vụ hữu hình. Những cải tiến về máy tính và các thiết bị điện tử đóng vai trò trung tâm trong sự tăng trưởng này: Từ năm 1990 đến 2012 tỷ trọng các phát minh sáng chế trong lĩnh vực này đã tăng hơn hai lần, từ hơn 25% lên gần 55%.³⁸

Cách mạng kỹ thuật số cũng làm thay đổi cả hoạt động tình nguyện, và nay đã có thể thực hiện trong môi trường ảo (trực tuyến hoặc số hóa). Hệ thống tình nguyện viên trực tuyến của Tổ chức Tình nguyện viên LHQ đã giúp 10.887 tình nguyện viên (60% là phụ nữ) đóng góp kỹ năng của mình vào các hoạt động phát triển trong năm 2014.³⁹

Một số tiến bộ công nghệ có tiềm năng thay đổi việc làm nhiều nhất bao gồm công nghệ đám mây, in ba chiều, rô bốt tiên tiến, lưu trữ năng lượng và tự động hóa lao động trí óc — làm thay đổi cách tổ chức và năng suất của công việc trí óc thông qua những hệ thống phần mềm thông minh và cho phép

Dường như chúng ta đang sống trong thời đại của các cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật mới mẻ và mau lẹ

hàng triệu người sử dụng các thiết bị hỗ trợ kỹ thuật số thông minh.

Trong thế giới việc làm mới, người lao động cần linh hoạt và thích ứng nhiều hơn, và cần sẵn sàng cho việc đào tạo lại, di chuyển chỗ làm và thỏa thuận lại các điều kiện làm việc. Họ cũng cần dành nhiều thời gian hơn cho việc tìm kiếm các cơ hội mới.

Những người có liên hệ chặt chẽ nhất với thế giới việc làm mới chính là thế hệ thiên niên kỷ, hay còn gọi là thế hệ sinh từ năm 1980 trở lại đây. Nhóm này sống trong thời điểm mà công nghệ kỹ thuật số và công nghệ thông tin liên lạc tiên tiến thấm thấu vào mọi lĩnh vực của đời sống. Họ cũng bước vào tuổi trưởng thành ở thời điểm mà sự linh hoạt, khả năng thích nghi trong công việc và những việc làm phi truyền thống trở nên phổ biến.

Rất nhiều người thuộc thế hệ thiên niên kỷ đang tìm kiếm những công việc vượt ra ngoài yếu tố lợi nhuận, và hy vọng giải quyết được các vấn đề xã hội và môi trường như một phần trong hoạt động sinh kế của họ.

Các doanh nhân xã hội cũng đang nổi lên với tư cách là một lực lượng lao động mới. Họ là những người định hướng nguyên nhân, theo đuổi việc giải quyết các vấn đề xã hội, và họ thành lập ra các công ty theo mô hình không lỗ, không cố tức (toàn bộ lợi nhuận được tái đầu tư vào hoạt động của công ty) nhằm tự chủ về tài chính và tối đa hóa lợi ích xã hội.

Toàn cầu hóa việc làm đem lại lợi ích cho một số người và tổn thất cho những người khác

Với xu thế thuê ngoài, công việc lắp ráp ở các quốc gia phát triển đã bắt đầu dịch chuyển vào các khu chế xuất khi những nước đang phát triển tiến hành công nghiệp hóa theo định hướng xuất khẩu. Tác động đến việc tạo việc làm ở các quốc gia đang phát triển lớn như Trung Quốc và Mexico, cũng như các quốc gia nhỏ hơn như Costa Rica, Cộng hòa Dominica và Sri Lanka, là rất đáng kể và theo hướng tích cực, thường giúp thúc đẩy quá trình phát triển địa phương, mặc dù chất lượng việc làm và việc tuân thủ các tiêu chuẩn lao động vẫn chưa đồng nhất.

Xu thế thuê dịch vụ ngoài trên toàn cầu bắt đầu khởi sắc từ những năm 1990 do các tiến bộ về công nghệ thông tin và truyền

thông cho phép nhiều dịch vụ hỗ trợ được thực hiện từ xa. Ví dụ, trong giai đoạn từ năm 2000 đến 2010, số lượng việc làm trực tiếp trong ngành công nghệ thông tin và truyền thông ở Ấn Độ nhảy vọt từ 284.000 lên hơn 2 triệu việc làm.⁴⁰ Dịch vụ cũng nở rộ tại Nga, châu Mỹ Latinh và châu Phi, một phần là để phù hợp với lợi ích của các công ty mong muốn đa dạng hóa múi giờ làm việc để có thể cung cấp dịch vụ 24h.⁴¹ Nhưng hoạt động thuê ngoài dịch vụ tại các nước đang phát triển không đem lại lợi ích cho tất cả các ngành và tất cả người lao động.

Mặc dù nhìn chung hoạt động thuê ngoài dường như đem lại lợi ích cho các quốc gia đang phát triển nhưng nó cũng gây ra những hệ quả cho người lao động tại các nước phát triển. Tuy các con số ước tính không đồng nhất, và những tác động dài hạn không rõ ràng như các ảnh hưởng trong ngắn hạn, nhưng việc cắt giảm việc làm trong lĩnh vực sản xuất nhiều hơn trong lĩnh vực dịch vụ. Tỷ lệ việc làm bị cắt giảm do thuê ngoài chiếm từ 0% ở một số quốc gia đến gần 55% tổng số việc làm bị cắt giảm ở Bồ Đào Nha.⁴²

Ngày nay, những công việc liên quan đến hỗ trợ hành chính, điều hành hoạt động kinh doanh và tài chính, và các công việc liên quan đến tin học và tính toán hầu hết được thuê ngoài. Tại Úc, Canada và Hoa Kỳ, 20-29% trong tổng số việc làm có khả năng được thuê ngoài, mặc dù không phải là toàn bộ số việc làm này sẽ được thuê ngoài.⁴³ Rất nhiều công việc trong số đó là những ngành dịch vụ đòi hỏi các kỹ năng trung và cao cấp có thể được thực hiện với chi phí thấp hơn ở nước ngoài nhờ trình độ học vấn được nâng cao và cơ sở hạ tầng thông tin liên lạc được cải thiện ở các nước đó.

Do vậy, mặc dù có thể có nhiều lợi ích to lớn trong việc tiếp cận việc làm mới tại các quốc gia cung cấp dịch vụ thuê ngoài, nhưng những cá nhân mất việc làm cần được đào tạo và có những kỹ năng mới để đáp ứng môi trường lao động cạnh tranh hơn. Để tạo thuận lợi cho quá trình điều chỉnh, cần có các chương trình hỗ trợ người lao động tìm việc làm mới, nâng cao tay nghề và duy trì một nguồn thu nhập cơ bản cho họ. Hoạt động đào tạo cũng giúp tăng cường khả năng của người lao động tại các nước đang phát triển để tiếp cận những công việc mới.

Quá trình hội nhập của các quốc gia đang phát triển vào chuỗi giá trị toàn cầu giúp gia tăng cơ hội việc làm có thu nhập và tăng

Trong những năm gần đây tri thức đã trở thành trọng tâm của quá trình sản xuất

Đây là thời điểm khó khăn chưa từng có với người lao động chỉ có các kỹ năng và khả năng thông thường

cường sự tham gia của phụ nữ vào lực lượng lao động (rất nhiều phụ nữ tìm được việc làm trong ngành công nghiệp may mặc). Năm 2013, 453 triệu lao động (tăng từ 296 triệu năm 1995), trong đó có 190 triệu phụ nữ, đã tham gia vào các chuỗi giá trị toàn cầu.⁴⁴

Nhưng xu thế hội nhập này cũng không nói lên điều gì nhiều về chất lượng việc làm và liệu người lao động có mở rộng được năng lực của họ hay không. Hiện đang có những quan ngại về mức độ bảo hộ lao động và cơ hội nâng cao tay nghề.

Hệ thống chuỗi giá trị toàn cầu tạo ra kẻ thắng và người thua, trong và giữa các quốc gia cũng như các ngành nghề. Bản chất tự do chuyển dịch của các chuỗi giá trị toàn cầu có thể làm giảm mức độ an toàn việc làm và thậm chí tạo thêm nhiều áp lực lên chính phủ và các nhà thầu phụ trong việc tối thiểu hóa chi phí. Thực trạng này theo đó tạo áp lực lên lương và điều kiện làm việc của người lao động, đặc biệt là những người lao động tay nghề thấp. Các quốc gia đang phát triển cũng phải đối mặt với nguy cơ bị đóng khung vào các mắt xích tạo ra giá trị gia tăng thấp trong chuỗi giá trị toàn cầu, hạn chế về cơ hội việc làm, nâng cao tay nghề và tiếp cận công nghệ.

Sự chuyển tiếp sang các chuỗi giá trị toàn cầu làm nảy sinh nhiều vấn đề phức tạp mới đối với người lao động tại các nước phát triển cũng như đang phát triển. Hiện đang tồn tại các câu hỏi về việc người lao động nhận được bao nhiêu khi tham gia vào các công việc trong chuỗi giá trị toàn cầu so với việc họ làm việc ngoài các chuỗi giá trị này. Có một số bằng chứng cho thấy năng suất lao động trong công việc liên quan tới các chuỗi giá trị toàn cầu cao hơn nhưng mức lương của người lao động trong và ngoài các chuỗi giá trị toàn cầu lại như nhau,⁴⁵ từ đó làm nảy sinh câu hỏi sự tăng lên của năng suất lao động được chia sẻ như thế nào giữa vốn và người lao động.

Thường thì người lao động sẽ hấp thụ những áp lực thị trường khi dẫn truyền qua các chuỗi giá trị toàn cầu, — cho dù đó là vấn đề lương (theo chiều hướng giảm do cạnh tranh toàn cầu), gia tăng việc làm không chính thức và tình trạng bất ổn định về hợp đồng (thông qua nhiều chuỗi hợp đồng thầu phụ) hay vấn đề cắt giảm nhân công (trong giai đoạn suy thoái). Các tập đoàn đa quốc gia ngày càng phụ thuộc nhiều vào lực lượng lao động bị tước đoạt quyền lợi, sử dụng kết hợp cả lao động có hợp đồng thời hạn có

định, lao động tạm thời, các nhà thầu độc lập, lao động theo dự án và lao động thuê ngoài để linh hoạt trong sản xuất và quản lý chi phí.⁴⁶ Tham gia vào chuỗi giá trị đem lại cho một số người việc làm bền vững và ổn định trong khi đem lại cho những người khác công việc bấp bênh hơn (thậm chí là trong cùng quốc gia và ngành), đây là một dạng “nhị nguyên về lao động.”

Nắm bắt tương lai trong thời đại công nghệ kỹ thuật số không phải nhờ vào cơ hội hay số phận — mà đó là vấn đề kỹ năng và tầm nhìn

Các công nghệ mới đang chuyển hóa loại hình việc làm và cách thức con người làm việc. Thay đổi này không mới, nhưng nó đang định hình lại mối liên kết giữa việc làm và phát triển con người cũng như các loại hình chính sách và thể chế cần có để tạo điều kiện đem lại các kết quả tích cực cho con người.

Sự lan tỏa và thẩm thấu của các công nghệ kỹ thuật số đang làm thay đổi thế giới việc làm khắp mọi nơi, nhưng những tác động mà nó đem lại không đồng nhất giữa các quốc gia. Một số cải tiến công nghệ diễn ra trên mọi lĩnh vực, như các công nghệ về thông tin và truyền thông và sự lan tỏa của điện thoại di động cũng như các thiết bị cầm tay khác. Tuy vậy, giữa các quốc gia vẫn tiếp tục có cơ cấu sản xuất và việc làm không đồng nhất, cũng như sự khác biệt trong áp dụng các công nghệ kỹ thuật số, chủ yếu phản ánh tỷ trọng kinh tế tương đối giữa nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ, cũng như nguồn lực đầu tư vào phát triển năng lực con người. Các thị trường lao động, tỷ lệ giữa việc làm có và không có thu nhập và các loại địa điểm làm việc chiếm ưu thế ở mỗi quốc gia là khác nhau do đó tác động của công nghệ kỹ thuật số đến vấn đề việc làm cũng không đồng nhất.

Cách mạng kỹ thuật số có thể gắn liền với các ngành công nghệ cao, nhưng nó cũng tác động đến nhiều hoạt động không chính thức từ nông nghiệp cho đến bán rong trên đường phố. Một số hoạt động có liên quan trực tiếp đến các thiết bị di động. Tại Ethiopia, nông dân sử dụng điện thoại di động để kiểm tra giá cà phê.⁴⁷ Tại Ả-rập Xê-út, nông dân sử dụng công nghệ không dây để phân phối nguồn nước tưới khan hiếm cho hoạt động trồng trọt lúa mì.⁴⁸ Tại một số ngôi làng ở

Bangladesh, phụ nữ làm kinh doanh sử dụng điện thoại của mình để cung cấp dịch vụ trả tiền cho hàng xóm.

Giờ đây điện thoại di động khiến tạo điều kiện cho rất nhiều khía cạnh việc làm trở nên thuận lợi hơn thông qua tổ hợp các ứng dụng gọi điện thoại, nhắn tin và các ứng dụng di động khác. Rất nhiều loại hình hoạt động khác cũng được hưởng lợi, từ hoạt động chính thức và không chính thức, có thu nhập và không có thu nhập, từ những người bán đồ ăn dạo ở Cairo đến công nhân vệ sinh môi trường ở Senegal và người làm dịch vụ chăm sóc ở London.

Internet và điện thoại di động truyền sức mạnh để con người khai thác sức sáng tạo và sự khéo léo của mình. Còn nhiều điều nữa có thể thực hiện được, đặc biệt là nếu tình trạng bất bình đẳng trong tiếp cận giữa phụ nữ và nam giới, giữa thành thị và nông thôn được giải quyết. Nếu các nước đang phát triển có thể tiếp cận Internet như các nước phát triển, ước tính có thể tạo ra 2,2 nghìn tỷ đô la Mỹ GDP, với hơn 140 triệu việc làm mới, trong đó có 44 triệu ở châu Phi và 65 triệu ở Ấn Độ. Năng suất lao động trong dài hạn ở các nước đang phát triển có thể tăng thêm 25%.⁴⁹

Nền kinh tế kỹ thuật số tạo điều kiện cho nhiều phụ nữ tiếp cận việc làm để họ có thể tận dụng tiềm năng và sức sáng tạo của mình. Năm 2013 khoảng 1,3 tỷ phụ nữ trên thế giới sử dụng Internet.⁵⁰ Một số chuyển sang kinh doanh trực tuyến như chủ doanh nghiệp, và một số khác được tuyển dụng theo hình thức chia sẻ công việc và dịch vụ trực tuyến. Nhưng thế giới việc làm mới ưu đãi những lao động có tay nghề và bằng cấp trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, những lao động này lại thường ít khi là phụ nữ.

Những lao động lớn tuổi cũng có các lựa chọn việc làm mới, họ có thể tiếp tục làm việc bởi họ yêu thích công việc của mình hoặc bởi họ không có đủ tiền để nghỉ hưu. Hầu hết những người lao động trẻ và già hơn tham gia vào các thị trường lao động khác nhau (nên không có tình trạng thay thế trực tiếp) và việc lo sợ rằng lao động trẻ có thể mất việc làm do người già hơn được khuyến khích tiếp tục làm việc có thể là không có cơ sở.

Tuy nhiên, vẫn tồn tại những nguy cơ và các cam kết chưa được thực hiện. Thực tế chúng ta có thể đang ở điểm chuyển tiếp, đi kèm với cả những tác động tích cực và tiêu

cực. Cách mạng khoa học kỹ thuật cho thấy sự thay đổi công nghệ thiên về kỹ năng: với ý tưởng rằng tác động thuần của các công nghệ mới là giảm thiểu nhu cầu đối với lao động tay nghề thấp đồng thời gia tăng nhu cầu đối với lao động tay nghề cao. Theo định nghĩa này, thay đổi nói trên có lợi cho những người có vốn con người cao hơn, từ đó phân hóa các cơ hội việc làm.

Trên đỉnh sẽ là những công việc tốt cho những người có trình độ học vấn và tay nghề cao. Ví dụ, trong ngành công nghiệp ô tô, những người được hưởng lợi sẽ là các kỹ sư thiết kế và thử nghiệm những mẫu xe mới. Dưới đáy vẫn sẽ là các nghề phục vụ với tay nghề thấp, năng suất thấp, thu nhập thấp như vệ sinh văn phòng. Nhưng ở những phân đoạn giữa sẽ có sự thoái lui dần dần của rất nhiều công việc trong văn phòng và tại công xưởng. Những người chịu thiệt hại nhất là những lao động thiếu tay nghề chuyên môn, làm những công việc lặp đi lặp lại (hình 5).

Nhiều công việc đòi hỏi trình độ nhận thức phức tạp thậm chí vượt ngoài khả năng của những người có bằng cấp nhất định. Một số ngành có thể đối mặt với tình trạng thiếu lao động có tay nghề, do vậy các công ty sẵn sàng trả lương cao cho nhân viên có tài năng sẽ tìm kiếm trên thị trường lao động toàn cầu. Bên cạnh sự phân hóa trong thị trường nội địa, lực lượng lao động cũng đang bị phân hóa trên thị trường quốc tế, theo đó nhân công tay nghề thấp chủ yếu đến từ thị trường trong nước và nhân công tay nghề cao đến từ các thị trường quốc tế.

Đây là thời điểm tuyệt vời để trở thành một người lao động có tay nghề đặc biệt và được giáo dục đầy đủ, bởi những người này có thể sử dụng công nghệ để tạo ra và nắm bắt giá trị. Tuy nhiên đây cũng là thời điểm khó khăn chưa từng có với người lao động chỉ có các kỹ năng và khả năng thông thường, bởi máy tính, rô bốt và các công nghệ kỹ thuật số khác đang tiếp thu những kỹ năng và khả năng này với một tốc độ phi thường.

Một trong những triển vọng mà cách mạng kỹ thuật số đem lại là nâng cao năng suất lao động và theo đó đem lại thu nhập cao hơn. Điều này dường như chưa trở thành hiện thực ở cả hai mặt: năng suất lao động chưa tăng với tốc độ như kỳ vọng, và chỉ một phần nhỏ trong đó được chuyển hóa thành thu nhập cao hơn. Ở nhiều nền kinh tế (chẳng hạn như Hà Lan), khoảng cách giữa tăng trưởng về năng suất và thu nhập của người

Theo ước tính phụ nữ đóng góp 52% việc làm toàn cầu, trong khi nam giới là 48%

Danh sách 20 công việc nhiều khả năng và ít khả năng bị thay thế bằng tự động hóa nhất



Chú thích:Ngành nghề được xếp theo thứ tự về khả năng vi tính hóa (màu xanh là những nghề nghiệp ít có khả năng tự động hóa nhất và màu đỏ là những nghề nghiệp có nhiều khả năng tự động hóa nhất). Những nghề nghiệp này tương đồng chặt chẽ với Hệ thống phân loại nghề nghiệp tiêu chuẩn của Bộ Lao động Hoa Kỳ.
 Nguồn:FreyvàOsborne2013

Nam giới chi phối thế giới việc làm có thu nhập, phụ nữ chủ yếu tham gia vào việc làm không có thu nhập

lao động gia tăng theo thời gian, và tình trạng này thậm chí còn nghiêm trọng hơn bởi mức lương trung bình che đậy sự thật rằng mức lương thực trả cho hầu hết người lao động không thay đổi, và chỉ thu nhập của những người có mức lương cao nhất là tăng vọt mà thôi.

Cách mạng khoa học kỹ thuật đi kèm với tình trạng bất bình đẳng gia tăng. Người lao động chỉ được nhận một tỷ trọng nhỏ hơn trong tổng thu nhập. Ngay cả những người được giáo dục và đào tạo tốt hơn và có thể làm việc với năng suất cao hơn cũng có thể không nhận được phần thưởng tương xứng về mức lương, sự ổn định hay được xã hội thừa nhận.

Tỷ trọng thu nhập của người lao động giảm có thể được coi là một phần của sự sụt giảm tăng trưởng về mức lương thực tế trung bình: Khi tỷ trọng thu nhập của lao động tay nghề cao (và của vốn đầu tư) có xu hướng tăng thì tỷ trọng của các lao động khác lại giảm đi.

Sự gia tăng mạnh về mức đãi ngộ việc làm của những lao động có mức lương cao nhất chỉ đem lại lợi ích cho một bộ phận thiểu số, cho dù đó là top 10%, 1% hay thậm chí là 0,1%. Những cá nhân ưu tú nhất trên toàn cầu, nhóm 1% người giàu nhất thế giới, có giá

trị tài sản trung bình là 2,7 triệu đô la Mỹ một người vào năm 2014.⁵¹

Người lao động, chủ sử dụng lao động và những nhà hoạch định chính sách đã chuẩn bị để đối phó với các thách thức của thế giới việc làm mới đang nổi lên hay chưa? Trong một thế giới như vậy, tri thức công nghệ đặc thù nhanh chóng trở nên lỗi thời, và các chính sách cũng như quy định của ngày hôm qua có thể không giải quyết được những thách thức của hiện tại và tương lai.

Tình trạng mất cân bằng khiến phụ nữ trở nên yếu thế trong lĩnh vực việc làm — cho dù là việc làm có hay không có thu nhập

Trong cả hai thế giới việc làm, cả hoạt động chăm sóc không có thu nhập và có thu nhập vẫn tồn tại tình trạng mất cân bằng dễ nhận thấy giữa các giới, phản ánh các giá trị địa phương, truyền thống xã hội và vai trò lịch sử của từng giới. Hoạt động chăm sóc bao gồm làm việc nhà, như chuẩn bị bữa ăn cho cả gia đình, dọn dẹp nhà cửa, tìm kiếm nguồn nước và chất đốt, cũng như chăm sóc trẻ em, người

già và các thành viên ốm đau trong gia đình cả trong ngắn và dài hạn. Trên hầu hết các quốc gia thuộc mọi vùng miền, phụ nữ làm việc nhiều hơn nam giới. Theo ước tính phụ nữ đóng góp 52% việc làm toàn cầu, trong khi nam giới là 48%.⁵²

Nhưng ngay cả khi phụ nữ đảm nhận hơn một nửa gánh nặng, họ vẫn ở thế yếu trong cả hai lĩnh vực việc làm, có cũng như không có thu nhập, theo khuynh hướng cùng cố lẫn nhau.

Năm 2015 tỷ lệ tham gia vào lực lượng lao động toàn cầu của phụ nữ là 50% trong khi tỷ lệ này là 77% ở nam giới.⁵³ Trên toàn thế giới năm 2015, 72% nam giới trong độ tuổi lao động (từ 15 tuổi trở lên) có việc làm, so với chỉ 47% ở nữ giới.⁵⁴ Tỷ lệ phụ nữ tham gia vào lực lượng lao động và có việc làm chịu ảnh hưởng nặng nề bởi các vấn đề kinh tế, xã hội và văn hóa cũng như sự phân công công việc tại nhà.

Trong số 59% việc làm có thu nhập, chủ yếu là ngoài phạm vi gia đình, nam giới chiếm tỷ trọng gần gấp đôi nữ giới, 38% so với 21%. Tình hình trái ngược với việc làm không có thu nhập, chủ yếu trong phạm vi gia đình và bao gồm một loạt trách nhiệm chăm sóc khác nhau: trong số 41% việc làm không có thu nhập, phụ nữ chiếm tỷ trọng gấp ba lần nam giới, 31% so với 10%. Như vậy là tồn tại tình trạng mất cân bằng, nam giới chiếm ưu thế trong thế giới việc làm có thu nhập, còn nữ giới chủ yếu là việc làm không có thu nhập. Việc làm không thu nhập tại nhà là không thể thiếu đối với sự vận hành của xã hội và đời sống của con

người: tuy vậy nếu công việc này đổ dồn lên vai người phụ nữ, họ sẽ bị hạn chế về quyền lựa chọn cũng như cơ hội tham gia vào những hoạt động khác có ý nghĩa hơn với họ.

Ngay cả khi phụ nữ tham gia làm việc có thu nhập, họ vẫn phải đối mặt với nhiều bất lợi và tình trạng phân biệt đối xử. Bằng chứng về các rào cản vô hình chỉ là một trong số đó. Phụ nữ trên thế giới ít tham gia vào hoạt động điều hành kinh doanh cấp cao: họ chỉ nắm giữ 22% các vị trí lãnh đạo cấp cao, và 32% doanh nghiệp không có bất kỳ vị trí quản lý nào là phụ nữ, thực trạng này không đồng nhất giữa các khu vực (hình 6).⁵⁵ Sự phân hóa trong công việc lan tỏa theo thời gian và giữa các cấp độ phát triển kinh tế, ở cả các nước phát triển và đang phát triển, nam giới đều chiếm đa số trong các ngành nghề thủ công, thương mại, vận hành máy móc thiết bị, cũng như các hoạt động quản lý và lập pháp; trong khi phụ nữ chiếm ưu thế trong những công việc có kỹ năng trung bình như thư ký, nhân viên dịch vụ và nhân viên bán hàng.

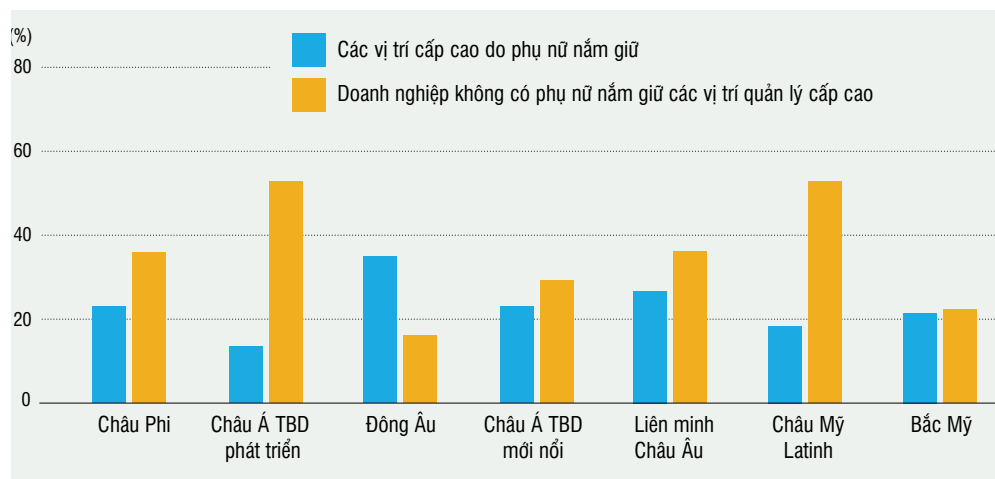
Ngay cả khi cùng làm một công việc giống nhau, thu nhập của phụ nữ cũng thấp hơn, trong đó khoảng cách lương thường lớn nhất ở những nhóm ngành nghề có mức thu nhập cao nhất. Trên toàn cầu, thu nhập của phụ nữ thấp hơn nam giới 24%. Tại châu Mỹ Latinh những nhà quản lý hàng đầu là nữ giới có thu nhập trung bình chỉ bằng 53% so với các đồng nghiệp là nam giới.⁵⁶

Trên hầu khắp các vùng miền, phụ nữ cũng hay phải đối mặt với “việc làm dễ tổn

Trên toàn cầu, thu nhập của phụ nữ thấp hơn 24% so với nam giới

HÌNH 6

Sự tham gia của phụ nữ vào các vị trí quản lý kinh doanh cấp cao, theo khu vực, 2015



Nguồn: Grant Thornton 2015.

thương”, phải làm việc cho chính họ hoặc làm việc cho người khác theo hình thức không chính thức với thu nhập bấp bênh và các điều kiện bảo hộ và bảo trợ xã hội chỉ ở mức tối thiểu hoặc thậm chí không có.

Phụ nữ phải gánh vác phần lớn công việc chăm sóc

Phụ nữ trên toàn thế giới đảm nhận hầu hết công việc chăm sóc không có thu nhập, chủ yếu bao gồm việc nhà (như nấu ăn, kiểm củi, gánh nước và dọn dẹp) và chăm sóc (như chăm sóc trẻ em, người ốm và người già) tại gia đình và trong cộng đồng. Do phải đảm nhiệm phần lớn công việc chăm sóc, phụ nữ có ít thời gian tham gia các hoạt động khác hơn nam giới, trong đó bao gồm việc làm có thu nhập và giáo dục. Điều này cũng đồng nghĩa với việc phụ nữ có ít thời gian rảnh rỗi cho bản thân. Khi phân tích một mẫu gồm 62 quốc gia, nam giới dành ra trung bình 4,5 tiếng một ngày để tham gia hoạt động xã hội và giải trí, trong khi con số này ở phụ nữ là 3,9 tiếng.⁵⁷ Tại các quốc gia có mức độ phát triển con người thấp, thời gian

cho hoạt động xã hội và giải trí của nam giới nhiều hơn phụ nữ gần 30%. Tại các quốc gia có mức độ phát triển con người rất cao, sự chênh lệch này là 12%.

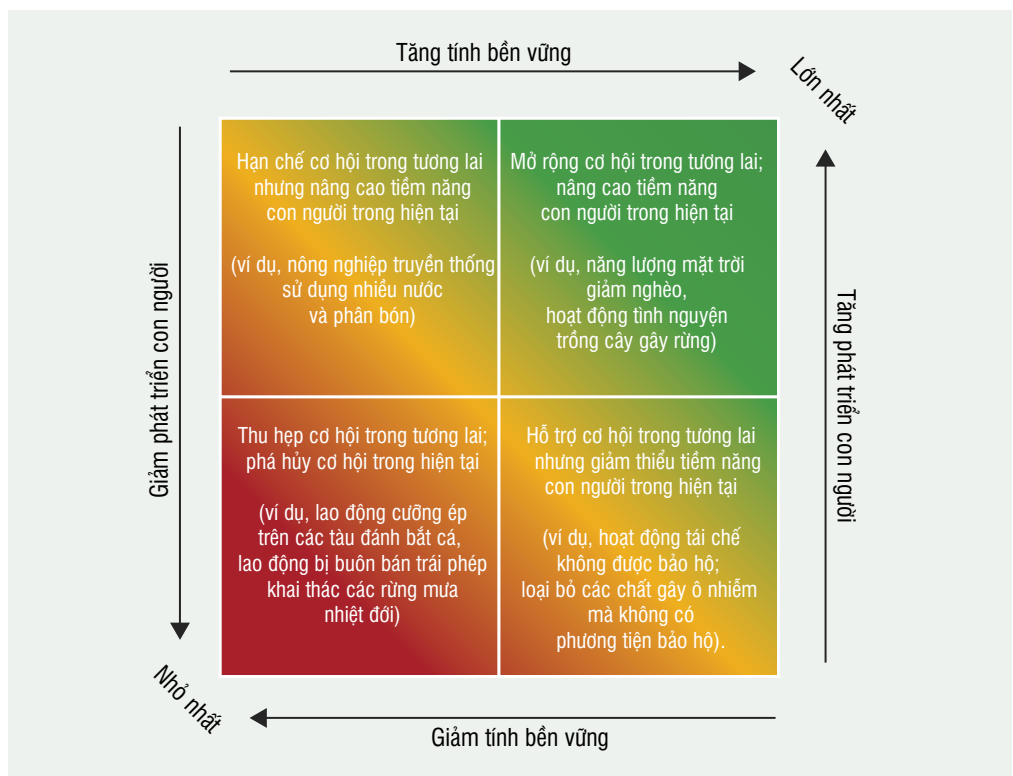
Phụ nữ và nam giới tham gia không đồng đều vào hoạt động chăm sóc có thu nhập. Nhu cầu về lao động giúp việc gia đình có trả lương đang gia tăng. Ước tính trên toàn cầu có 53 triệu người từ 15 tuổi trở lên đang làm giúp việc gia đình có trả lương. Trong số này, 83% là phụ nữ, một phần trong đó là lao động nhập cư.⁵⁸ Và nhờ vậy một chuỗi việc làm chăm sóc toàn cầu được hình thành theo đó lao động nhập cư đảm nhiệm các công việc nhà và chăm sóc trẻ em cũng như những đối tượng khác trong các hộ gia đình ở nước ngoài. Nhưng họ thường để con cái và cha mẹ mình ở lại quê hương, tạo ra một khoảng trống trong hoạt động chăm sóc, được thay thế bằng ông bà, họ hàng hoặc người giúp việc tại địa phương.

Mặc dù có thể bị xâm hại khi làm giúp việc gia đình—mức lương thấp, điều kiện làm việc nghèo nàn, không được chăm sóc y tế, và bị xâm hại về thể chất hoặc tình dục, nhưng nhiều lao động không thể rời bỏ chủ lao động ngược đãi mình bởi họ cần có việc làm.

Việc làm bền vững thúc đẩy phát triển con người

HÌNH 7

Ma trận việc làm bền vững



Nguồn: Văn phòng báo cáo phát triển con người

Dù đóng vai trò quan trọng đối với phát triển con người nhưng công việc chăm sóc thường không được thừa nhận. Một phần là bởi công việc này không có thu nhập nên không được phản ánh trong các chỉ số kinh tế như GDP. Tuy nhiên việc thừa nhận giá trị của công việc chăm sóc sẽ làm nổi bật những đóng góp của phụ nữ trong gia đình và cộng đồng và thu hút sự chú ý đến các điều kiện vật chất và phúc lợi của họ, có thể có ý nghĩa với công tác hoạch định chính sách. Trong số các quốc gia có nhiều nỗ lực trong việc đo lường giá trị của công việc chăm sóc không có thu nhập, con số này ước tính chiếm từ 20% cho đến 60% GDP. Tại Ấn Độ, công việc chăm sóc không có thu nhập ước tính chiếm 39% GDP, tại Nam Phi là 15%.⁵⁹

Khi phụ nữ không còn sự lựa chọn nào khác và phải ưu tiên đảm nhận công việc chăm sóc không có thu nhập và đứng ngoài lực lượng lao động, họ phải hy sinh rất nhiều, có thể là cả cơ hội để nâng cao năng lực của mình trong công việc. Họ cũng mất đi cơ hội độc lập về kinh tế.

Giải quyết tình trạng mất cân đối giữa việc làm có và không có thu nhập đem lại lợi ích cho cả thế hệ hiện tại và tương lai

Tình trạng mất cân đối trong phân chia công việc giữa phụ nữ và nam giới cần phải thay đổi. Đúng vậy, nhiều xã hội đang trải qua quá trình chuyển đổi thế hệ, đặc biệt là trong những gia đình trung lưu có giáo dục, theo hướng chia sẻ việc nhà nhiều hơn giữa nam và nữ giới. Tuy nhiên vẫn còn nhiều việc phải làm, và cần phải hành động ngay để giải quyết tình trạng bất bình đẳng giới sâu sắc. Những hình thức bất bình đẳng đã tồn tại từ lâu có thể củng cố lẫn nhau, chôn chặt phụ nữ và trẻ em gái thuộc nhiều thế hệ trong những lựa chọn và cơ hội hạn hẹp. Cần có những bước tiến về cả bốn trụ cột chính sách, đó là giảm thiểu và chia sẻ gánh nặng công việc chăm sóc không có thu nhập, mở rộng cơ hội việc làm có thu nhập cho phụ nữ, cải thiện thu nhập từ việc làm và thay đổi các chuẩn mực xã hội.

Năng lượng tái tạo có thể trở thành phương tiện chủ yếu hướng đến phát triển bền vững

BẢNG 1

Các mục tiêu phát triển bền vững

Mục tiêu 1	Chấm dứt mọi hình thức nghèo ở mọi nơi
Mục tiêu 2	Chấm dứt tình trạng thiếu đói, bảo đảm an ninh lương thực, cải thiện dinh dưỡng và thúc đẩy nông nghiệp bền vững
Mục tiêu 3	Đảm bảo cuộc sống khỏe mạnh và nâng cao phúc lợi cho tất cả mọi người ở mọi lứa tuổi
Mục tiêu 4	Đảm bảo giáo dục có chất lượng toàn diện và công bằng và thúc đẩy cơ hội học tập suốt đời cho tất cả mọi người
Mục tiêu 5	Đạt được bình đẳng giới và trao quyền cho tất cả phụ nữ và trẻ em gái
Mục tiêu 6	Đảm bảo tính sẵn có và quản lý bền vững nước sạch và vệ sinh cho tất cả mọi người
Mục tiêu 7	Đảm bảo mọi người được tiếp cận với nguồn năng lượng có giá cả trong khả năng chi trả, đáng tin cậy, bền vững và hiện đại
Mục tiêu 8	Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế ổn định, bao trùm và bền vững, tạo việc làm đầy đủ, năng suất và bền vững cho tất cả mọi người
Mục tiêu 9	Xây dựng cơ sở hạ tầng vững chắc, thúc đẩy công nghiệp hóa toàn diện và bền vững và khuyến khích đổi mới sáng tạo
Mục tiêu 10	Giảm bất bình đẳng trong và giữa các quốc gia
Mục tiêu 11	Xây dựng các đô thị và cộng đồng dân cư toàn diện, an toàn, có khả năng chống chịu và bền vững
Mục tiêu 12	Đảm bảo mô hình sản xuất và tiêu dùng bền vững
Mục tiêu 13	Hành động khẩn cấp nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu và các tác động của biến đổi khí hậu ^a
Mục tiêu 14	Bảo tồn và sử dụng một cách bền vững các đại dương, biển và các nguồn tài nguyên biển vì phát triển bền vững
Mục tiêu 15	Bảo vệ, phục hồi và thúc đẩy sử dụng bền vững hệ sinh thái trên mặt đất, quản lý rừng bền vững, chống sa mạc hóa, và ngăn chặn và phục hồi suy thoái đất và ngăn chặn quá trình suy thoái đa dạng sinh học
Mục tiêu 16	Thúc đẩy xã hội hòa bình và toàn diện cho phát triển bền vững, tạo điều kiện cho tất cả mọi người tiếp cận công lý và xây dựng các thể chế hiệu quả, trách nhiệm giải trình và toàn diện ở tất cả các cấp
Mục tiêu 17	Củng cố các phương tiện thực thi và thúc đẩy quan hệ đối tác toàn cầu vì phát triển bền vững

a. Công ước khung của LHQ về Biến đổi khí hậu là diễn đàn quốc tế, liên chính phủ hàng đầu để thảo luận về các biện pháp ứng phó của toàn cầu chống lại biến đổi khí hậu.
Nguồn: UN2015b.

Phần lớn việc cần làm gắn với mục tiêu môi trường bền vững đều liên quan đến cơ sở hạ tầng và xây dựng

Thời gian dành cho công việc chăm sóc không có thu nhập nhìn chung cần phải giảm đi và được chia sẻ đồng đều hơn. Phổ cập nước sạch, các dịch vụ năng lượng hiện đại đáp ứng nhu cầu hộ gia đình, các dịch vụ công có chất lượng (bao gồm dịch vụ về chăm sóc và sức khỏe), sắp xếp nơi làm việc sao cho phù hợp với lịch làm việc linh hoạt mà không gây cản trở đến sự thăng tiến trong công việc cũng như thay đổi nhận thức về vai trò và trách nhiệm đặc thù của từng giới đều có thể góp phần giảm thiểu gánh nặng công việc chăm sóc cho các gia đình và đặc biệt là cho phụ nữ.

Các quy định pháp luật và chính sách mục tiêu có thể tăng cường khả năng tiếp cận việc làm có thu nhập của phụ nữ. Khả năng tiếp cận giáo dục bậc cao có chất lượng ở mọi lĩnh vực và những nỗ lực chủ động trong tuyển dụng có thể hạn chế các rào cản, đặc biệt là trong những lĩnh vực thiếu sự hiện diện của phụ nữ hoặc khoảng cách về lương vẫn còn tồn tại.

Các chính sách có thể cởi bỏ những rào cản để phụ nữ thăng tiến trong công việc. Những biện pháp, chẳng hạn liên quan đến tình trạng quấy rối tại nơi làm việc và mức lương bình đẳng, quy định nghỉ thai sản bắt buộc, cơ hội bình đẳng trong nâng cao kiến thức và tay nghề cũng như các biện pháp xóa bỏ tình trạng hao mòn vốn con người và tay nghề có thể góp phần cải thiện kết quả làm việc của phụ nữ.

Chính sách nghỉ thai sản được trả lương cho cả cha và mẹ có ý nghĩa quan trọng. Việc khuyến khích nghỉ thai sản một cách bình đẳng giúp nâng cao tỷ lệ phụ nữ tham gia vào lực lượng lao động, giảm khoảng cách về lương và cân bằng hơn giữa công việc và cuộc sống cho cả phụ nữ và nam giới. Hiện nay nhiều quốc gia đang áp dụng chế độ phân chia thời gian nghỉ thai sản giữa cha và mẹ.

Các chuẩn mực xã hội cũng cần phải thay đổi để phản ánh tiềm năng bình đẳng giữa phụ nữ và nam giới. Thúc đẩy phụ nữ tham gia vào những vị trí lãnh đạo, có trách nhiệm cao và quyền hoạch định chính sách ở cả khu vực nhà nước và tư nhân và khuyến khích nam giới tham gia vào những nghề nghiệp mà phụ nữ vốn chiếm ưu thế góp phần thay đổi các quan điểm đã ăn sâu bám rễ.

Việc làm bền vững là trụ cột chính của phát triển bền vững

Việc làm bền vững thúc đẩy phát triển con người đồng thời giảm thiểu và xóa bỏ những tác động tiêu cực và hệ quả không mong đợi. Nó có ý nghĩa quan trọng không chỉ để duy trì sự sống trên hành tinh chúng ta, mà còn để đảm bảo việc làm cho thế hệ tương lai (hình 7)

Để việc làm bền vững trở nên phổ biến hơn, cần thực hiện ba thay đổi song song:

- Chấm dứt (xóa bỏ hoặc giảm thiểu một số công việc).
- Chuyển hóa (duy trì một số công việc thông qua đầu tư để thích ứng với các công nghệ mới và đào tạo lại hoặc nâng cao tay nghề).
- Tạo mới (tạo ra một số công việc mới)

Một số ngành nghề dự kiến sẽ mở rộng trong tương lai gần, chẳng hạn như kỹ thuật viên đường sắt, khi các quốc gia đầu tư vào hệ thống giao thông công cộng. Những lao động mất việc làm chủ yếu sẽ thuộc các lĩnh vực sử dụng nhiều tài nguyên thiên nhiên hoặc thải ra nhiều khí gây hiệu ứng nhà kính và các chất ô nhiễm khác. Khoảng 50 triệu người trên toàn cầu đang làm việc trong những lĩnh vực này (ví dụ, 7 triệu người trong lĩnh vực khai mỏ).

Nhiều ngành nghề cũng cần phải thay đổi cách thức tạo ra sản phẩm đầu ra, chẳng hạn như ngành phá dỡ tàu cũ, bằng cách thực hiện và tuân thủ các quy định tiêu chuẩn.

Các lĩnh vực việc làm mới bao gồm công nghệ pin năng lượng mặt trời, một phần quan trọng trong chiến lược năng lượng tái tạo của nhiều quốc gia. Tiềm năng của những công nghệ này đối với phát triển con người phụ thuộc hoàn toàn vào việc chúng được sử dụng để thay thế cho nguồn điện lưới được tạo ra từ các phương tiện truyền thống, như ở nhiều quốc gia phát triển, hay chúng được sử dụng để mở rộng nguồn năng lượng ngoài điện lưới như ở các quốc gia đang phát triển. Năng lượng tái tạo có thể trở thành phương tiện chủ yếu nhằm đạt được Mục tiêu phát triển bền vững số 7.1, đảm bảo phổ cập tiếp cận các dịch vụ năng lượng có chi phí hợp lý, đáng tin cậy và hiện đại vào năm 2030 (bảng 1).

Các Mục tiêu phát triển bền vững có ý nghĩa quan trọng với vấn đề việc làm bền vững

Mục tiêu phát triển bền vững có liên hệ trực tiếp nhất với vấn đề việc làm bền vững là Mục tiêu số 8 (thúc đẩy tăng trưởng kinh tế ổn định, bao trùm và bền vững, tạo việc làm đầy đủ, hiệu quả và thỏa đáng cho tất cả mọi người), và các mục tiêu có liên quan có mối liên hệ với việc làm bền vững. Mục tiêu 8.7 là thực hiện các biện pháp ngay lập tức và hiệu quả để loại trừ tận gốc lao động cưỡng ép, chấm dứt tình trạng nô lệ thời hiện đại và buôn bán người trái phép và đảm bảo việc nghiêm cấm và loại bỏ các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất, bao gồm tuyển mộ và sử dụng binh lính là trẻ em và tiến tới chấm dứt lao động trẻ em dưới mọi hình thức vào năm 2025.

Mục tiêu 8.8 là bảo vệ các quyền của người lao động và thúc đẩy môi trường làm việc an toàn và ổn định cho mọi lao động, bao gồm cả lao động nhập cư, đặc biệt là lao động nữ nhập cư và những người có việc làm bấp bênh, nhằm củng cố các kết quả phát triển con người của người lao động, tránh tình trạng thụt lùi. Mục tiêu 8.9 xây dựng và thực thi các chính sách thúc đẩy du lịch bền vững để tạo việc làm đồng thời quảng bá văn hóa và các sản phẩm địa phương đến năm 2030, chủ trương hỗ trợ một loại hình việc làm (bền vững) đặc thù.

Mục tiêu 3.a tăng cường thực thi Công ước khung của Tổ chức Y tế Thế giới về Kiểm soát thuốc lá tại tất cả các quốc gia một cách phù hợp, nỗ lực giảm thiểu việc làm liên quan đến sản xuất và phân phối thuốc lá đồng thời cải thiện sức khỏe người lao động. Mục tiêu 9.4 là đến năm 2030 nâng cấp cơ sở hạ tầng và cải tiến các ngành nghề theo hướng bền vững, với việc sử dụng nguồn lực hiệu quả hơn và tăng cường áp dụng các công nghệ và quy trình công nghiệp sạch và thân thiện với môi trường cùng sự phối hợp hành động của tất cả các quốc gia dựa trên năng lực phù hợp, — chỉ ra một hướng đi cụ thể để nâng cao tay nghề và tìm ra những lĩnh vực việc làm mới.

Nhiều mục tiêu nhỏ trong các Mục tiêu phát triển bền vững tập trung vào những công việc có ý nghĩa tác động tiêu cực đến phát triển con người. Mục tiêu 8.7, nếu đạt được, sẽ cải thiện cuộc sống của 168 triệu lao động trẻ em và 21 triệu lao động cưỡng ép.⁶⁰ Mục tiêu 5.2 sẽ hỗ trợ 4,4 triệu phụ nữ

bị bóc lột tình dục,⁶¹ và Mục tiêu 3.a sẽ tác động đến khoảng 100 triệu người lao động trong ngành công nghiệp thuốc lá.⁶² Cần có các chương trình và chính sách chủ động để hỗ trợ những người đã từng tham gia vào các loại hình việc làm này.

Các mục tiêu và chỉ tiêu khác liên quan đến việc chuyển đổi phương thức làm việc hiện tại và giới thiệu các phương pháp tiếp cận mới. Mục tiêu số 2 về xóa đói và đảm bảo an ninh lương thực đồng thời cải thiện dinh dưỡng và thúc đẩy nông nghiệp bền vững có khả năng chuyển đổi cách thức làm việc của một lượng lớn người tham gia vào lĩnh vực nông nghiệp.

Việc làm trong một số ngành nghề cơ bản như nông nghiệp, thủy sản và lâm nghiệp — có sự tham gia của hơn một tỷ người trên toàn thế giới, hầu hết trong số đó là những người sống ở mức dưới 1,25 đô la Mỹ một ngày.⁶³ Lĩnh vực này chiếm tỷ trọng lớn về khí thải gây hiệu ứng nhà kính, gắn liền với các mô hình sử dụng nước và đất đai không bền vững, có liên quan đến tình trạng phá rừng và suy giảm đa dạng sinh học và đặc biệt nhạy cảm với các tác hại của biến đổi khí hậu.

Do đó việc thay đổi cách thức trồng trọt và thu hoạch mùa vụ của nông dân là rất quan trọng. Các công nghệ và phương thức canh tác có thể tạo ra sự khác biệt hiện đã có nhưng cần phải áp dụng nhanh chóng hơn. Ví dụ, khoảng một phần ba tổng sản lượng lương thực bị thất thoát hoặc lãng phí, trong đó ngũ cốc chiếm tỷ trọng lớn nhất. Cần có các nỗ lực rộng khắp để mở rộng những lợi ích cụ thể, tức thời, đồng thời tạo ra những sản phẩm mới cho sản xuất công nghiệp và thủ công.⁶⁴

Phần lớn việc cần làm gắn với chuyển đổi sang môi trường bền vững (mục tiêu 9.4) đều liên quan đến xây dựng và cơ sở hạ tầng. Các dự án năng lượng (mục tiêu số 7) có thể thúc đẩy việc làm cả trong ngắn và dài hạn, một cách trực tiếp và gián tiếp, khi các dự án này hỗ trợ những ngành công nghiệp khác tăng trưởng và phát triển. Năm 2014 các dự án năng lượng tái tạo (ngoại trừ các dự án thủy điện lớn, với khoảng 1,5 triệu việc làm trực tiếp) ước tính đã trực tiếp và gián tiếp tạo việc làm cho 7,7 triệu người.⁶⁵ Trong lĩnh vực năng lượng tái tạo, pin năng lượng mặt trời cung cấp số lượng việc làm lớn nhất trên toàn thế giới, với 2,5 triệu việc làm.

Bằng cách củng cố các kết quả đầu ra về y tế và giáo dục, đặc biệt là cho trẻ em, các

Quan niệm về phát triển con người vẫn giữ nguyên tính thời sự trong các cuộc đàm luận về phát triển-thậm chí còn mang tính thời sự hơn trong bối cảnh thế giới ngày nay

Mục tiêu phát triển bền vững có thể tạo dựng nền tảng để con người thu nạp các kỹ năng nhằm chuyển đổi sang những ngành nghề liên quan đến việc làm bền vững.

Thế giới đã thay đổi nhanh chóng, nhưng khái niệm phát triển con người vẫn giữ nguyên tính thời sự như trước đây, nếu không muốn nói là còn nhiều hơn trước

Thế giới ngày nay khác rất nhiều so với thế giới năm 1990, khi quan niệm về phát triển con người và các chỉ số đo lường để đánh giá sự thịnh vượng của con người mới ra đời. Kể từ đó đến nay, bức tranh phát triển đã thay đổi, các trung tâm tăng trưởng kinh tế của thế giới đã dịch chuyển, các quá trình chuyển đổi nhân khẩu học quan trọng đã trở thành hiện thực và một làn sóng các thách thức phát triển mới đã và đang xuất hiện.

Nền kinh tế toàn cầu đang thay đổi. Ảnh hưởng của những nền kinh tế mới nổi ngày càng gia tăng. Tỷ trọng của các nền kinh tế phát triển trong tổng GDP toàn cầu (dựa trên ngang giá sức mua bằng đô la Mỹ) giảm từ 54% năm 2004 xuống còn 43% năm 2014. Về phương diện chính trị, khao khát có được quyền tự do và tiếng nói đã lan tràn khắp nơi trên thế giới. Cách mạng kỹ thuật số thay đổi cách thức chúng ta tư duy và hành động. Tình trạng bất bình đẳng gia tăng. An ninh con người trở nên mong manh hơn. Và biến đổi khí hậu tác động ngày càng nhiều đến đời sống con người.

Vậy quan niệm về phát triển con người có còn mang tính thời sự trong các cuộc đàm luận về phát triển và được coi là thước đo sự thịnh vượng của con người nữa hay không? Câu trả lời là Có, thậm chí còn mang tính thời sự hơn trong bối cảnh thế giới ngày nay.

Thậm chí với tất cả các tiến bộ công nghệ và kinh tế hiện có thì con người vẫn không được hưởng lợi một cách bình đẳng từ các thành tựu phát triển, năng lực và cơ hội của con người không phải lúc nào cũng được phát huy, an ninh con người đang bị đe dọa, các quyền con người và quyền tự do không phải lúc nào cũng được bảo vệ, tình trạng bất bình đẳng giới vẫn còn là thách thức, và những lựa chọn của thế hệ tương lai chưa được chú ý đúng mức. Bởi vậy quan niệm về phát triển con người, tức là về mở rộng lựa chọn, tập trung vào một cuộc sống

trường thọ, khỏe mạnh và sáng tạo và nhấn mạnh nhu cầu nâng cao năng lực và kiến tạo cơ hội, đưa ra một khung phát triển mới với ý nghĩa quan trọng trong đó con người là trung tâm của quá trình phát triển.

Tương tự, với tư cách là thước đo sự thịnh vượng của con người, khung phát triển con người vẫn cung cấp cái nhìn bao trùm nhất về tiến bộ con người, đồng thời đóng góp vào quá trình hoạch định chính sách.

Mặc dù vậy, sau một phân tử thế kỷ, đã đến lúc cần nhìn nhận lại cả hai khía cạnh là quan niệm và các cách thức đo lường.

Quan niệm và các cách thức đo lường phát triển con người cần được xem xét lại để đảm bảo phù hợp với các thách thức hiện tại và thế giới tương lai

Góc độ nhận thức về phát triển con người đòi hỏi phải có một cái nhìn mới để giải quyết các thách thức đang nổi lên trong một thế giới thay đổi nhanh chóng, đặc biệt là trong mối tương quan với Chương trình nghị sự về phát triển bền vững đến năm 2030 và các Mục tiêu phát triển bền vững mới.

Trọng tâm cơ bản cần được giữ nguyên. Tuy nhiên những vấn đề như lựa chọn cá nhân và tập thể, những cân nhắc lựa chọn có thể xảy ra trong trường hợp xung đột, thứ tự ưu tiên của các lựa chọn và sự cân bằng giữa các lựa chọn của thế hệ hiện tại và tương lai cần được quan tâm chú ý. Tương tự, những vấn đề về phát triển con người liên quan đến các cú sốc và nguy cơ cũng như mối quan hệ giữa phát triển con người, quyền con người và an ninh con người cần được nhìn nhận lại.

Chương trình nghị sự về phát triển bền vững đến năm 2030 và các Mục tiêu phát triển bền vững đòi hỏi phải có những công cụ đánh giá mới để giám sát tiến độ, đó là đo lường mức độ bền vững môi trường và tích hợp nó vào các chỉ tiêu chung về sự thịnh vượng của con người chính là những ưu tiên hàng đầu.

Hiện đang có ba thách thức nổi trội. Thứ nhất, phải xác định các tiêu chuẩn đánh giá và các chỉ số sao cho những tác động chính sách diễn ra nhanh chóng hơn. Thứ hai, các tiêu chuẩn đánh giá thường không phù hợp để đánh giá sự thịnh vượng của con người ở những thời điểm xảy ra các cú sốc và khủng hoảng và do đó phải được điều chỉnh để đáp

ứng nhu cầu này. Thứ ba, cần nghiên cứu các biện pháp chính sách mang tính “chỉ đạo nhanh”.

Tất cả những nỗ lực này đòi hỏi phải có nguồn dữ liệu phong phú, nhất quán và đáng tin cậy. Khi xem xét vấn đề này và đồng thời cân nhắc một chương trình nghị sự quốc tế tham vọng hơn, Ủy ban cấp cao về Chương trình nghị sự sau năm 2015 do Tổng thư ký LHQ nhóm họp vào năm 2014 đã đưa ra lời kêu gọi về một cuộc cách mạng dữ liệu. Theo đó nhấn mạnh nhu cầu phải giám sát tiến độ. Nổi bật là ba vấn đề sau:

- Thứ nhất, một lượng lớn dữ liệu thời gian thực có thể cung cấp thông tin tốt hơn về, chẳng hạn, tình trạng đến trường của học sinh. Công cụ cảm biến, vệ tinh và các công cụ khác cung cấp dữ liệu thời gian thực về hoạt động của con người. Những dữ liệu này có thể được khai thác để phục vụ cho quá trình hoạch định chính sách.
- Thứ hai, dữ liệu quy mô lớn hứa hẹn cung cấp số liệu thống kê gần như ngay lập tức và cho phép phân tách chi tiết những thông tin chưa từng được biết đến của các cuộc tổng điều tra dân số bên ngoài cho đến thời điểm hiện tại. Dữ liệu này mở rộng nhận thức về quan hệ nhân quả trong một thế giới ngày càng trở nên phức tạp hơn và cho phép đưa ra các biện pháp kịp thời trong một số tình huống nhân đạo. Nhưng dữ liệu này cũng ẩn chứa rủi ro, vì chúng có thể gây tổn hại nếu sự riêng tư và danh tính cá nhân không được tôn trọng. Tuy nhiên, nhiều nhà nghiên cứu vẫn đang tìm cách xác định làm thế nào để khối lượng thông tin đồ sộ này—được tạo ra một cách tình cờ và có chủ ý khi hàng tỷ người sinh hoạt hàng ngày—có thể hỗ trợ tính bền vững và cung cấp nhiều hiểu biết hữu ích để cải thiện cuộc sống con người.

- Thứ ba, việc kết hợp các phương pháp thu thập thông tin truyền thống và hiện đại trong các cuộc tổng điều tra dân số là hoàn toàn khả thi, từ sổ sách hành chính đến các thiết bị di động, hệ thống thông tin địa không gian và Internet. Rất nhiều quốc gia đã áp dụng phương thức này.

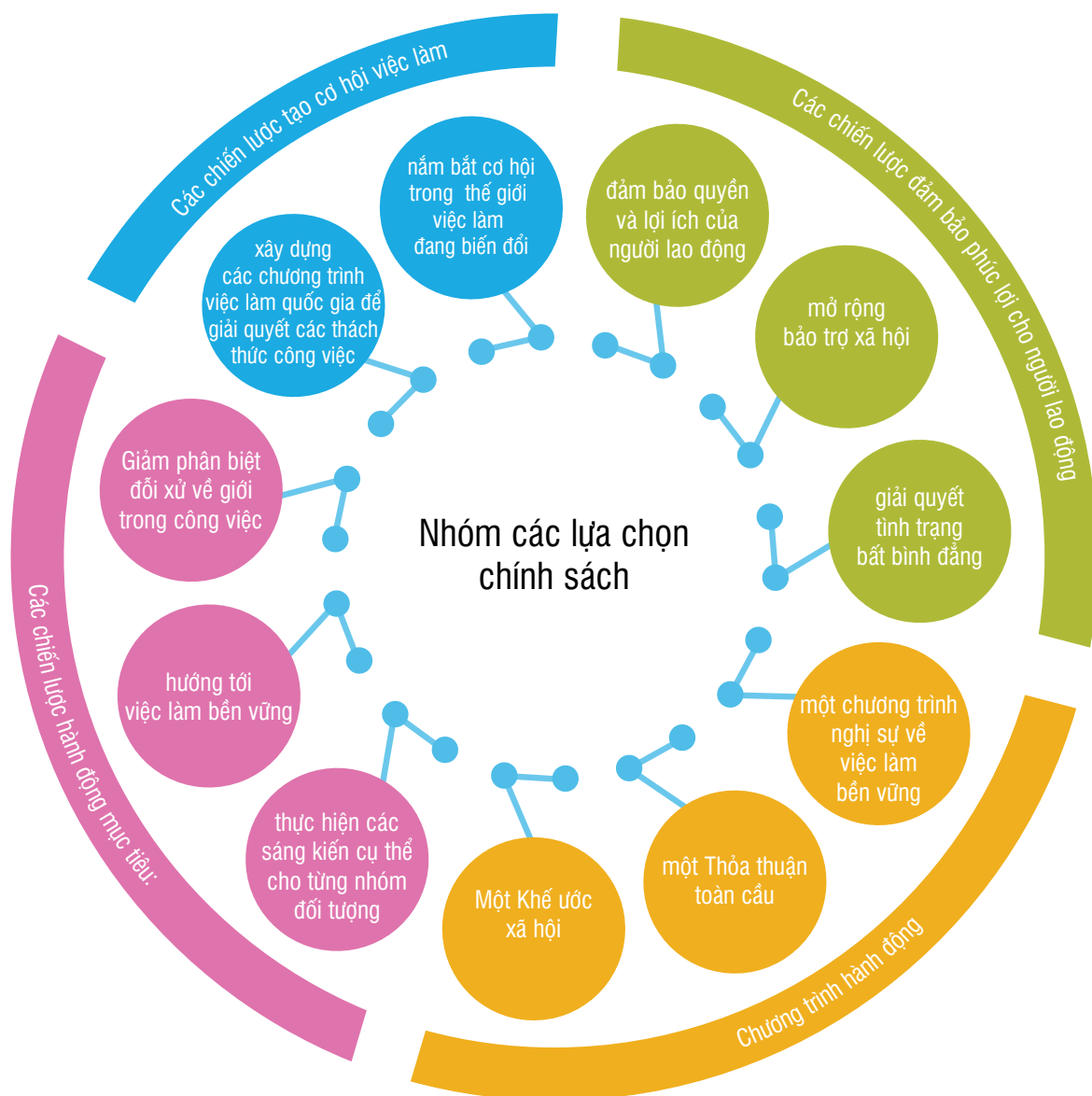
Trong thế giới đã và đang tiếp tục đổi thay này, với một chương trình nghị sự phát triển mới và các mục tiêu phát triển mới, nhu cầu nhìn nhận lại quan niệm và cách thức đo lường phát triển con người mang ý nghĩa sống còn. Báo cáo Phát triển con người năm sau, báo cáo thứ 25 trong chuỗi báo cáo, sẽ tập trung vào vấn đề này.

Thúc đẩy phát triển con người thông qua việc làm cần các chính sách cụ thể và một chương trình hành động

Các lựa chọn chính sách để thúc đẩy phát triển con người thông qua việc làm phải được xây dựng trên ba khía cạnh lớn: tạo ra nhiều cơ hội việc làm để mở rộng lựa chọn nghề nghiệp, đảm bảo phúc lợi cho người lao động để củng cố mối liên kết tích cực giữa việc làm và phát triển con người và các chương trình hành động mục tiêu để giải quyết những thách thức của một số nhóm đối tượng và bối cảnh cụ thể. Một chương trình hành động để tạo đà cho sự thay đổi cũng rất cần thiết nhằm theo đuổi cách tiếp cận dựa trên ba trụ cột: Một Khế ước xã hội mới, một Thỏa Thuận Toàn Cầu và một Chương Trình nghị sự về việc làm bền vững (Hình 8)

HÌNH 8

Các chính sách thúc đẩy phát triển con người thông qua việc làm



Nguồn: Văn phòng Báo cáo phát triển con người.

Tạo cơ hội việc làm đòi hỏi các kế hoạch việc làm có tổ chức cũng như các chiến lược để nắm bắt cơ hội trong thế giới việc làm đang biến đổi

Việc làm vì phát triển con người không đơn thuần chỉ là công việc làm thuê, mà phát triển con người còn là việc mở rộng lựa chọn và tạo ra cơ hội. Quá trình này bao gồm việc đảm bảo rằng luôn sẵn có các cơ hội việc làm được trả lương thỏa đáng và có chất lượng, và những người cần và mong muốn tìm việc làm có thu nhập có thể tiếp cận được. Các chiến lược việc làm quốc gia là cần thiết để giải quyết những thách thức trong công việc tại nhiều nước. Có khoảng 27 nước đang phát triển đã thực hiện chiến lược việc làm quốc gia, 18 nước khác đang triển khai và 5 nước đang xem xét lại chính sách để ứng phó tốt hơn với các thách thức việc làm mới.⁶⁶ Các công cụ chính sách chủ yếu của một chiến lược việc làm quốc gia có thể bao gồm:

- *Xác lập mục tiêu việc làm.* Đã có hơn chục quốc gia xác lập mục tiêu việc làm (bao gồm cả Honduras và Indonesia). Các ngân hàng trung ương có thể theo đuổi mục tiêu kép, đó là nhấn mạnh vào các mục tiêu việc làm thay vì chỉ tập trung kiểm soát lạm phát. Họ cũng có thể cân nhắc sử dụng các công cụ chính sách tiền tệ (ví dụ như các cơ chế phân bổ tín dụng) để tạo thêm cơ hội việc làm như ở Chilê, Colombia, Ấn Độ, Malaysia và Singapore.
- *Hoạch định chiến lược phát triển theo hướng ưu tiên tăng việc làm.* Không nên xem việc làm là sản phẩm phái sinh của tăng trưởng kinh tế. Một số can thiệp chính sách sẽ cho phép tăng cường liên kết giữa các doanh nghiệp nhỏ và vừa đang cần vốn và các doanh nghiệp lớn có nguồn vốn dồi dào để gia tăng việc làm, nâng cao kỹ năng của người lao động, tập trung nguồn vốn đầu tư và các yếu tố đầu vào cho các lĩnh vực tập trung nhiều người nghèo (như nông nghiệp), loại bỏ các rào cản chính đối với tăng trưởng cho tạo việc làm (như xóa bỏ định kiến trong tiếp cận tín dụng của các doanh nghiệp nhỏ và vừa), triển khai khuôn khổ pháp

lý và quy định vững chắc cũng như giải quyết sự phân bổ vốn và lao động trong chi tiêu công nhằm nhấn mạnh các tiến bộ công nghệ tạo ra việc làm.

- *Hướng tới tài chính hòa nhập.* Hệ thống tài chính hòa nhập là vô cùng cần thiết trong quá trình kiến tạo việc làm và chuyển đổi cơ cấu việc làm. Tại các nước đang phát triển, việc không được tiếp cận đầy đủ với các dịch vụ tài chính là một cản trở đối với hoạt động và sự phát triển của doanh nghiệp, đặc biệt là đối với phụ nữ. Các lựa chọn chính sách có thể bao gồm mở rộng các dịch vụ ngân hàng đến với các nhóm yếu thế và cùng cực (như ở Ecuador),⁶⁷ triển khai cấp tín dụng cho những người chưa được tiếp cận, vùng sâu, vùng xa, và các ngành mục tiêu (như ở Argentina, Malaysia, và Hàn Quốc)⁶⁸ cũng như giảm lãi suất, cấp bảo lãnh tín dụng và trợ cấp tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, các lĩnh vực sản xuất định hướng xuất khẩu.
- *Xây dựng khung kinh tế vĩ mô mang tính hỗ trợ.* Một số công cụ giảm thiểu biến động và tăng tính ổn định của việc làm bao gồm duy trì tỷ giá hối đoái thực tế ổn định và cạnh tranh, quản lý tài khoản vốn thận trọng hợp lý, cải tổ ngân sách dành cho các lĩnh vực tạo ra việc làm, dành ngân sách cho chi tiêu công, thúc đẩy môi trường kinh doanh, đảm bảo cơ sở hạ tầng chất lượng cao và áp dụng khuôn khổ pháp lý khuyến khích cạnh tranh, tăng cường hiệu quả và đảm bảo tính minh bạch và tin cậy trong kinh doanh.

Nắm bắt cơ hội trong thế giới việc làm đang thay đổi hàng ngày đòi hỏi phải có các hành động chính sách giúp con người tồn tại trong môi trường công việc mới. Các cá nhân có thể phát triển nếu được trang bị những kỹ năng, kiến thức và khả năng để khai thác công nghệ mới và tận dụng các cơ hội tiềm tàng. Một số hành động chính sách liên quan đòi hỏi các yếu tố sau:

Không thể tiếp tục coi việc làm đơn thuần là sản phẩm phái sinh của tăng trưởng kinh tế

- *Tránh cuộc đua đến đáy.* Với những lợi ích hiện hữu và tiềm tàng mà toàn cầu hóa mang lại cho lĩnh vực việc làm, thì cuộc đua đến đáy/tình trạng phát triển thụt lùi với mức lương giảm chưa từng có và các điều kiện làm việc xuống cấp không phải là hệ lụy duy nhất. Sự quan tâm của toàn thể giới để đảm bảo mức lương thỏa đáng, đảm bảo an toàn lao động và bảo vệ quyền lợi của người lao động có thể giúp ngăn ngừa tình trạng phát triển thụt lùi và làm cho hoạt động kinh doanh trở nên bền vững trong dài hạn, giống như thương mại công bằng cũng có tác dụng tương tự, bởi người tiêu dùng ngày càng quan tâm hơn đến điều kiện làm việc.
- *Đào tạo kỹ năng, kiến thức mới cho người lao động.* Các kỹ năng nâng cao và chuyên sâu sẽ rất cần thiết cho các công việc liên quan đến khoa học kỹ thuật cũng như nhiều ngành nghề khác đồng thời cũng là cơ sở cho sáng tạo, kỹ năng giải quyết vấn đề và quá trình học tập suốt đời.

Các chiến lược đảm bảo phúc lợi cho người lao động phải tập trung vào quyền, lợi ích, chế độ bảo trợ xã hội và tình trạng bất bình đẳng

Đảm bảo quyền và lợi ích của người lao động là trọng tâm trong tăng cường mối liên kết tích cực giữa việc làm và phát triển con người và góp phần làm giảm những tác động tiêu cực.

Các chính sách có thể bao gồm:

- **Thiết lập khuôn khổ quy định và pháp luật.** Các quy định này bao gồm vấn đề thương lượng tập thể, bảo hiểm thất nghiệp, mức lương tối thiểu, bảo vệ quyền lợi người lao động và an toàn lao động. Các bước để thông qua và thực thi tám công ước về việc làm của Tổ chức Lao động quốc tế và đưa ra các khuôn khổ pháp lý cho việc thực thi cũng rất cần thiết (Hình 9).
- **Đảm bảo cơ hội làm việc cho người khuyết tật.** Có thể áp dụng các biện pháp khuyến khích người sử dụng lao động tạo ra môi trường lao động phù hợp. Các chính phủ có thể nỗ lực thay đổi tập quán và nhận thức, nâng cao năng lực của người khuyết tật, đảm bảo họ có thể tiếp cận nơi làm việc và các công nghệ phù hợp

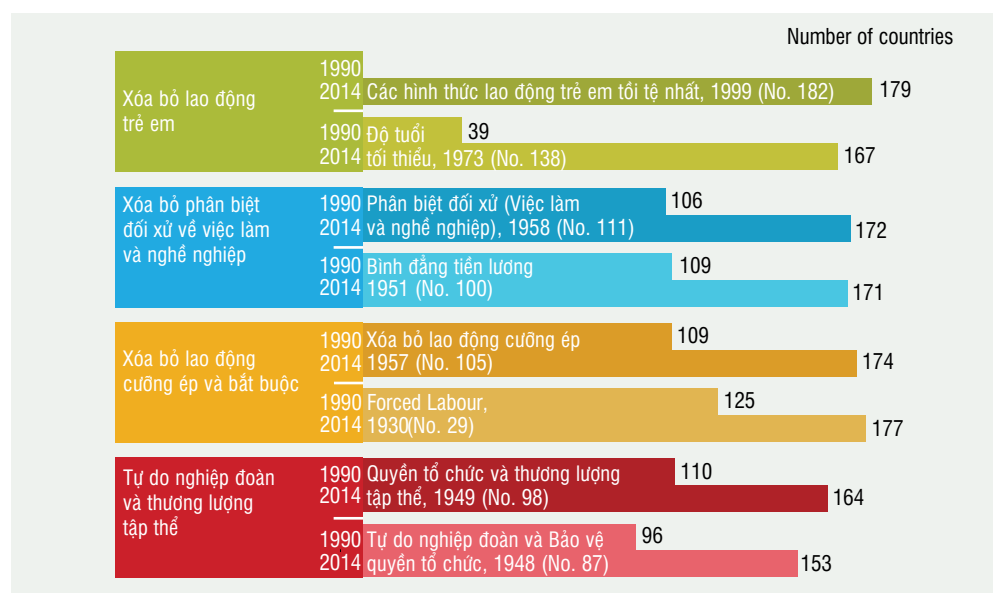
đồng thời áp dụng các chính sách hành động kiên quyết

- **Coi việc bảo vệ quyền và sự an toàn của người lao động là vấn đề không biên giới:** Các biện pháp có thể bao gồm mở rộng khuôn khổ quy định đến đối tượng người nhập cư, thiết lập hệ thống chuyển giao tiền gửi cấp tiểu khu vực và hỗ trợ thêm cho các nước có người di cư. Những chính sách này sẽ tạo ra hàng hóa công cấp khu vực và tiểu khu vực.
- **Khuyến khích hành động tập thể và cơ chế công đoàn.** Trong bối cảnh toàn cầu hóa, cách mạng khoa học kỹ thuật và những thay đổi trên thị trường lao động, rất cần hỗ trợ các hình thức hành động tập thể mới nổi (như Hiệp hội phụ nữ tự doanh ở Ấn Độ),⁶⁹ các tổ chức tiền bộ của người lao động tự do (như Hội người lao động tự do ở Mỹ)⁷⁰ và các hoạt động thương lượng tập thể, bao gồm các cuộc tuần hành và biểu tình hòa bình.

Đảm bảo quyền và lợi ích của người lao động là trọng tâm trong tăng cường mối liên kết tích cực giữa việc làm và phát triển con người

HÌNH 9

Số lượng các quốc gia đã thông qua các công ước của Tổ chức Lao động thế giới, giai đoạn 1990 - 2014



Nguồn: Văn phòng báo cáo phát triển con người tính toán dựa trên số liệu của Tổ chức Lao động thế giới (2014c)

Chia sẻ lợi nhuận và phân chia cổ phần trong doanh nghiệp cho người lao động có thể góp phần giảm thiểu bất bình đẳng về thu nhập

Chỉ có 27% dân số toàn cầu được hưởng chế độ bảo trợ xã hội toàn diện, nghĩa là an sinh và lựa chọn của nhiều người lao động còn rất hạn chế.⁷¹ Những hành động để mở rộng chế độ bảo trợ xã hội cho người lao động cần tập trung vào các vấn đề sau:

- *Đặt mục tiêu vào các chương trình được thiết kế tốt, có mục tiêu rõ ràng và khả thi.* Có thể cung cấp một bộ chế độ bảo trợ xã hội cơ bản và tối thiểu cho mọi công dân thông qua hình thức trợ cấp xã hội trực tiếp bằng tiền hoặc hiện vật. Có thể huy động các nguồn lực, ví dụ, thông qua chính sách thuế lũy tiến, cải cách chi tiêu, và các cơ chế đóng góp trên quy mô rộng hơn.
- *Kết hợp bảo trợ xã hội với các chiến lược việc làm hợp lý.* Những chương trình cần cung cấp việc làm cho người nghèo đồng thời đóng vai trò là mạng lưới an sinh xã hội.
- *Đảm bảo mức thu nhập đủ sống.* Đây có thể coi là mức thu nhập tối thiểu cơ bản cho mọi người lao động, độc lập với thị trường lao động, dưới hình thức chuyển giao tiền mặt. Chính sách như vậy sẽ giúp cho việc làm không có thu nhập trở thành một lựa chọn khả thi và ổn định hơn.
- *Vận dụng các chương trình bảo trợ xã hội thành công vào bối cảnh từng địa phương.* Các chương trình chuyển giao tiền mặt hoặc chuyển giao tiền mặt có điều kiện đã đưa ra nguồn bảo trợ xã hội, đặc biệt ở khu vực châu Mỹ Latinh (ví dụ Bolsa Familia, Braxin và Oportunidades, hiện nay là Prospera, ở Mexico) và có thể được nhân rộng tại những nơi khác trên thế giới.
- *Thực hiện các chương trình bảo đảm việc làm trực tiếp.* Nhiều nước cũng đã tiến hành các chương trình bảo đảm việc làm. Ví dụ điển hình nhất là Chương trình quốc gia về bảo đảm việc làm nông thôn ở Ấn Độ.⁷²
- *Các biện pháp can thiệp cho đối tượng người già.* Lựa chọn việc làm của người

già bị hạn chế bởi khả năng tiếp cận lương hưu. Các lựa chọn chính sách bao gồm mở rộng hệ thống lương hưu cơ bản không đóng góp và khai thác hệ thống đóng góp lương hưu đầy đủ (ví dụ ở Chile).⁷³ Do người lao động ngày càng nhận được phần nhỏ hơn trong tổng thu nhập và tình trạng bất bình đẳng về cơ hội vẫn còn đáng kể nên các lựa chọn chính sách cần tập trung vào các vấn đề sau:

- *Xây dựng và thực hiện các chiến lược tăng trưởng vì người nghèo.* Điều này sẽ tạo ra việc làm trong các lĩnh vực tập trung phân lớn người nghèo, cải thiện khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản như y tế, giáo dục, nước sạch, vệ sinh an toàn và mở ra khả năng tiếp cận các nguồn lực sản xuất như các yếu tố đầu vào, tín dụng và tài chính của các hộ nghèo. Những hành động này cũng sẽ giúp tận dụng thời gian dành cho các công việc chăm sóc không có thu nhập. Lựa chọn khác bao gồm chính sách trợ cấp, chi tiêu có mục đích và các cơ chế giá.
- *Cung cấp hỗ trợ bổ sung.* Các phương tiện marketing, đầu tư vào cơ sở hạ tầng (đặc biệt ở khu vực nông thôn), mở rộng dịch vụ khuyến nông và các công nghệ có hàm lượng lao động cao sẽ có tác động truyền dẫn để cân bằng cơ hội việc làm. Với các cơ chế khuyến khích đúng đắn, khu vực tư nhân có thể đóng vai trò chính trong quá trình xây dựng và vận hành cơ sở hạ tầng.
- *Dân chủ hóa giáo dục, đặc biệt là bậc đại học trên bình diện quốc gia và toàn cầu.* Các quốc gia đều đề cao giáo dục bậc đại học nhưng mức độ tiếp cận là không đồng đều và gây ra sự bất bình đẳng về việc làm⁷⁴, ngay trong phạm vi quốc gia (nơi phần lớn lao động có trình độ đại học xuất phát từ các gia đình có thu nhập cao hơn) và giữa các quốc gia (các nước có mức tăng cao hơn trong giáo dục đại học chính là các nước công nghiệp đã có tỷ lệ giáo dục đại học ở mức cao).

- *Theo đuổi chính sách chia sẻ lợi nhuận và quyền làm chủ cho người lao động.* Việc chia sẻ lợi nhuận và phân chia cổ phần trong doanh nghiệp cho người lao động có thể giúp làm giảm tình trạng bất bình đẳng về thu nhập.⁷⁵
- *Lựa chọn và thực thi các chính sách phân phối hợp lý.* Biện pháp này bao gồm chính sách thuế lũy tiến theo thu nhập và tài sản, các quy định pháp luật nhằm hạn chế tình trạng bóc lột lao động, các quy định nghiêm ngặt hơn (đặc biệt là về tài chính) và các kế hoạch chi tiêu công hướng đến đối tượng người nghèo.
- *Điều tiết khu vực tài chính nhằm giảm thiểu các tác động suy thoái theo chu kỳ.* Thúc đẩy đầu tư vào nền kinh tế thực có thể tạo ra việc làm ổn định trong khi gia tăng đầu tư tài chính có thể sẽ kém ổn định hơn và tạo ra ít việc làm hơn.
- *Loại bỏ tình trạng mất cân đối trong dịch chuyển lao động và vốn.* Do khác biệt về bản chất, sự dịch chuyển lao động không tương ứng với sự dịch chuyển vốn. Về phương diện chính sách, các nước công nghiệp thường tăng cường sự vận động của dòng vốn nhưng không khuyến khích sự dịch chuyển lao động. Tuy nhiên, kiểm soát sự dịch chuyển vốn có thể giúp làm giảm bất ổn kinh tế vĩ mô và tránh bẫy thu nhập trung bình ở các nước đang phát triển, ngăn ngừa dòng vốn chảy ra nước ngoài khi tiền lương trong nước quá cao. Các chính sách về di cư có thể giảm thiểu phần nào những rủi ro của tình trạng di dân.

Cần có những hành động mục tiêu để cân đối giữa công việc chăm sóc và công việc có thu nhập, tạo việc làm bền vững, giải quyết tình trạng thất nghiệp ở thanh niên, khuyến khích các công việc sáng tạo và tình nguyện và cung cấp việc làm trong và sau xung đột

Việc giải quyết tình trạng mất cân đối về cơ hội việc làm có và không có thu nhập giữa phụ nữ và nam giới có thể hưởng lợi từ các giải pháp chính sách sau đây:

- *Mở rộng và tăng cường các chính sách nhạy cảm giới đối với lao động nữ hưởng lương.* Các chương trình phải giải quyết vấn đề phát triển kỹ năng thông qua giáo dục đặc biệt là toán học và khoa học, các hoạt động đào tạo đáp ứng nhu cầu của thị trường và khả năng tiếp cận cơ hội phát triển nghề nghiệp liên tục.
- *Tăng cường sự hiện diện của phụ nữ trong các vị trí lãnh đạo cấp cao:* Sự tham gia của phụ nữ trong khu vực nhà nước và tư nhân có thể được thúc đẩy thông qua các chính sách về nhân sự, tuyển chọn, tuyển dụng và khuyến khích gắn bó lâu dài. Các tiêu chuẩn để bạt nam giới và phụ nữ lên các chức vụ cấp cao phải đồng nhất. Cơ chế hướng dẫn và đào tạo sẽ giúp tăng cường năng lực của phụ nữ tại nơi làm việc, chẳng hạn thông qua việc sử dụng quản lý cấp cao là nữ như những hình mẫu thành công trong công việc.
- *Các chính sách can thiệp cụ thể:* Các giải pháp mang tính pháp lý là cần thiết để giảm tình trạng bất bình đẳng giữa nam và nữ giới như quấy rối tại nơi làm việc, phân biệt đối xử trong tuyển dụng và khả năng tiếp cận các dịch vụ tài chính cũng như tiếp cận công nghệ
- *Tập trung vào chính sách nghỉ thai sản cho cả nam và nữ:* Thay vì theo đuổi các quan điểm trung lập, nếu có các chính sách thưởng cho những người chia sẻ đồng đều thời gian nghỉ thai sản thì các ông bố sẽ có động lực nghỉ thai sản nhiều hơn.
- *Mở rộng lựa chọn về dịch vụ chăm sóc, bao gồm các trung tâm chăm sóc ban ngày, các chương trình sau giờ học, nhà dưỡng lão dành cho người cao tuổi và các cơ sở chăm sóc dài hạn khác:* Người sử dụng lao động có thể cung cấp dịch vụ chăm sóc trẻ em tại nơi làm việc. Một biện pháp thay thế khác là trợ cấp cho dịch vụ chăm sóc thông qua cung cấp phiếu mua hàng hoặc vé thưởng.

- *Khuyến khích việc sắp xếp thời gian làm việc linh hoạt, bao gồm hình thức làm việc từ xa:* Nên có các cơ chế khuyến khích thỏa đáng cho người lao động trở lại làm việc sau thời gian nghỉ thai sản. Các cơ chế này có thể bao gồm việc duy trì việc làm cho phụ nữ nghỉ thai sản trong vòng một năm. Đồng thời nên đưa ra các quyền lợi và cơ chế khuyến khích (như tăng lương) để phụ nữ quay trở lại làm việc. Hình thức làm việc từ xa và linh hoạt về thời gian cũng sẽ giải quyết tình trạng mất cân đối về việc làm có và không có thu nhập giữa nam và nữ.
- *Đánh giá đúng giá trị của công việc chăm sóc:* Cần có các nỗ lực nhằm nâng cao nhận thức về giá trị mà công việc chăm sóc mang lại cho xã hội và khuyến khích đưa ra các lựa chọn khác nhau để bù đắp xứng đáng cho những công việc này.
- *Tăng cường thu thập dữ liệu về việc làm có và không có thu nhập:* Các hệ thống thống kê quốc gia, tăng cường sử dụng điều tra viên là phụ nữ, lựa chọn mẫu thống kê và bảng điều tra phù hợp sẽ giúp thu thập số liệu hiệu quả hơn về sự phân bố việc làm có và không có thu nhập.

Các giải pháp mục tiêu hướng đến việc làm bền vững nên tập trung vào việc xóa bỏ, chuyển đổi và tạo mới việc làm để cải thiện phát triển con người và môi trường bền vững. Các giải pháp chính sách nên tập trung vào:

- *Ứng dụng công nghệ mới và khuyến khích đầu tư mới:* Điều này đòi hỏi phải tách rời khỏi phương thức kinh doanh thông thường, thực hiện chuyển giao công nghệ và nhanh chóng chuyển sang những việc làm mang tính bền vững hơn.
- *Khuyến khích hành động cá nhân và chống bất bình đẳng:* Chính sách này đòi hỏi phải nhận diện và khuyến khích các yếu tố bên ngoài có tác động tích cực đến việc làm của con người, như áp dụng cơ chế lương xã hội ngoài mức thu nhập cá nhân để khuyến khích người lao động khi công việc của họ đem lại lợi ích xã hội (ví dụ hoạt động bảo tồn rừng).

Các giải pháp mục tiêu về việc làm bền vững nên tập trung vào việc xóa bỏ, chuyển đổi và tạo mới việc làm

HỘP 3

Các giải pháp khả thi ở cấp quốc gia hướng đến việc làm bền vững

- Xác định các công nghệ và lựa chọn đầu tư phù hợp, kể cả các cơ hội đột phá.
- Thiết lập các khuôn khổ quy định và vĩ mô để tạo điều kiện áp dụng các chính sách bền vững.
- Đảm bảo mọi người dân có nền tảng kỹ năng phù hợp - kết hợp tay nghề kỹ thuật và chất lượng cao với các khả năng cốt lõi để học tập, làm việc và giao tiếp.
- Đào tạo lại và nâng cao tay nghề của một lượng lớn người lao động trong khu vực không chính thức, ví dụ như nông nghiệp. Trong khi một số lao động có thể được tuyển dụng trực tiếp trên thị trường, những người khác vẫn cần có sự trợ giúp của khu vực nhà nước, các tổ chức phi chính phủ và những đối tượng khác. Những chương trình này có thể là công cụ hỗ trợ phụ nữ và những nhóm người thiệt thòi khác.
- Xử lý các tác động tiêu cực của quá trình chuyển đổi bằng cách đưa ra các nhóm giải pháp hỗ trợ đa dạng và tạo sân chơi bình đẳng để phá vỡ tình trạng bất bình đẳng giữa các thế hệ.
- Tiếp tục xây dựng nền tảng kỹ năng cho mọi người dân. Điều này đòi hỏi phải có một phương pháp tiếp cận theo vòng đời, nhận thức bản chất lũy tích của các giải pháp can thiệp đến năng lực học tập. Cân đầu tư lớn để xây dựng đội ngũ cán bộ y tế và giáo dục cả về số lượng và chất lượng, tiếp tục nhấn mạnh vai trò của khu vực nhà nước trong việc chuyển đổi kỹ năng

Nguồn: Atkinson 2015

- *Xử lý các cân nhắc lựa chọn:* Ví dụ, hỗ trợ người lao động mất việc làm do lĩnh vực hay ngành nghề của họ chấm dứt hoạt động (như ngành khai thác mỏ), áp dụng các tiêu chuẩn hoạt động (như ngành công nghiệp tháo dỡ tàu cũ), giải quyết tình trạng bất bình đẳng đa hệ, quản lý và chuẩn bị để thích ứng với sự thay đổi. Ngoài ra, cần có các cơ chế để chuyển tải các kết quả kỳ vọng mang tính toàn cầu vào chương trình hành động của các quốc gia (Hộp 3). Các lựa chọn chính sách nêu trên đặc biệt về lĩnh vực giáo dục và xây dựng kỹ năng là rất thiết thực để giải quyết tình trạng thất nghiệp ở thanh niên. Tuy nhiên do mức độ phức tạp và các tác động đa chiều (kinh tế, xã hội và chính trị) của thách thức này nên đòi hỏi phải có các biện pháp can thiệp mang tính mục tiêu. Cần tạo ra các cơ hội việc làm hấp dẫn cho giới trẻ để họ có thể thỏa sức sáng tạo, cải tiến và khởi nghiệp trong thế giới việc làm mới. Các biện pháp để đạt được điều này bao gồm:
- *Cung cấp hỗ trợ chính sách cho các khu vực và thế chế tạo ra những lĩnh vực việc làm mới.* Các sáng kiến này đang được triển khai, và các cơ hội việc làm mới đang được khám phá mỗi ngày, nhưng cần có các hỗ trợ chính sách.
- *Đầu tư vào phát triển kỹ năng, khả năng sáng tạo và giải quyết vấn đề.* Cần hỗ trợ đặc biệt cho nam nữ thanh niên trong quá trình tập sự, kinh doanh, đào tạo nghề và đào tạo tại chỗ.
- *Cung cấp các chính sách hỗ trợ của chính phủ cho doanh nghiệp khởi nghiệp.* Lĩnh vực hỗ trợ bao gồm dịch vụ tư vấn thành lập doanh nghiệp, các sáng kiến, công cụ và kênh tài chính hiệu quả hơn. Gần đây, gọi vốn từ công chúng đã trở thành một phương thức huy động vốn cho các doanh nghiệp khởi nghiệp nhỏ.⁷⁶
- *Mở rộng giáo dục bậc đại học thông qua mạng Internet.* Một lượng lớn các khóa học trực tuyến đang giúp kết nối các cơ sở

Cần tạo ra các cơ hội việc làm hấp dẫn cho giới trẻ

giáo dục nổi tiếng với học viên trên toàn thế giới.

- *Sử dụng các chương trình trợ cấp tiền mặt trực tiếp để tạo việc làm cho thanh niên và người nghèo tại địa phương.* Tại Ấn Độ và Uganda, những chương trình này đã cung cấp nguồn lực tài chính cho quá trình tìm kiếm việc làm, hỗ trợ hoạt động đào tạo và phát triển kỹ năng chất lượng cao⁷⁷. Đồng thời cũng tăng cường khả năng tiếp cận các nguồn tín dụng khác cho hoạt động kinh doanh.

Những công việc mang tính sáng tạo đòi hỏi phải có một môi trường làm việc cởi mở, bao gồm những hỗ trợ về tài chính và các cơ hội để hợp tác và chia sẻ ý tưởng. Một số yêu cầu then chốt để hoạt động đổi mới sáng tạo có thể phát triển nở rộ là:

- *Đổi mới theo hướng hòa nhập.* Ở đây, hàng hóa và dịch vụ mới được tạo ra cho hoặc bởi những người có thu nhập thấp nhất, hoặc bởi phụ nữ, mở rộng cơ hội sáng tạo cho những nhóm ít được quan tâm chú ý.
- *Đảm bảo sáng tạo dân chủ.* Nơi làm việc và nền tảng trực tuyến phải được tổ chức sao cho khuyến khích sự đổi mới sáng tạo ở mọi các cấp độ.
- *Đầu tư cho thử nghiệm và chấp nhận rủi ro.* Giải quyết các vấn đề xã hội và môi trường phức tạp đòi hỏi phải có các nền tảng và thể chế nhà nước chấp nhận rủi ro khi đầu tư vào các phương thức mới chưa được kiểm chứng.
- *Đổi mới vì lợi ích của xã hội.* Sáng tạo và đổi mới có thể thúc đẩy nhiều mục tiêu. Các chính sách hướng đổi mới tới lợi ích xã hội cao hơn, trong đó có hoạt động tình nguyện, có thể thúc đẩy phát triển con người.

Hoạt động tình nguyện có thể được khuyến khích thông qua các chính sách giảm thuế, trợ cấp và hỗ trợ của nhà nước cho các

tổ chức tình nguyện. Hỗ trợ của nhà nước để tạo ra và duy trì không gian cho hoạt động tình nguyện có thể mang lại lợi ích xã hội đặc biệt trong những tình huống khẩn cấp như xung đột và thiên tai.

Trong và sau các tình huống xung đột cần tập trung vào những việc làm đem lại hiệu quả cao, có thể trao quyền cho con người, xây dựng cơ sở, đem lại cho con người tiếng nói, địa vị xã hội, gia tăng mức độ tôn trọng, liên kết, lòng tin và mức độ sẵn sàng tham gia của người dân vào xã hội dân sự. Một số lựa chọn chính sách bao gồm:

- *Hỗ trợ việc làm trong hệ thống y tế.* Tại nhiều quốc gia chịu ảnh hưởng của xung đột, hệ thống y tế bị phá hủy, và việc hỗ trợ các dịch vụ y tế khẩn cấp là rất quan trọng đối với người lao động và người bị thương tật.
- *Thiết kế và triển khai các dịch vụ xã hội cơ bản.* Điều này mang lại cả lợi ích xã hội và chính trị. Các cộng đồng, tổ chức phi chính phủ và liên minh hợp tác công tư sẽ là các những hạt nhân chính.
- *Đề xuất các chương trình việc làm công cộng.* Ngay cả đối với các công việc tạm thời mang tính khẩn cấp, tiền mặt và những hỗ trợ tương tự có thể tạo điều kiện sống cần thiết và đóng góp cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng vật chất và xã hội quan trọng.
- *Xây dựng và thực hiện các chương trình cộng đồng mục tiêu.* Các chương trình này có thể mang lại nhiều lợi ích trong đó có sự bền vững. Hoạt động kinh tế có thể được khởi động bằng cách tái kết nối con người, tái xây dựng mạng lưới và khôi phục lại kết cấu xã hội.

Vượt ra ngoài các lựa chọn chính sách, chúng ta cần một chương trình hành động bao quát hơn

- *Xây dựng một Khế ước xã hội mới.* Trong thế giới việc làm mới, người lao động ít gắn bó dài hạn với một chủ sử dụng lao động hoặc tham gia vào tổ chức công đoàn hơn trước đây. Thế giới việc làm hiện nay không phù hợp với các hình thức bảo trợ truyền thống. Vậy xã hội làm cách nào huy động nguồn vốn để đáp ứng nhu cầu của bộ phận dân số không có việc làm thường xuyên đang ngày càng gia tăng, tiếp cận những lao động trong khu vực không chính thức, thu nhận những người mới tham gia vào thị trường lao động (đặc biệt là người nhập cư), cũng như trợ giúp những người không có khả năng lao động? Nhu cầu về một Khế ước xã hội mới trong những hoàn cảnh nói trên đòi hỏi các cuộc đối thoại trên quy mô lớn hơn nhiều so với thực tế diễn ra trong thế kỷ 20. Đan Mạch đang tiến những bước dài trong việc đảm bảo việc làm ổn định cùng với việc đào tạo lại và nâng cao tay nghề

HỘP 4

Ổn định linh hoạt ở Đan Mạch

Thị trường lao động Đan Mạch có tính “ổn định linh hoạt” rất cao: đó là sự tồn tại song song của tính linh hoạt thể hiện ở chi phí điều chỉnh thấp cho cả người lao động và người sử dụng lao động, và tính ổn định, một sản phẩm của mạng lưới an sinh xã hội rất phát triển tại Đan Mạch, đảm bảo tỷ lệ có việc làm và tỷ lệ thay thế cao.

Mục đích chính của cơ chế ổn định linh hoạt là thúc đẩy việc làm bền vững thay vì đảm bảo công việc ổn định, tức là các chính sách bảo trợ tập trung vào người lao động hơn là việc làm của họ. Theo đó, người sử dụng lao động sẽ được hưởng lợi từ lực lượng lao động linh hoạt, trong khi người lao động được hưởng một mạng lưới an sinh xã hội vững chắc áp dụng cùng với các chính sách thị trường lao động năng động.

Nguồn: Ngân hàng Thế giới 2015b.

trong bối cảnh thị trường việc làm ngày càng linh hoạt (Hộp 4).

- *Theo đuổi một Thỏa thuận toàn cầu.* Trong kỷ nguyên sản xuất toàn cầu, các chính sách quốc gia và khế ước xã hội sẽ không nằm ngoài khuôn khổ các cam kết toàn cầu. Thêm vào đó, toàn cầu hóa thực sự dựa trên cơ sở chia sẻ — chúng ta cần chia sẻ trách nhiệm vì một “cuộc sống làm việc mang tính toàn cầu”.

Một Thỏa thuận toàn cầu đòi hỏi sự tham gia của tất cả các bên, đó là người lao động, doanh nghiệp và chính phủ—trên toàn thế giới, tôn trọng quyền lợi thực tế của người lao động và sẵn sàng đàm phán các thỏa thuận ở mọi cấp độ. Không cần thành lập các thể chế mới mà chỉ đơn thuần là định hướng lại nội dung nghị sự của các diễn đàn quốc tế lớn.

Một Thỏa thuận toàn cầu sẽ dẫn dắt các chính phủ trong việc thực thi những chính sách đáp ứng nhu cầu công dân. Nếu không có những thỏa thuận toàn cầu, các chính sách quốc gia có thể đáp ứng được nhu cầu trong nước nhưng lại không tính đến các yếu tố bên ngoài. Điều này chỉ ra sự liên kết quốc gia – quốc tế là rất cần thiết. Các công ước quốc tế như Công ước của Tổ chức Lao động quốc tế về việc làm bền vững cho lao động giúp việc gia đình có hiệu lực vào tháng 9 năm 2013 là một thỏa thuận nền móng thiết lập nên tiêu chuẩn toàn cầu về quyền lợi của người lao động giúp việc gia đình trên khắp thế giới. Thỏa thuận này đưa ra các nguyên tắc hướng dẫn nhưng đồng thời cho phép các chính phủ thực thi chính sách quốc gia phù hợp với bối cảnh của từng nước để đạt được các cam kết. Những chương trình hành động toàn cầu đã truyền cảm hứng để các chính sách quốc gia tạo ra thay đổi thực sự trong những cộng đồng địa phương.

- *Thực thi Chương trình nghị sự về việc làm bền vững.* Chương trình nghị sự về việc làm bền vững có 4 trụ cột chính (Hộp 5). Chương trình nghị sự và khung về phát triển con người bổ trợ lẫn nhau. Việc làm bền vững sẽ thúc đẩy phát triển con người thông qua từng trụ cột. Phát triển doanh

Thực thi Chương trình nghị sự về việc làm bền vững hỗ trợ việc làm thúc đẩy tăng trưởng con người

HỘP 5

Bốn trụ cột của Chương trình nghị sự về việc làm bền vững

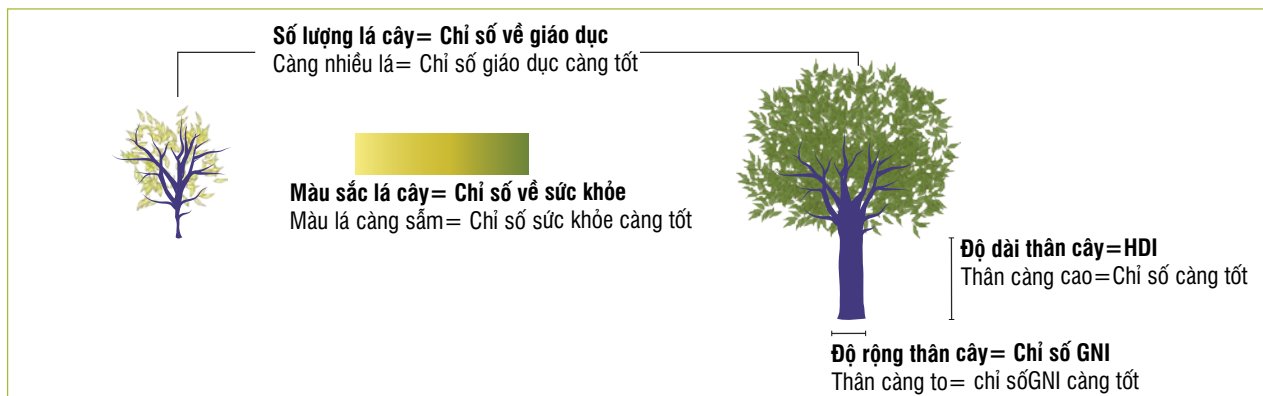
- Tạo việc làm và phát triển doanh nghiệp. Cần phải thừa nhận rằng việc làm là con đường chủ yếu để thoát nghèo và nền kinh tế cần tạo ra cơ hội đầu tư, kinh doanh, kiến tạo việc làm và sinh kế bền vững.
- Các tiêu chuẩn và quyền lợi nơi làm việc. Con người cần có cơ hội tham gia, đề xuất quan điểm để thực thi các quyền của mình và được xã hội tôn trọng. Tổ chức Lao động quốc tế đóng vai trò chủ chốt trong quá trình thực thi và đánh giá tiến độ.
- Bảo trợ xã hội. Các cơ chế bảo trợ xã hội cơ bản, như chăm sóc sức khỏe, bảo trợ lương hưu, là nền tảng để con người tham gia có hiệu quả vào đời sống xã hội và hoạt động của nền kinh tế.
- Quản trị công và đối thoại xã hội. Các cuộc đối thoại xã hội giữa chính phủ, người lao động và người sử dụng lao động có thể giải quyết các vấn đề kinh tế và xã hội quan trọng, thúc đẩy quản trị hiệu quả, thiết lập các mối quan hệ lao động lành mạnh, và đẩy mạnh phát triển kinh tế xã hội.

Nguồn: ILO 2008b.

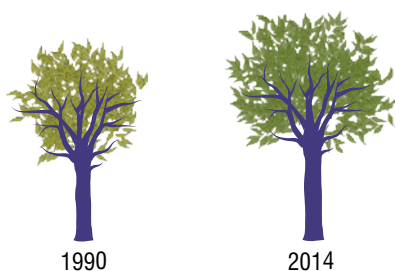
nghiệp và tạo việc làm sẽ mang lại cho con người thu nhập và nguồn sinh kế, đây là các yếu tố quan trọng tạo ra bình đẳng và là phương tiện để con người tham gia vào đời sống xã hội, đem lại lòng tự tôn và phẩm giá cho con người. Quyền của người lao động hỗ trợ phát triển con người thông qua việc đảm bảo quyền con người, sự tự do và các tiêu chuẩn lao động. Bảo trợ xã hội đóng góp vào phát triển con người thông qua việc duy trì các mạng lưới an toàn, bảo vệ con người khỏi những rủi ro và bất ổn, và cung cấp các dịch vụ chăm sóc. Đối thoại xã hội hỗ trợ phát triển con người thông qua quá trình tham gia rộng rãi vào hoạt động xã hội, trao quyền cho con người và gắn kết xã hội.

Ngược lại, phát triển con người cũng tác động trở lại bốn trụ cột này. Mở rộng năng lực thông qua phát triển con người sẽ cải thiện cơ hội việc làm và cơ hội kinh doanh. Khả năng tham gia trong phát triển con người cũng góp phần làm phong phú thêm các cuộc đối thoại xã hội. Phát triển con người cũng nhấn mạnh việc đề cao quyền con người, theo đó tăng cường quyền lợi của người lao động và thúc đẩy an ninh con người. Trên cơ sở tất cả các tác động qua lại này, việc thực thi Chương trình nghị sự về việc làm bền vững sẽ góp phần thúc đẩy phát triển con người.⁷⁸

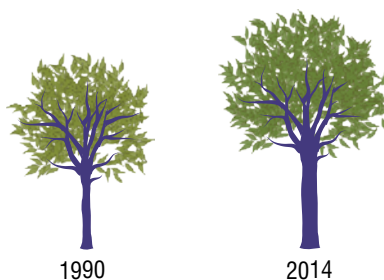
Đồ họa: Cây chỉ số phát triển con người (HDI)



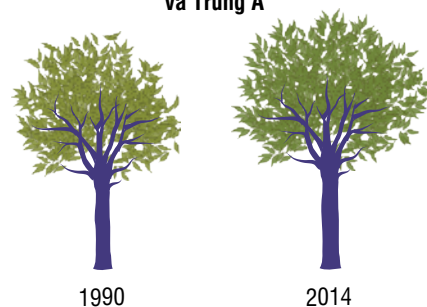
Các quốc gia Ả rập



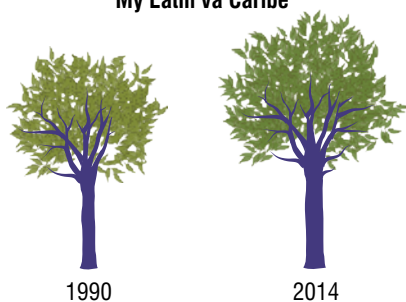
Đông Á và
Thái Bình Dương



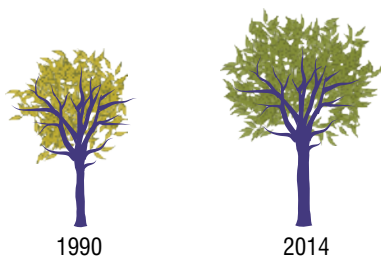
Châu Âu
và Trung Á



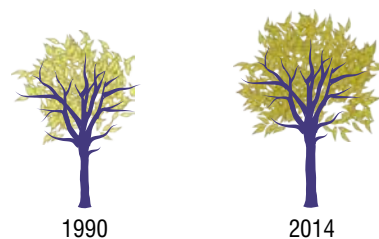
Mỹ Latin và Caribe



Nam Á



Châu Phi cận Sahara



Chú thích: Đồ họa được lấy ý tưởng từ tác phẩm của JurjenVerhagen, người chiến thắng tại cuộc thi trực quan hóa Cartagena Data Fest 2015.

Các chỉ số phát triển con người

Thứ hạng HDI	Chỉ số phát triển con người		HDI điều chỉnh theo bất bình đẳng		Chỉ số phát triển giới		Chỉ số phát triển giới		Chỉ số nghèo đa chiều ^a	
	Giá trị	Giá trị	Chênh lệch chung (%)	Thay đổi về thứ hạng HDI ^b	Giá trị	Nhóm ^c	Giá trị	Thứ hạng	Chỉ dẫn kỹ thuật của HDRO ^d	Năm và khảo sát ^e
	2014	2014	2014	2014	2014	2014	2014	2014	Value	2005–2014
PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI RẤT CAO										
1 Na Uy	0,944	0,893	5,4	0	0,996	1	0,067	9
2 Australia	0,935	0,858	8,2	-2	0,976	1	0,110	19
3 Thụy Sĩ	0,930	0,861	7,4	0	0,950	2	0,028	2
4 Đan Mạch	0,923	0,856	7,3	-1	0,977	1	0,048	4
5 Hà Lan	0,922	0,861	6,6	3	0,947	3	0,062	7
6 Đức	0,916	0,853	6,9	0	0,963	2	0,041	3
6 Ireland	0,916	0,836	8,6	-3	0,973	2	0,113	21
8 Hoa Kỳ	0,915	0,760	17,0	-20	0,995	1	0,280	55
9 Canada	0,913	0,832	8,8	-2	0,982	1	0,129	25
9 New Zealand	0,913	0,961	2	0,157	32
11 Singapore	0,912	0,985	1	0,088	13
12 HongKong, Trung Quốc(SAR)	0,910	0,958	2
13 Liechtenstein	0,908
14 Thụy Điển	0,907	0,846	6,7	3	0,999	1	0,055	6
14 Vương quốc Anh	0,907	0,829	8,6	-2	0,965	2	0,177	39
16 Iceland	0,899	0,846	5,9	4	0,975	1	0,087	12
17 Hàn Quốc	0,898	0,751	16,4	-19	0,930	3	0,125	23
18 Israel	0,894	0,775	13,4	-9	0,971	2	0,101	18
19 Luxembourg	0,892	0,822	7,9	0	0,971	2	0,100	17
20 Nhật Bản	0,891	0,780	12,4	-5	0,961	2	0,133	26
21 Vương quốc Bỉ	0,890	0,820	7,9	1	0,975	1	0,063	8
22 Pháp	0,888	0,811	8,7	0	0,987	1	0,088	13
23 Áo	0,885	0,816	7,8	2	0,943	3	0,053	5
24 Phần lan	0,883	0,834	5,5	10	0,996	1	0,075	11
25 Slovenia	0,880	0,829	5,9	8	0,996	1	0,016	1
26 Tây Ba Nha	0,876	0,775	11,5	0	0,975	1	0,095	16
27 Ý	0,873	0,773	11,5	-1	0,964	2	0,068	10
28 Cộng hòa Séc	0,870	0,823	5,4	10	0,980	1	0,091	15
29 Hi Lạp	0,865	0,758	12,4	-5	0,961	2	0,146	29
30 Estonia	0,861	0,782	9,2	6	1,030	2	0,164	33
31 Brunei Darussalam	0,856	0,977	1
32 Cộng hòa Sip	0,850	0,758	10,7	-2	0,971	2	0,124	22
32 Qatar	0,850	0,998	1	0,524	116
34 Andorra	0,845
35 Slovakia	0,844	0,791	6,2	9	0,999	1	0,164	33
36 Ba Lan	0,843	0,760	9,8	2	1,007	1	0,138	28
37 Lithuania	0,839	0,754	10,1	-1	1,030	2	0,125	23
37 Malta	0,839	0,767	8,5	4	0,937	3	0,227	46
39 Saudi Arabia	0,837	0,901	4	0,284	56
40 Argentina	0,836	0,711	15,0	-8	0,982	1	0,376	75	0,015 ^f	2005 N
41 Các tiểu vương quốc Ả rập thống nhất	0,835	0,954	2	0,232	47
42 Chile	0,832	0,672	19,3	-13	0,967	2	0,338	65
43 Bồ đào Nha	0,830	0,744	10,4	1	0,985	1	0,111	20
44 Hungary	0,828	0,769	7,2	10	0,976	1	0,209	42
45 Bahrain	0,824	0,940	3	0,265	51
46 Latvia	0,819	0,730	10,8	0	1,029	2	0,167	36
47 Croatia	0,818	0,743	9,1	3	0,987	1	0,149	30
48 Kuwait	0,816	0,972	2	0,387	79
49 Montenegro	0,802	0,728	9,2	1	0,954	2	0,171	37	0,002	2013 M
PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI CAO										
50 Belarus	0,798	0,741	7,1	4	1,021	1	0,151	31	0,001	2005 M
50 Liên bang Nga	0,798	0,714	10,5	1	1,019	1	0,276	54
52 Oman	0,793	0,909	4	0,275	53
52 Romania	0,793	0,711	10,3	2	0,989	1	0,333	64
52 Uruguay	0,793	0,678	14,5	-4	1,018	1	0,313	61
55 Bahamas	0,790	0,298	58
56 Kazakhstan	0,788	0,694	11,9	1	1,002	1	0,267	52	0,004	2010/2011 M
57 Barbados	0,785	1,018	1	0,357	69	0,004 ^g	2012 M

Thứ hạng HDI	Chỉ số phát triển con người		HDI điều chỉnh theo bất bình đẳng		Chỉ số phát triển giới		Chỉ số phát triển giới		Chỉ số nghèo đa chiều ^a	
	Giá trị	Giá trị	Chênh lệch chung (%)	Thay đổi về thứ hạng HDI ^b	Giá trị	Nhóm ^c	Giá trị	Thứ hạng	Chỉ dẫn kỹ thuật của HDRO ^e	Năm và khảo sát ^f
	2014	2014	2014	2014	2014	2014	2014	2014	Value	2005–2014
58 AntiguaandBarbuda	0,783
59 Bulgaria	0,782	0,699	10,5	3	0,991	1	0,212	44
60 Palau	0,780
60 Panama	0,780	0,604	22,5	-20	0,996	1	0,454	96
62 Malaysia	0,779	0,947	3	0,209	42
63 Mauritius	0,777	0,666	14,2	2	0,950	2	0,419	88
64 Seychelles	0,772
64 TrinidadandTobago	0,772	0,654	15,2	-3	0,985	1	0,371	73	0,007 ^h	2006 M
66 Serbia	0,771	0,693	10,1	5	0,966	2	0,176	38	0,002	2014 M
67 Cuba	0,769 ⁱ	0,954	2	0,356	68
67 Lebanon	0,769	0,609	20,8	-15	0,899	5	0,385	78
69 Costa Rica	0,766	0,613	19,9	-11	0,974	2	0,349	66
69 Cộng hòa Hồi giáo Iran	0,766	0,509	33,6	-1	0,858	5	0,515	114
71 Cộng hòa Boliviar Venezuela	0,762	0,612	19,7	-11	1,030	2	0,476	103
72 Thổ Nhĩ Kỳ	0,761	0,641	15,8	0	0,902	4	0,359	71
73 SriLanka	0,757	0,669	11,6	7	0,948	3	0,370	72
74 Mexico	0,756	0,587	22,4	-12	0,943	3	0,373	74	0,024	2012 N
75 Brazil	0,755	0,557	26,3	-20	0,997	1	0,457	97	0,011 ^{h,j}	2013 N
76 Georgia	0,754	0,652	13,6	5	0,962	2	0,382	77	0,008	2005 M
77 SaintKittsandNevis	0,752
78 Azerbaijan	0,751	0,652	13,2	7	0,942	3	0,303	59	0,009	2006 D
79 Grenada	0,750
80 Jordan	0,748	0,625	16,5	2	0,860	5	0,473	102	0,004	2012 D
81 Cựu cộng hòa Nam Tư Macedonia	0,747	0,622	16,7	2	0,949	3	0,164	33	0,007 ^g	2011 M
81 Ukraine	0,747	0,689	7,8	16	1,003	1	0,286	57	0,001 ^h	2012 M
83 Algeria	0,736	0,837	5	0,413	85
84 Peru	0,734	0,563	23,4	-10	0,947	3	0,406	82	0,043	2012 D
85 Albania	0,733	0,634	13,5	8	0,948	3	0,217	45	0,005	2008/2009 D
85 Armenia	0,733	0,658	10,2	14	1,008	1	0,318	62	0,002	2010 D
85 BosniaandHerzegovina	0,733	0,635	13,3	9	0,201	41	0,006 ^g	2011/2012 M
88 Ecuador	0,732	0,570	22,1	-4	0,980	1	0,407	83	0,015	2013/2014 N
89 SaintLucia	0,729	0,613	15,9	5	0,991	1	0,003	2012 M
90 Trung Quốc	0,727	0,943	3	0,191	40	0,023 ⁱ	2012 N
90 Fiji	0,727	0,616	15,3	8	0,941	3	0,418	87
90 Mongolia	0,727	0,633	12,9	12	1,028	2	0,325	63	0,047	2010 M
93 Thái Lan	0,726	0,576	20,6	1	1,000	1	0,380	76	0,004	2005/2006 M
94 Dominica	0,724
94 Libya	0,724	0,950	2	0,134	27	0,005	2007 N
96 Tunisia	0,721	0,562	22,0	-2	0,894	5	0,240	48	0,006	2011/2012 M
97 Colombia	0,720	0,542	24,7	-10	0,997	1	0,429	92	0,032	2010 D
97 SaintVincentandtheGrenadines	0,720
99 Jamaica	0,719	0,593	17,5	7	0,995	1	0,430	93	0,014 ^{g,j}	2010 N
100 Tonga	0,717	0,967	2	0,666	148
101 Belize	0,715	0,553	22,6	-3	0,958	2	0,426	90	0,030	2011 M
101 Cộng hòa Dominican	0,715	0,546	23,6	-6	0,995	1	0,477	104	0,025	2013 D
103 Suriname	0,714	0,543	24,0	-5	0,975	1	0,463	100	0,033 ^g	2010 M
104 Maldives	0,706	0,531	24,9	-6	0,937	3	0,243	49	0,008	2009 D
105 Samoa	0,702	0,956	2	0,457	97
PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI TRUNG BÌNH										
106 Botswana	0,698	0,431	38,2	-23	0,982	1	0,480	106
107 Cộng hòaMoldova	0,693	0,618	10,8	20	1,003	1	0,248	50	0,004	2012 M
108 Hi Lạp	0,690	0,524	24,0	-5	0,868	5	0,573	131	0,016 ^k	2014 D
109 Turkmenistan	0,688
110 Gabon	0,684	0,519	24,0	-6	0,514	113	0,073	2012 D
110 Indonesia	0,684	0,559	18,2	6	0,927	3	0,494	110	0,024 ^h	2012 D
112 Paraguay	0,679	0,529	22,1	-1	0,956	2	0,472	101
113 Nhà nước Palestine	0,677	0,577	14,9	16	0,860	5	0,007	2010 M
114 Uzbekistan	0,675	0,569	15,8	14	0,945	3	0,013	2006 M
115 Philippines	0,668	0,547	18,1	7	0,977	1	0,420	89	0,033 ^{h,l}	2013 D

Thứ hạng HDI	Chỉ số phát triển con người		HDI điều chỉnh theo bất bình đẳng		Chỉ số phát triển giới		Chỉ số phát triển giới		Chỉ số nghèo đa chiều ^a	
	Giá trị	Giá trị	Chênh lệch chung (%)	Thay đổi về thứ hạng HDI ^b	Giá trị	Nhóm ^c	Giá trị	Thứ hạng	Chỉ dẫn kỹ thuật của HDRO ^d	Năm và khảo sát ^e
	2014	2014	2014	2014	2014	2014	2014	2014	Value	2005-2014
116 El Salvador	0,666	0,488	26,7	-6	0,965	2	0,427	91
116 Nam Phi	0,666	0,428	35,7	-15	0,948	3	0,407	83	0,041	2012 N
116 Việt Nam	0,666	0,549	17,5	9	0,308	60	0,026	2010/2011 M
119 Nhà nước đa dân tộc Bolivia	0,662	0,472	28,7	-5	0,931	3	0,444	94	0,097	2008D
120 Kyrgyzstan	0,655	0,560	14,5	17	0,961	2	0,353	67	0,006	2012D
121 Iraq	0,654	0,512	21,8	2	0,787	5	0,539	123	0,052	2011 M
122 Cabo Verde	0,646	0,519	19,7	5
123 Liên bang Micronesia	0,640
124 Guyana	0,636	0,520	18,3	8	0,984	1	0,515	114	0,031	2009D
125 Nicaragua	0,631	0,480	24,0	1	0,960	2	0,449	95	0,088	2011/2012 D
126 Morocco	0,628	0,441	29,7	-2	0,828	5	0,525	117	0,069	2011 N
126 Namibia	0,628	0,354	43,6	-25	0,981	1	0,401	81	0,205	2013D
128 Guatemala	0,627	0,443	29,4	1	0,949	3	0,533	119
129 Tajikistan	0,624	0,515	17,5	10	0,926	3	0,357	69	0,031	2012D
130 Ấn Độ	0,609	0,435	28,6	1	0,795	5	0,563	130	0,282	2005/2006 D
131 Honduras	0,606	0,412	32,1	-7	0,944	3	0,480	106	0,098m	2011/2012 D
132 Bhutan	0,605	0,425	29,8	-2	0,897	5	0,457	97	0,128	2010 M
133 Timor-Leste	0,595	0,412	30,7	-4	0,868	5	0,322	2009/2010 D
134 Cộng hòa Ả rập Syria	0,594	0,468	21,2	8	0,834	5	0,533	119	0,028	2009 N
134 Vanuatu	0,594	0,492	17,2	12	0,903	4	0,135	2007 M
136 Congo	0,591	0,434	26,6	6	0,922	4	0,593	137	0,192	2011/2012 D
137 Kiribati	0,590	0,405	31,5	-2
138 Guinea xích đạo	0,587
139 Zambia	0,586	0,384	34,4	-6	0,917	4	0,587	132	0,264	2013/2014 D
140 Ghana	0,579	0,387	33,1	-3	0,885	5	0,554	127	0,144	2011 M
141 Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào	0,575	0,428	25,6	7	0,896	5	0,186	2011/2012 M
142 Bangladesh	0,570	0,403	29,4	1	0,917	4	0,503	111	0,237	2011D
143 Cam-pu-chia	0,555	0,418	24,7	7	0,890	5	0,477	104	0,211	2010D
143 SaoTomeandPrincipe	0,555	0,418	24,7	6	0,891	5	0,217	2008/2009 D
PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI THẤP										
145 Kenya	0,548	0,377	31,3	-3	0,913	4	0,552	126	0,226	2008/2009 D
145 Nepal	0,548	0,401	26,8	3	0,908	4	0,489	108	0,197	2011D
147 Pakistan	0,538	0,377	29,9	0	0,726	5	0,536	121	0,237	2012/2013 D
148 Myanmar	0,536	0,413	85
149 Angola	0,532	0,335	37,0	-8
150 Swaziland	0,531	0,354	33,3	-2	0,879	5	0,557	128	0,113	2010 M
151 Cộng hòa thống nhất Tanzania	0,521	0,379	27,3	4	0,938	3	0,547	125	0,335	2010D
152 Nigeria	0,514	0,320	37,8	-9	0,841	5	0,279	2013D
153 Cameroon	0,512	0,344	32,8	-1	0,879	5	0,587	132	0,260	2011D
154 Madagascar	0,510	0,372	27,0	4	0,945	3	0,420	2008/2009 D
155 Zimbabwe	0,509	0,371	27,0	4	0,922	4	0,504	112	0,128	2014 M
156 Mauritania	0,506	0,337	33,4	1	0,816	5	0,610	139	0,291	2011 M
156 Quần đảo Solomon	0,506	0,385	23,8	11
158 Papua NewGuinea	0,505	0,611	140
159 Comoros	0,503	0,268	46,7	-18	0,813	5	0,165	2012 D/M
160 Yemen	0,498	0,329	34,0	0	0,739	5	0,744	155	0,200	2013D
161 Lesotho	0,497	0,320	35,6	-2	0,953	2	0,541	124	0,227	2009D
162 Togo	0,484	0,322	33,4	1	0,831	5	0,588	134	0,242	2013/2014 D
163 Haiti	0,483	0,296	38,8	-7	0,603	138	0,242	2012D
163 Rwanda	0,483	0,330	31,6	4	0,957	2	0,400	80	0,352	2010D
163 Uganda	0,483	0,337	30,2	6	0,886	5	0,538	122	0,359	2011D
166 Benin	0,480	0,300	37,4	-2	0,823	5	0,614	142	0,343	2011/2012 D
167 Sudan	0,479	0,830	5	0,591	135	0,290	2010 M
168 Djibouti	0,470	0,308	34,6	1	0,127	2006 M
169 Nam Sudan	0,467	0,551	2010 M
170 Senegal	0,466	0,305	34,4	1	0,883	5	0,528	118	0,278	2014D
171 Afghanistan	0,465	0,319	31,4	5	0,600	5	0,693	152	0,293h	2010/2011 M
172 Côte d'Ivoire	0,462	0,287	38,0	-1	0,810	5	0,679	151	0,307	2011/2012 D
173 Malawi	0,445	0,299	32,9	2	0,907	4	0,611	140	0,332	2010 D
174 Ethiopia	0,442	0,312	29,4	7	0,840	5	0,558	129	0,537	2011D
175 Gambia	0,441	0,889	5	0,622	143	0,289	2013D
176 Cộng hòa dân chủ Congo	0,433	0,276	36,2	0	0,833	5	0,673	149	0,369	2013/2014 D
177 Liberia	0,430	0,280	34,8	2	0,789	5	0,651	146	0,356	2013 D
178 Guinea-Bissau	0,420	0,254	39,6	-5	0,495	2006 M

	Chỉ số phát triển con người		HDI điều chỉnh theo bất bình đẳng		Chỉ số phát triển giới		Chỉ số phát triển giới		Chỉ số nghèo đa chiều ^a	
	Giá trị	Giá trị	Chênh lệch chung (%)	Thay đổi về thứ hạng HDI ^b	Giá trị	Nhóm ^c	Giá trị	Thứ hạng	Chỉ dẫn kỹ thuật của HDRO ^d	Năm và khảo sát ^e
Thứ hạng HDI	2014	2014	2014	2014	2014	2014	2014	2014	Value	2005–2014
179 Mali	0,419	0,270	35,7	1	0,776	5	0,677	150	0,456	2012/2013 D
180 Mozambique	0,416	0,273	34,3	3	0,881	5	0,591	135	0,390	2011 D
181 Sierra Leone	0,413	0,241	41,7	-4	0,814	5	0,650	145	0,411	2013 D
182 Guinea	0,411	0,261	36,5	0	0,778	5	0,425	2012 D/M
183 BurkinaFaso	0,402	0,261	35,0	2	0,881	5	0,631	144	0,508	2010 D
184 Burundi	0,400	0,269	32,6	5	0,911	4	0,492	109	0,442	2010 D
185 Chad	0,392	0,236	39,9	-1	0,768	5	0,706	153	0,545	2010 M
186 Eritrea	0,391
187 Cộng hòa Trung Phi	0,350	0,198	43,5	-1	0,773	5	0,655	147	0,424	2010 M
188 Niger	0,348	0,246	29,2	3	0,729	5	0,713	154	0,584	2012 D
CÁC QUỐC GIA VÀ VÙNG LÃNH THỔ KHÁC										
Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên
Quần đảo Marshall
Monaco
Nauru
SanMarino
Somalia	0,500	2006 M
Tuvalu
Các nhóm chỉ số phát triển con người										
Phát triển con người rất cao	0,896	0,788	12,1	—	0,978	—	0,199	—	—	—
Phát triển con người cao	0,744	0,600	19,4	—	0,954	—	0,310	—	—	—
Phát triển con người trung bình	0,630	0,468	25,8	—	0,861	—	0,506	—	—	—
Phát triển con người thấp	0,505	0,343	32,0	—	0,830	—	0,583	—	—	—
Các quốc gia đang phát triển	0,660	0,490	25,7	—	0,899	—	0,478	—	—	—
Khu vực										
Các quốc gia Ả rập	0,686	0,512	25,4	—	0,849	—	0,537	—	—	—
Đông Á và Thái Bình Dương	0,710	0,572	19,4	—	0,948	—	0,328	—	—	—
Châu Âu và Trung Á	0,748	0,651	13,0	—	0,945	—	0,300	—	—	—
Mỹ Latin và Caribe	0,748	0,570	23,7	—	0,976	—	0,415	—	—	—
Nam Á	0,607	0,433	28,7	—	0,801	—	0,536	—	—	—
Châu Phi cận Sahara	0,518	0,345	33,3	—	0,872	—	0,575	—	—	—
Các quốc gia kém phát triển nhất	0,502	0,347	30,9	—	0,866	—	0,566	—	—	—
Các đảo quốc nhỏ đang phát triển	0,660	0,493	25,3	—	..	—	0,474	—	—	—
Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD)	0,880	0,763	13,3	—	0,973	—	0,231	—	—	—
Thế giới	0,711	0,548	22,8	—	0,924	—	0,449	—	—	—

GHI CHÚ

- a Không phải tất cả các nước đều có đầy đủ các chỉ số, vì vậy cần thận trọng khi so sánh giữa các nước. Khi một chỉ số nào đó bị khuyết, các chỉ số có sẵn được điều chỉnh để đạt tổng 100%. Chi tiết tại Ghi chú kỹ thuật số 5 tại trang <http://hdr.undp.org>.
- b Chỉ số phát triển con người điều chỉnh theo bất bình đẳng được tính toán dựa trên số liệu các quốc gia.
- c Các quốc gia được chia thành năm nhóm dựa trên độ lệch tuyệt đối của giá trị chỉ số phát triển con người tính theo cân bằng giới.
- d Chỉ dẫn kỹ thuật của HDRO để cập tới các định nghĩa về tổn thất được điều chỉnh ở một vài chỉ số so với các quy định 2010. Chi tiết tại Kovacevic và Calderon (2014).
- e Dữ liệu từ Điều tra nhân khẩu và sức khỏe, M là số liệu từ Điều tra đánh giá các mục tiêu về trẻ em và phụ nữ và N là các số liệu từ Điều tra

quốc gia (xem danh sách các báo cáo điều tra quốc gia tại <http://hdr.undp.org>).

- f Để cập tới các khu vực thành thị.
- g Thiếu số liệu về tỉ lệ tử vong trẻ em.
- h Thiếu các số liệu về dinh dưỡng
- i Số liệu HDI 2013 công bố trong báo cáo Phát triển con người 2014 dựa trên số liệu thu nhập quốc dân trên đầu người dựa trên ngang giá sức mua theo đồng \$ năm 2011, được công bố trong tài liệu Ngân hàng thế giới 2014. Một số liệu thực tế hơn, dựa trên mô hình tính toán phát triển bởi HDRO và chứng nhận bởi Cục thống kê quốc gia Cuba là \$7,222. Do vậy giá trị HDI tương ứng năm 2013 là 0.759 và thứ hạng là 69.
- j Thiếu các số liệu về loại hình sản
- k Thiếu số liệu về các loại chất đốt cho việc nấu ăn.
- l Thiếu số liệu về tỉ lệ đến trường.
- m Thiếu số liệu về điện.

CÁC NGUỒN

Cột 1: Các tính toán của HDRO dựa trên các số liệu từ UNDESA (2015), Viện thống kê UNESCO (2015a), Phòng thống kê Liên hiệp quốc (2015), Ngân hàng thế giới (2015), Barro và Lee (2014) và Quy tắc quốc tế (2015)

Cột 2: Các tính toán của HDRO dựa trên các số liệu ở cột 1 và tình trạng bất bình đẳng về tuổi thọ, số năm học, thu nhập dự kiến hoặc các giả định khác được giải thích chi tiết trong Ghi chú kỹ thuật số 2 (có tại <http://hdr.undp.org>).

Cột 3: Các tính toán dựa trên số liệu tại Cột 1 và Cột 2.

Cột 4: Các tính toán dựa trên số liệu tại cột 2 và thứ tự chỉ số HDI được tính lại đối với các quốc gia mà chỉ số HDI được điều chỉnh dựa trên sự bất bình đẳng được tính toán.

Cột 5: Các tính toán của HDRO dựa trên các số liệu từ UNDESA (2015), Viện thống kê UNESCO (2015),

Barro và Lee (2014), Ngân hàng thế giới (2015a), ILO (2015a) và Quy tắc quốc tế (2015).

Cột 6: Số liệu tính toán dựa trên số liệu tại Cột 5.

Cột 7: Các tính toán của HDRO dựa trên các số liệu từ Nhóm ước tính tỉ lệ tử vong thai sản LHQ (2014), UNDESA (2013a), IPU (2015), Viện thống kê UNESCO (2015) và ILO (2015a).

Cột 8: Tính toán dựa trên số liệu cột 7.

Cột 9 và 10: Tính toán dựa trên các cuộc Điều tra về nhân khẩu học và sức khỏe của ICF (DHS), các cuộc Điều tra đa chỉ số theo cụm của Quy Nhị đồng LHQ (MCIS) và trong một số trường hợp dựa trên các cuộc điều tra hộ gia đình quốc gia theo phương pháp luận của DHS hoặc MICS

Chú thích

- 1 UN 2015a.
- 2 FAO 2014.
- 3 UNESCO 2014; WHO 2014; World Bank 2015c.
- 4 Pollin 2015.
- 5 Tính toán dựa trên GERA(2015).
- 6 ILO 2013.
- 7 Salamon, Sokolowski and Haddock 2011.
- 8 UN 2015a; Grant Thornton 2015.
- 9 UNDP 2012.
- 10 UNDP 2014.
- 11 UN 2015a; UNAIDS 2015.
- 12 UN 2015a.
- 13 UNESCO 2013; Viện thống kê UNESCO 2015.
- 14 UN 2015a.
- 15 Oxfam 2015.
- 16 Scheil-Adlung 2015.
- 17 WEF 2015.
- 18 UN 2015a.
- 19 IEP 2014.
- 20 WHO 2013.
- 21 WHO 2015.
- 22 Ngân hàng thế giới 2015a.
- 23 Ngân hàng thế giới 2002.
- 24 Miller 2014.
- 25 IADB 2012.
- 26 ILO 2009.
- 27 Ngân hàng thế giới 2011.
- 28 ILO 2014b.
- 29 UNODC 2012.
- 30 Euronews 2015.
- 31 Human Rights Watch 2014a, 2014b.
- 32 ILO 2015b.
- 33 Các tính toán của Văn phòng về báo cáo phát triển con người dựa trên các số liệu từ UNCTAD(2015) và Cisco (2015).
- 34 ITU 2015.
- 35 ITU 2013, 2015.
- 36 Lucevà những người khác 2014.
- 37 Viện toàn cầu McKinsey 2014.
- 38 USPTO 2015.
- 39 UN Volunteers 2014.
- 40 Bardhan, Jaffee and Kroll 2013.
- 41 UNCTAD 2014.
- 42 OECD 2007.
- 43 Lippoldt 2012.
- 44 ILO 2015c.
- 45 ILO 2015c.
- 46 OECD 2014.
- 47 Gabre-Madhin 2012.
- 48 Atta, Boutraa and Akhkha 2011.
- 49 Deloitte 2014.
- 50 ITU 2013.
- 51 Oxfam 2015.
- 52 Tính toán của Văn phòng về báo cáo phát triển con người dựa vào Charmes(2015).
- 53 UN 2015a.
- 54 UN 2015a.
- 55 Grant Thornton 2015.
- 56 IADB 2012.
- 57 Tài liệu thu thập của Văn phòng về báo cáo phát triển con người lấy từ Charmes (2015). Những số liệu này là trung bình của người trưởng thành tính bởi tỉ trọng dân số theo giới tính.
- 58 ILO 2013.
- 59 Budlender 2010.
- 60 ILO 2012.
- 61 Tính toán của Văn phòng về báo cáo phát triển con người dựa vào ILO (2014b) và UNWomen(2015).
- 62 ILO 2003.
- 63 FAO 2015.
- 64 Fuglie and Nin-Pratt 2012.
- 65 IRENA 2015. 10 nước có số lượng việc làm sử dụng năng lượng tái tạo nhiều nhất là: Trung Quốc, Brazil, Hoa Kỳ, Ấn Độ, Đức, Indonesia, Nhật Bản, Pháp, Bangladesh và Colombia.
- 66 ILO 2015a.
- 67 Banco Central de Ecuador 2012.
- 68 Epstein 2007.
- 69 Chen, Bonner and Carré 2015.
- 70 Jacobs 2015.
- 71 ILO 2014d.
- 72 Zepedavà những người khác 2013.
- 73 Bosch, Melguizo and Pages 2013; Uthoff 2015.
- 74 Montenegro and Patrinos 2014.
- 75 Blasi, Freeman and Krauss 2014.
- 76 Hazelhurst 2015.
- 77 Innovation for Poverty Action 2015.
- 78 ILO 2008a.
- 79 Kynge and Wheatley 2015.

Tài liệu tham khảo

- Atta, R., T. Boutraa, and A. Akhkh.** 2011. "Smart Irrigation System for Wheat in Saudi Arabia Using Wireless Sensors Network Technology." *International Journal of Water Resources and Arid Environments* 1(6): 478-82.
- Atkinson A.** 2015. *Inequality-What Can Be Done?* Cambridge, MA: Tập chí Đại học Harvard
- Banco Central de Ecuador.** 2012. "De la Definicion de la Política a la Practica: Hacendo Inclusion Financiera." www.afa-global.org/library/publications. Quito.
- Bardhan, A., D.M. Jaffee, and C.A. Kroll, eds.** 2013. *The Oxford Handbook of Offshoring and Global Employment*. Oxford, UK: Tập chí Đại học Oxford.
- Blasi, J., R. Freeman, and D. Krauss.** 2014. *Citizen's Share: Reducing Inequality in the 21st Century?* New Haven, CT: Tập chí Đại học Yale.
- Bosch, M., A. Melguizo, and C. Pages.** 2013. *Better Pensions, Better Jobs: Towards Universal Coverage in Latin America and the Caribbean*. Washington, DC: Inter-American Development Bank.
- Budlender, D.** 2010. "What Do Time Use Studies Tell Us about Unpaid Care Work?" In D. Budlender, ed., *Time Use Studies and Unpaid Care Work*. Geneva: United Nations Research Institute for Social Development.
- Charmes, J.** 2015. "Time Use across the World: Findings of a World Compilation of Time-Use Surveys." Working Paper. UNDP-HDRO, New York.
- Chen, M., C. Bonner, and F. Carré.** 2015. "Organizing Informal Workers: Benefits, Challenges and Successes." Background think piece for Human Development Report 2015. UNDP-HDRO, New York.
- Cisco.** 2015. "VNI Forecast Highlights." www.cisco.com/web/solutions/sp/vni/vni_forecast_highlights/index.html. Truy cập ngày 15 tháng 6 năm 2015.
- Deloitte.** 2014. "Value of Connectivity: Economic and Social Benefits of Expanding Internet Access." London. http://www2.deloitte.com/content/dam/Deloitte/ie/Documents/TechnologyMediaCommunications/2014_uk_tm_t_value_of_connectivity_deloitte_ireland.pdf. Truy cập ngày 10 tháng 7 năm 2015.
- Donay, C.** 2014. "The Positive Shock of the New." Briefing for Entrepreneur Summit 2014. Pictet Wealth Management, Geneva.
- Epstein, G.** 2007. "Central Banks as Agents of Employment Creation." ST/ESA/2007/DWP/38. Working Paper 38. United Nations Department of Economic and Social Affairs, New York.
- Euronews.** 2015. "Greek Island of Samos Feels Strain of Migrant Influx." 21 May. www.euronews.com/2015/05/21/greek-island-of-samos-feels-strain-of-migrant-influx/. Truy cập ngày 2 tháng 7 năm 2015.
- FAO (Food and Agriculture Organization).** 2014. *The State of Food and Agriculture 2014: Innovation in Family Farming*. Rome. www.fao.org/3/a-i4040e.pdf. Truy cập ngày 20 tháng 5 năm 2015.
- . 2015. FAOSTAT database. <http://faostat3.fao.org/home/E>. Truy cập ngày 10 tháng 6 năm 2015.
- Frey, C., and M. Osborne.** 2013. "The Future of Employment: How Susceptible Are Jobs to Computerisation?" Oxford Martin School, Oxford, UK.
- Fuglie, K., and A. Nin-Pratt.** 2012. "Agricultural Productivity: A Changing Global Harvest." In *International Food Policy Research Institute, Global Food Policy Report 2012*. Washington, DC. www.ifpri.org/publication/agricultural-productivity-changing-global-harvest. Truy cập ngày 3 tháng 6 năm 2015.
- Gabre-Madhin, E.** 2012. "A Market for Abdu: Creating a Commodity Exchange in Ethiopia." *International Food Policy Research Institute, Washington, DC*.
- GERA (Global Entrepreneurship Research Association).** 2015. *Global Entrepreneurship Monitor Database*. www.gemconsortium.org/data/sets. Truy cập ngày 15 tháng 6 năm 2015.
- Grant Thornton.** 2015. *Women in Business: The Path to Leadership*. Grant Thornton International Business Report 2015. London. www.grantthornton.be/Resources/IBR-2015-Women-in-Business.pdf. Truy cập ngày 15 tháng 6 năm 2015.
- Hazelhurst, J.** 2015. "The Search for Seed Capital." *FT Wealth: Entrepreneurs*, ngày 8 tháng 5, trang.40-41.
- Human Rights Watch.** 2014a. *Hidden Away: Abuses against Migrant Domestic Workers in the UK*. New York. www.hrw.org/node/124191. Truy cập ngày 6 tháng 8 năm 2015.
- . 2014b. "'I Already Bought You.' Abuse and Exploitation of Female Migrant Domestic Workers in the United Arab Emirates." www.hrw.org/report/2014/10/22/i-already-bought-you/abuse-and-exploitation-female-migrant-domestic-workers-united. Truy cập ngày 6 tháng 8 năm 2015.
- IADB (Inter-American Development Bank).** 2012. "La mujer latinoamericana y caribe-a: más educada pero peor pagada." Washington, DC. www.iadb.org/es/noticias/articulos/2012-10-15/diferencia-salarial-entre-hombres-y-mujeres,10155.html. Truy cập ngày 3 tháng 7 năm 2015.
- IEP (Institute for Economics and Peace).** 2014. *Global Terrorism Index 2014: Measuring and Understanding the Impact of Terrorism*. New York. www.visionofhumanity.org/sites/default/files/Global%20Terrorism%20Index%20Report%202014_0.pdf. Truy cập ngày 4 tháng 6 năm 2015.
- ILO (International Labour Organization).** 2003. "Up in Smoke: What Future for Tobacco Jobs?" 18 September. www.ilo.org/global/about-the-ilo/newsroom/features/WCMS_071230/lang--en/index.htm. Truy cập ngày 15 tháng 5 năm 2015.
- . 2008a. *Toolkit for Mainstreaming Employment and Decent Work*. Geneva. www.ilo.org/wcmsp5/groups/public/---dgreports/---exrel/documents/publication/wcms_172612.pdf. Truy cập ngày 15 tháng 6 năm 2015
- . 2008b. "ILO Declaration on Social Justice for a Fair Globalization." Geneva. www.ilo.org/wcmsp5/groups/public/---dgreports/---cabinet/documents/genericdocument/wcms_371208.pdf. Truy cập ngày 15 tháng 6 năm 2015
- . 2009. "Violence at Work in the European Union." Geneva. www.ilo.org/wcmsp5/groups/public/---ed_protect/---protrav/---safework/documents/publication/wcms_108536.pdf. Truy cập ngày 22 tháng 7 năm 2015.
- . 2012. *ILO Global Estimate of Forced Labour: Results and Methodology*. Geneva. www.ilo.org/wcmsp5/groups/public/---ed_norm/---declaration/documents/publication/wcms_182004.pdf. Truy cập ngày 4 tháng 6 năm 2015.
- . 2013. "Domestic Workers across the World: Global and Regional Statistics and the Extent of Legal Protection." Geneva. www.ilo.org/wcmsp5/groups/public/---dgreports/---dcomm/---publ/documents/publication/wcms_173363.pdf. Truy cập ngày 23 tháng 7 năm 2015.
- . 2014a. *Key Indicators of the Labor Market database*. www.ilo.org/empelm/what/WCMS_114240/lang--en/index.htm. Truy cập ngày 20 tháng 6 năm 2015.

- . 2014b. Profits and Poverty: The Economics of Forced Labour. Geneva. www.ilo.org/wcmsp5/groups/public/---ed_norm/---declaration/documents/publication/wcms_243391.pdf. Truy cập ngày 22 tháng 7 năm 2015.
- . 2014c. NORMLEX database. www.ilo.org/dyn/normlex/en/. Truy cập ngày 20 tháng 6 năm 2015
- . 2014d. World Social Protection Report 2014/15: Building Economic Recovery, Inclusive Development and Social Justice. Geneva.
- . 2015a. 1. What Is A National Employment Policy? National Employment Policies: A Guide for Workers' Organization. Geneva.
- . 2015b. "Mining: A Hazardous Work." www.ilo.org/safework/areasofwork/hazardous-work/WCMS_124598/lang--en/index.htm. Truy cập ngày 2 tháng 7 năm 2015.
- . 2015c. World Employment and Social Outlook: The Changing Nature of Jobs. Geneva. www.ilo.org/wcmsp5/groups/public/---dgreports/---dcomm/---publ/documents/publication/wcms_368626.pdf. Truy cập ngày 6 tháng 7 năm 2015.
- Innovation for Poverty Action. 2015.** "Northern Uganda Social Action Fund-Youth Opportunities Program." www.poverty-action.org/project/0189. Truy cập ngày 1 tháng 6 năm 2015.
- IRENA (International Renewable Energy Agency). 2015.** Renewable Energy and Jobs: Annual Review 2015. Abu Dhabi. www.irena.org/DocumentDownloads/Publications/IRENA_RE_Jobs_Annual_Review_2015.pdf. Truy cập ngày 27 tháng 5 năm 2015.
- ITU (International Telecommunication Union). 2013.** "ICT Facts and Figures: The World in 2013." Geneva.
- . 2015. "ICT Facts and Figures: The World in 2015." Geneva. www.itu.int/en/ITU-D/Statistics/Documents/facts/ICTFactsFigures2015.pdf. Truy cập ngày 15 tháng 6 năm 2015.
- Jacobs, E. 2015.** "Workers of the Gig Economy." Financial Times, 13 tháng 3.
- Kynge, James and Jonathan Wheatley 2015.** "Emerging markets: Redrawing the world map". The Financial Times, 3 tháng 8
- Lippoldt, D. (Ed.). 2012.** Policy Priorities for International Trade and Jobs. Paris: Organisation for Economic Co-operation and Development.
- Luce, S., J. Luff, J.A. McCartin, and R. Milkman, eds. 2014.** What Works for Workers? Public Policies and Innovative Strategies for Low-Wage Workers. New York: Russell Sage Foundation.
- McKinsey Global Institute. 2014.** "Global Flows in a Digital Age: How Trade, Finance, People, and Data Connect the World Economy." New York. www.mckinsey.com/insights/globalization/global_flows_in_a_digital_age. Truy cập ngày 18 tháng 6 năm 2015
- Miller, C.C. 2014.** "Pay Gap Is Because of Gender, Not Jobs." New York Times, 23 April. www.nytimes.com/2014/04/24/upshot/the-pay-gap-is-because-of-gender-not-jobs.html. Truy cập ngày 3 tháng 7 năm 2015
- Montenegro, C., and H. Patrinos. 2014.** "Comparable Estimates of Returns to Schooling around the World." Policy Research Working Paper 7020. World Bank, Washington, DC.
- OECD (Organisation for Economic Co-operation and Development). 2007.** Offshoring and Employment: Trends and Impacts. Paris.
- . 2014. OECD Employment Outlook 2014. Paris.
- Oxfam. 2015.** "Wealth: Having It All and Wanting More." Issue Briefing. Oxford, UK. www.oxfam.org/sites/www.oxfam.org/files/file_attachments/ib-wealth-having-all-wanting-more-190115-en.pdf. Truy cập ngày 10 tháng 7 năm 2015.
- Pollin, R. 2015.** Greening the Global Economy. Cambridge, MA: MIT Press.
- Salamon, L.M., S.W. Sokolowski, and M.A. Haddock. 2011.** "Measuring the Economic Value of Volunteer Work Globally: Concepts, Estimates and a Roadmap to the Future." Annals of Public and Cooperative 82(3): 217-52. <http://ccss.jhu.edu/wp-content/uploads/downloads/2011/10/Annals-Septmeber-2011.pdf>. Truy cập ngày 1 tháng 7 năm 2015.
- Scheil-Adlung, X. 2015.** "Long-term Care Protection for Older Persons: A Review of Coverage Deficits in 46 Countries." ESS Working Paper 50. International Labour Organization, Geneva. www.ilo.org/wcmsp5/groups/public/---ed_protect/---soc_sec/documents/publication/wcms_407620.pdf. Truy cập ngày 8 tháng 10 năm 2015.
- UN (United Nations). 2015a.** The Millennium Development Goals Report 2015. New York. [www.un.org/millennium-goals/2015_MDG_Report/pdf/MDG%202015%20rev%20\(July%201\).pdf](http://www.un.org/millennium-goals/2015_MDG_Report/pdf/MDG%202015%20rev%20(July%201).pdf). Truy cập ngày 30 tháng 7 năm 2015.
- . 2015b. "Transforming Our World: The 2030 Agenda for Sustainable Development." New York.
- UN Volunteers. 2014.** "UNV Online Volunteering Service." www.onlinevolunteering.org/en/vol/about/index.html. Truy cập ngày 20 tháng 7 năm 2015.
- UN Women. 2015.** Progress of the World's Women 2015-2016: Transforming Economies, Realizing Rights. New York. http://progress.unwomen.org/en/2015/pdf/UNW_progressreport.pdf. Truy cập ngày 1 tháng 7 năm 2015.
- UNAIDS (Joint United Nations Programme on HIV and AIDS). 2015.** How AIDS Changed Everything-MDG6: 15 Years, 15 Lessons of Hope from the AIDS Response. Geneva. www.unaids.org/en/resources/documents/2015/MDG6_15years-15lessonsfromtheAIDSresponse. Truy cập ngày 28 tháng 5 năm 2015.
- UNCTAD (United Nations Conference on Trade and Development). 2014.** Services: New Frontier for Sustainable Development. Geneva.
- . 2015. UNCTADStat database. <http://unctadstat.unctad.org/wds/ReportFolders/reportFolders.aspx>. Truy cập ngày 2 tháng 6 năm 2015.
- UNDP (United Nations Development Programme). 2012.** Malaysia National Human Development Report 2012. Kuala Lumpur.
- . 2014. National Human Development Report 2014: Good Corporate Citizens: Public and Private Goals Aligned for Human Development. Chisinau. http://hdr.undp.org/sites/default/files/engleza_final.pdf. Truy cập ngày 21 tháng 7 năm 2015.
- UNESCO (United Nations Educational, Scientific and Cultural Organization). 2013.** "Literacy for All Remains an Elusive Goal, New UNESCO Data Shows." UNESCO Media Services, 5 September. www.unesco.org/new/en/media-services/single-view/news/literacy_for_all_remains_an_elusive_goal_new_unesco_data_shows/#.VawSjfiVikp. Truy cập ngày 20 tháng 5 năm 2015.
- . 2014. EFA Global Monitoring Report 2013/4: Teaching and Learning: Achieving Quality for All. Paris. http://unesco.nl/sites/default/files/dossier/gmr_2013-4.pdf. Truy cập ngày 17 tháng 6 năm 2015.
- UNESCO (United Nations Educational, Scientific and Cultural Organization) Institute for Statistics. 2015.** UIS.Stat. <http://data.uis.unesco.org>. Truy cập ngày 17 tháng 6 năm 2015.
- UNODC (United Nations Office on Drugs and Crime). 2012.** Global Report on Trafficking in Persons 2012. Vienna. www.unodc.org/documents/data-and-analysis/glotip/Trafficking_in_Persons_2012_web.pdf. Truy cập ngày 6 tháng 8 năm 2015.

- USPTO (United States Patent and Trademark Office). 2015.** Statistical database. www.uspto.gov/learning-and-resources/statistics. Truy cập ngày 6 tháng 9 năm 2015.
- Uthoff, A. 2015.** "Reforma al Sistema de Pensiones Chileno." Serie Financiamiento para el Desarrollo 240. http://repositorio.cepal.org/bitstream/handle/11362/5221/S1100849_es.pdf?sequence=1. Truy cập ngày 23 tháng 1 năm 2015.
- WEF (World Economic Forum). 2015.** Global Risks 2015, 10th Edition. Geneva. www.weforum.org/risks. Accessed [date].
- West, P., J. Gerber, P. Engstrom, N. Mueller, K. Brauman, K. Carlson, and others. 2014.** "Leverage Points for Improving Global Food Security and the Environment." *Science* 345: 325-28.
- WHO (World Health Organization). 2013.** Global and Regional Estimates of Violence against Women. Geneva. http://apps.who.int/iris/bitstream/10665/85239/1/9789241564625_eng.pdf. Truy cập ngày 4 tháng 6 năm 2015.
- . 2014. "Health Workforce 2030: Towards a Global Strategy on Human Resources for Health." Global Health Workforce Alliance Synthesis Paper of the Thematic Working Groups. Geneva. www.who.int/workforcealliance/media/news/2014/public_consultations_GHWA_Synthesis_Paper_Towards_GSHRH_21Jan15.pdf. Truy cập ngày 4 tháng 6 năm 2015.
- . 2015. "Noncommunicable Diseases." Fact sheet. www.who.int/mediacentre/factsheets/fs355/en/. Truy cập ngày 8 tháng 7 năm 2015.
- WHO (World Health Organization) and World Bank. 2011.** World Report on Disability. Geneva. www.who.int/disabilities/world_report/2011/report.pdf. Truy cập ngày 30 tháng 6 năm 2015.
- World Bank. 2002.** "Improving Livelihoods on Fragile Lands." In *World Development Report 2003: Sustainable Development in a Dynamic World: Transforming Institutions, Growth, and Quality of Life*. Washington, DC. http://elibrary.worldbank.org/doi/abs/10.1596/0821351508_Chapter4. Truy cập ngày 30 tháng 6 năm 2015.
- . 2011. *World Development Report 2011: Conflict, Security and Development*. Washington, DC. http://siteresources.worldbank.org/INTWDRS/Resources/WDR2011_Full_Text.pdf. Truy cập ngày 4 tháng 6 năm 2015.
- . 2015a. *Ending Poverty and Hunger by 2030: An Agenda for the Global Food System*. Washington, DC. http://www.wds.worldbank.org/external/default/WDSContentServer/WDSP/IB/2015/06/03/090224b082eed2bb/2_0/Rendered/PDF/EndingPoverty0e0global0food0system.pdf. Truy cập ngày 8 tháng 7 năm 2015.
- . 2015b. *Global Monitoring Report 2014/2015: Ending Poverty and Sharing Prosperity*. Washington, DC. www.worldbank.org/content/dam/Worldbank/gmr/gmr2014/GMR_2014_Full_Report.pdf. Truy cập ngày 15 tháng 6 năm 2015.
- . 2015c. World Development Indicators database. <http://data.worldbank.org/data-catalog/world-development-indicators>. Truy cập (ngày) tháng 6 năm 2015.
- Zepeda, E., S. McDonald, M. Panda, and G. Kumar. 2013.** *Employing India. Guaranteeing Jobs for the Rural Poor*. Washington, DC: Carnegie Endowment for International Peace.

Báo cáo phát triển con người toàn cầu: Báo cáo phát triển con người toàn cầu 2015 là bản mới nhất trong loạt Báo cáo phát triển con người phát hành bởi UNDP kể từ năm 1990 với tư cách là những phân tích độc lập dựa trên khảo chứng về các vấn đề, xu hướng và chính sách phát triển chủ đạo.

Độc giả có thể truy cập các thông tin liên quan đến Báo cáo phát triển con người 2015 tại địa chỉ hdr.undp.org, bao gồm toàn văn Báo cáo và các bản tóm tắt được dịch ra trên 20 thứ tiếng; các báo cáo đầu vào cho Báo cáo phát triển con người 2015; các bản đồ tương tác và cơ sở dữ liệu chỉ số phát triển con người của các quốc gia; chú thích các nguồn số liệu và phương pháp thống kê sử dụng trong tính toán các chỉ số phát triển con người; hồ sơ các quốc gia; và các tài liệu thông tin khác. Các báo cáo phát triển con người (HDR) những năm trước, bao gồm cả Báo cáo toàn cầu, khu vực, và quốc gia, cũng đều được đăng tải trên trang hdr.undp.org.

Báo cáo phát triển con người cấp khu vực: Trong hai thập kỷ qua, các báo cáo HDR riêng của từng khu vực cũng đã được xuất bản tại tất cả các khu vực chính của thế giới đang phát triển với sự hỗ trợ từ các văn phòng UNDP khu vực. Với những phân tích mang tính khơi gợi và nhiều khuyến nghị chính sách rõ ràng, các báo cáo HDR khu vực đã xem xét nhiều vấn đề trọng yếu như tăng cường năng lực chính trị ở các quốc gia Ả rập, an ninh lương thực tại Châu Phi, biến đổi khí hậu ở Châu Á, ứng xử với các dân tộc thiểu số ở Trung Âu, và những thách thức bất bình đẳng và an ninh cho người dân ở Mỹ Latin và Caribe.

Báo cáo phát triển con người cấp quốc gia: Kể từ Báo cáo phát triển con người cấp quốc gia lần đầu tiên năm 1992, các Báo cáo quốc gia đã được xây dựng và phát hành tại 140 quốc gia bởi các ban biên tập của các quốc gia đó thực hiện với sự hỗ trợ từ UNDP. Tính đến hiện tại, gần 700 báo cáo đã ra đời mang đến nhiều phân tích có giá trị về chính sách quốc gia từ góc độ phát triển con người, dựa trên tham vấn và nghiên cứu tại chỗ. Các báo cáo HDR quốc gia đã bao phủ nhiều vấn đề phát triển lớn, từ biến đổi khí hậu, việc làm cho thanh niên, tới bất bình đẳng giới và dân tộc.

Báo cáo phát triển con người các năm 1990-2015

1990	Khái niệm và thước đo phát triển con người
1991	Tài chính cho phát triển con người
1992	Các khía cạnh toàn cầu của phát triển con người
1993	Sự tham gia của người dân
1994	Các khía cạnh mới của anh sinh con người
1995	Giới và phát triển con người
1996	Tăng trưởng kinh tế và phát triển con người
1997	Phát triển con người để xóa đói giảm nghèo
1998	Tiêu dùng vì phát triển con người
1999	Toàn cầu hóa trên phương diện con người
2000	Nhân quyền và phát triển con người
2001	Phát huy hiệu quả của các công nghệ mới vì phát triển con người
2002	Tăng cường dân chủ trong một thế giới phân tách
2003	Các mục tiêu thiên niên kỷ: Thỏa ước giữa các quốc gia nhằm chấm dứt đói nghèo
2004	Tự do văn hóa trong thế giới đa dạng ngày nay
2005	Hợp tác quốc tế trước ngã ba đường: Viện trợ, thương mại và an ninh trong một thế giới không bình đẳng
2006	Hơn cả sự khan hiếm: Quyền lực, nghèo đói, và khủng hoảng nước sạch toàn cầu
2007/2008	Đấu tranh chống biến đổi khí hậu: Đoàn kết nhân loại trong một thế giới bị chia rẽ
2009	Vượt qua rào cản: Khả năng di chuyển và phát triển con người
2010	Tài sản thực sự của các quốc gia: Con đường đi đến phát triển con người
2011	Bền vững và công bằng: Tương lai tốt đẹp hơn cho tất cả mọi người
2013	Sự trôi dạt của các nước Nam bán cầu: Tiến bộ của con người trong một thế giới đa dạng
2014	Duy trì thành quả phát triển con người: Giảm thiểu nguy cơ tổn thương và tăng cường khả năng chống chịu, phục hồi
2015	Việc làm vì sự phát triển con người

Quốc gia và thứ hạng HDI, 2014

Afghanistan	171	Đức	6	Pakistan	147
Albania	85	Ghana	140	Palau	60
Algeria	83	Hi Lạp	29	Nhà nước Palestine	113
Andorra	34	Grenada	79	Panama	60
Angola	149	Guatemala	128	Papua New Guinea	158
Antigua and Barbuda	58	Guinea	182	Paraguay	112
Argentina	40	Guinea-Bissau	178	Peru	84
Armenia	85	Guyana	124	Philippines	115
Úc	2	Haiti	163	Ba Lan	36
Áo	23	Honduras	131	Bồ Đào Nha	43
Azerbaijan	78	Hong Kong, Trung Quốc (SAR)	12	Qatar	32
Bahamas	55	Hungary	44	Romania	52
Bahrain	45	Iceland	16	Liên Bang Nga	50
Bangladesh	142	Ấn Độ	130	Rwanda	163
Barbados	57	Indonesia	110	Saint Kitts and Nevis	77
Belarus	50	Cộng hòa Hồi giáo Iran	69	Saint Lucia	89
Belgium	21	Iraq	121	Saint Vincent and the Grenadines	97
Belize	101	Ireland	6	Samoa	105
Benin	166	Israel	18	Sao Tome and Principe	143
Bhutan	132	Ý	27	Saudi Arabia	39
Nhà nước đa dân tộc Bolivia	119	Jamaica	99	Senegal	170
Bosnia and Herzegovina	85	Nhật Bản	20	Serbia	66
Botswana	106	Jordan	80	Seychelles	64
Brazil	75	Kazakhstan	56	Sierra Leone	181
Brunei Darussalam	31	Kenya	145	Singapore	11
Bulgaria	59	Kiribati	137	Slovakia	35
Burkina Faso	183	Hàn Quốc	17	Slovenia	25
Burundi	184	Kuwait	48	Quần đảo Solomon	156
Cabo Verde	122	Kyrgyzstan	120	Nam Phi	116
Cambodia	143	Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	141	South Sudan	169
Cameroon	153	Latvia	46	Tây Ban Nha	26
Canada	9	Lebanon	67	Sri Lanka	73
Cộng hòa Trung Phi	187	Lesotho	161	Sudan	167
Chad	185	Liberia	177	Suriname	103
Chile	42	Libya	94	Swaziland	150
Trung Quốc	90	Liechtenstein	13	Sweden	14
Colombia	97	Lithuania	37	Thụy Sĩ	3
Comoros	159	Luxembourg	19	Cộng hòa Ả Rập Syria	134
Congo	136	Madagascar	154	Tajikistan	129
Cộng hòa Dân chủ Congo	176	Malawi	173	Cộng hòa Thống nhất Tanzania	151
Costa Rica	69	Malaysia	62	Thailand	93
Côte d'Ivoire	172	Maldives	104	Cựu cộng hòa Nam Tư Macedonia	81
Croatia	47	Mali	179	Timor-Leste	133
Cuba	67	Malta	37	Togo	162
Cyprus	32	Mauritania	156	Tonga	100
Cộng hòa Séc	28	Mauritius	63	Trinidad and Tobago	64
Đan Mạch	4	Mexico	74	Tunisia	96
Djibouti	168	Liên bang Micronesia	123	Thổ Nhĩ Kỳ	72
Dominica	94	Cộng Hòa Moldova	107	Turkmenistan	109
Dominican Republic	101	Mongolia	90	Uganda	163
Ecuador	88	Montenegro	49	Ukraine	81
Ai Cập	108	Morocco	126	Các tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất	41
El Salvador	116	Mozambique	180	Vương quốc Anh	14
Guinea Xích đạo	138	Myanmar	148	Hoa Kỳ	8
Eritrea	186	Namibia	126	Uruguay	52
Estonia	30	Nepal	145	Uzbekistan	114
Ethiopia	174	Hà Lan	5	Vanuatu	134
Fiji	90	New Zealand	9	Cộng hòa Bolivar Venezuela	71
Phần Lan	24	Nicaragua	125	Việt Nam	116
Pháp	22	Niger	188	Yemen	160
Gabon	110	Nigeria	152	Zambia	139
Gambia	175	Norway	1	Zimbabwe	155
Georgia	76	Oman	52		



Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc
One United Nations Plaza
New York, NY 10017
www.vn.undp.org

Phát triển con người chính là mở rộng những lựa chọn của con người - tập trung vào sự thịnh vượng của đời sống con người thay vì chỉ đơn giản là sự thịnh vượng của các nền kinh tế. Nhân tố có ý nghĩa quyết định đối với quá trình này chính là việc làm. Việc làm gắn kết sự tham gia của con người trên toàn thế giới dưới những hình thức khác nhau và chiếm một phần lớn trong đời sống của họ. Trong số 7,3 tỷ người trên trái đất, 3,2 tỷ người đang có việc làm có thu nhập, và những người khác tham gia vào hoạt động chăm sóc, hoạt động mang tính sáng tạo và tình nguyện hoặc đang chuẩn bị để trở thành người lao động trong tương lai.

Dưới góc độ phát triển con người, khái niệm việc làm rộng và sâu hơn khái niệm việc làm thuê có thu nhập hay nghề nghiệp nói riêng. Khuôn khổ việc làm thuê có thu nhập không bao trùm được nhiều loại hình công việc có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển con người - như công việc chăm sóc, tình nguyện và công việc mang tính sáng tạo như văn học hay hội họa.

Mối liên hệ giữa việc làm và phát triển con người mang tính tương hỗ. Việc làm thúc đẩy phát triển con người thông qua đem lại nguồn thu nhập và sinh kế, giảm nghèo, và đảm bảo tăng trưởng công bằng. Việc làm cũng cho phép con người tham gia đầy đủ vào đời sống xã hội đồng thời đem lại cho họ phẩm giá và lòng tự trọng. Ngoài ra công việc chăm sóc người khác giúp xây dựng liên kết xã hội và củng cố mối liên hệ trong phạm vi gia đình và cộng đồng.

Khi con người làm việc cùng nhau thì không chỉ làm gia tăng phúc lợi vật chất mà họ còn thu nhận được khối lượng tri thức rộng lớn làm cơ sở cho những nền văn hóa và văn minh. Và khi việc làm thân thiện với môi

trường thì những lợi ích mà nó đem lại sẽ trải dài qua nhiều thế hệ. Sau cùng, việc làm gợi mở tiềm năng, sức sáng tạo và tinh thần của con người.

Nhưng mối liên hệ giữa việc làm và phát triển con người không phải là mối liên hệ luôn mặc nhiên tích cực. Một số loại hình việc làm, như lao động cưỡng ép, có thể gây tổn hại đến sự phát triển con người do vi phạm các quyền con người, hủy hoại phẩm giá, và tước đoạt sự tự do và tự chủ của con người. Một số việc làm, chẳng hạn việc làm trong những ngành nghề độc hại nguy hiểm, cũng đặt con người trước nhiều rủi ro. Và nếu không có các chính sách phù hợp thì cơ hội việc làm và thu nhập không đồng đều có thể gây nên bất hòa, duy trì tình trạng bất bình đẳng trong xã hội.

Thế giới việc làm đang thay đổi nhanh chóng do xu thế toàn cầu hóa việc làm và cuộc cách mạng kỹ thuật số, đem lại nhiều cơ hội, nhưng đồng thời cũng đặt ra những rủi ro. Những lợi ích mà thế giới việc làm đang vận động không ngừng này đem lại không được phân bổ đồng đều và sẽ có kẻ thắng và người thua. Giải quyết tình trạng mất cân đối trong lĩnh vực việc làm có và không có thu nhập sẽ là một thách thức, đặc biệt là đối với phụ nữ, đối tượng chịu thiệt thòi trong cả hai lĩnh vực. Để tạo ra cơ hội việc làm cho cả thế hệ hiện tại và tương lai đòi hỏi phải hướng đến việc làm bền vững.

Việc làm có thể thúc đẩy phát triển con người khi các chính sách mở rộng cơ hội việc làm hữu ích, với thu nhập phù hợp, thỏa đáng và có chất lượng - nâng cao tay nghề và tiềm năng của người lao động - đảm bảo các quyền, sự an toàn, và phúc lợi của họ - và các chiến lược cụ thể nhằm

mục tiêu giải quyết những vấn đề và nhóm đối tượng đặc thù. Ngoài ra điều này còn đòi hỏi phải theo đuổi một chương trình nghị sự hành động về một Khế ước xã hội mới, một Thỏa thuận toàn cầu và Việc làm bền vững.

"Phụ nữ là đối tượng chịu thiệt thòi trong thế giới việc làm - cả việc làm có và không có thu nhập. Trong lĩnh vực việc làm có thu nhập, họ ít tham gia vào lực lượng lao động hơn nam giới, thu nhập của họ thấp hơn, công việc của họ thường nhiều rủi ro hơn và họ không được tham gia đúng mức vào những vị trí quản lý cấp cao và ra quyết định. Với việc làm không có thu nhập, họ phải gánh vác phần lớn công việc nhà và chăm sóc gia đình."

- Giám đốc Chương trình Phát triển Liên hợp quốc Helen Clark

"Lao động trẻ em không phải là một vấn đề đơn lẻ và không thể giải quyết một cách đơn lẻ. Cộng đồng quốc tế phải nhận thức được rằng nếu chúng ta không thể bảo vệ trẻ em thì chúng ta không thể bảo vệ những thành tựu phát triển của chính chúng ta. Chúng ta phải chấm dứt tình trạng bạo hành trẻ em."

- Chủ nhân Giải Nobel Hòa Bình 2014 Kailash Satyarthi

"Khái niệm công việc sáng tạo có thể phức tạp và khó nắm bắt, nhưng điều đó không thể cản trở chúng ta coi sáng tạo là thước đo chủ yếu về phát triển con người. Ngày nay, chúng ta đánh giá sáng tạo như một hợp phần không thể thiếu của phát triển con người."

- Chủ nhân Giải Nobel Văn Học 2006 Orhan Pamuk

"Tương tự như công việc vô hình của phụ nữ trong gia đình, công việc của phụ nữ trong xây dựng cộng đồng và giải quyết xung đột, có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển con người, lại thường không được thừa nhận."

- Chủ nhân Giải Nobel Hòa Bình 2011 Leymah Gbowee

"Việc làm, không chỉ riêng việc làm có thu nhập, đóng góp vào tiến bộ nhân loại và thúc đẩy phát triển con người. Nhưng mối liên hệ giữa việc làm và phát triển con người không phải là mối liên hệ mặc nhiên tích cực."

- Chủ biên báo cáo Selim Jahan